

TRƯƠNG BÁ CẦN



NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

**THÂN THỂ
VÀ DI THẢO**

PHẦN 4 - DI THẢO

Nguyễn Trường Tộ

Thân thể và di thảo

Phần 4 - Di thảo

Di thảo số 44 đến di thảo số 58

Trương Bá Cần



Paris * 01-2026

Nguồn : *lichsuhuyenbivietnam*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Ban Tuyển đọc Thư Viện Tiểu Lùn mạn
phép tác giả Trương Bá Cần thay đổi tựa sách
là: ***NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - THÂN THỂ VÀ DI***
THẢO.

Nguyễn Trường Tô

Thân thể và di thảo

Phần 4 - Di thảo

Di thảo số 44 đến di thảo số 58

TRƯỜNG BÁ CẦN

Mục lục

44. Di thảo số 44	11
Kế hoạch vay tiền để dùng vào việc binh	
45. Di thảo số 45	22
Về việc gửi học sinh sang Singapore học sinh ngữ	
46. Di thảo số 46	28
Việc dịch các văn kiện ngoại giao	
47. Di thảo số 47	41
Về việc cải cách phong tục	
48. Di thảo số 48	93
Thương lượng với Giám mục Croc	

- 49. Di thảo số 49** **102**
Tình hình chính trị nước Pháp với
công xã Paris
- 50. Di thảo số 50** **111**
Về việc chinh đồn quân đội và quốc
phòng
- 51. Di thảo số 51** **142**
Cần nắm vững tình hình chính trị
ở Pháp
- 52. Di thảo số 52** **157**
Canh tân và mở rộng quan hệ ngoại
giao
- 53. Di thảo số 53** **169**
Về chính sách nông nghiệp
- 54. Di thảo số 54** **219**
Phải gấp rút thực hiện các kế hoạch

- 55. Di thảo số 55** **236**
Nên mở cửa chứ không nên khép kín
- 56. Di thảo số 56** **258**
Bài khái quyền tiền sửa cầu
- 57. Di thảo số 57** **262**
Phong vũ biểu
- 58. Di thảo số 58** **273**
Bài tựa sách ĐÀM THIÊN LUẬN

DI THẢO SỐ 44

Kế hoạch vay tiền để dùng vào việc binh¹

(21 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức 10-4-1871)

Kính bẩm,

Ngô Khởi nói: Đạo dùng binh trước phải làm cho dồi dào của cải, sau mới dùng sức. Triệu Thố nói: lúa thóc nhiều, của cải dư, đủ sức công thì thủ, đủ sức thủ thì làm cho kiên cố thêm. Sách Luận Ngữ nói: Dân có đủ ăn mới giữ được

1 Bản văn chữ Hán 634/1 tờ 59-65. Không ghi ngày tháng, nhưng bản dịch của Trần Hữu Huyền, trên Văn Đàn 30-11-1961 trang 12-13, ghi “21 tháng 2 năm Tự Đức 24”

chữ tín. Lại nói: Phải làm cho giàu có rồi mới giáo dục được. Như thế đủ thấy người làm việc nước trước phải làm cho nước giàu, sau nước mới mạnh. Nước ta thời gian gần đây phải đánh Nam dẹp Bắc, của cải tích lũy đã cạn. Dân gian bị lụt lội hạn hán sâu rầy, làng xóm hư hao. Bên ngoài cướp biển hoành hành, đường buôn bán không thông. Bên trong sự cung đốn cho nhà nước ngày một gia tăng, lòng dân rời rạc. Tất cả đều do nghèo thiếu của cải gây nên. Tôi thấy các nước phương Tây, nhiều nước vay tiền các nhà buôn lớn để giải quyết việc cần gấp, sau đó sẽ từ từ hoàn lại. Nước càng lớn nợ càng nhiều. Thế nhưng chưa ai bảo như vậy là yếu hèn hay sai lầm kế sách. Tôi xin có ý kiến là hãy sai người đến các

đại thương gia ở Hương Cảng vay tạm 8, 9 triệu quan (Tôi bảo đảm chắc chắn có thể vay được). Mỗi năm ta sẽ trả tiền lời cho họ, hoặc giao ước ta sẽ trả hàng hóa cho họ rồi tính giá khấu trừ (Họ đến nhận hay ta đem giao cũng được), hoặc cho họ thông thương một hai cửa khẩu lấy thuế khấu trừ, hoặc cho họ lấy gỗ một hai khu rừng (Về lợi ích lâu dài của việc này, trước đây tôi đã bầm rõ trong bài Khai hoang từ) rồi hạn định mỗi năm trừ vào số tiền vốn là bao nhiêu hòa ước sẽ được lập theo luật phương Tây, sau đó xin quan Anh ký chứng để bảo đảm vĩnh viễn khỏi lo ngại.

Khi ta đã được một món tiền lớn đem về sẽ nhất tề bắt tay làm việc. Có vốn lớn chắc chắn sẽ có lợi lớn. Đó là lẽ thường. Một mặt, trước hết sang Ma Ni Lai mua độ 4, 5 trăm con ngựa đã được luyện tập xong và mười độ 100 người Ma Ni về tập luyện cho ta. Phong thổ khí hậu của họ cũng giống như ở nước ta. Vả lại giá ngựa ở đó cũng không đắt lắm. Những người giữ ngựa bên ấy nổi tiếng là những tay kỵ mã có tài. Dùng họ tập luyện cho ta chắc chắn ta sẽ tài giỏi. Việc ăn ở của họ cũng giống như ta nên việc nuôi dưỡng luyện tập không khó. Phải biết ngựa trận đối với nhà binh đặc lực vào bậc nhất. Hãy xem binh đội phương Tây bất luận đến đâu cũng đều kéo xe đem ngựa theo vì hết sức cần dùng đến

nó. Ta đã tập được ngựa trận xong (Ngựa trận của họ rất giỏi và binh sĩ của họ rất thành thạo), tức cũng nhân chuyển đi này ta lại mua độ năm, sáu trăm súng mã pháo kiểu mới, độ 20 khẩu mẫu tử đại đồng pháo gồm đầy đủ thuốc súng và xe chở pháo. Bấy giờ ta dùng bộ binh và đại pháo đi giữa còn ngựa trận chia làm hai cánh hai bên. Từ đại lộ bằng phẳng cứ một mặt bắn vào đồn giặc. Đồn vỡ, giặc tan, bấy giờ dùng kỵ binh chia đường đuổi theo giết thì mới quét sạch được giặc. Ngựa trận có nhiều công dụng và cũng dễ thi thố, nhiều người biết không cần phải nói dông dài. Phàm việc binh chỉ nghe nói vụng mà nhanh chứ chưa nghe nói khéo mà chậm bao giờ. Nếu đánh chiếm nhanh, dù có tổn thất lớn nhưng

cũng được lợi lớn còn hơn là kéo dài thời gian chiêu dụ để phải lo nuôi giặc, đề phòng giặc hay sao? Huống chi việc dùng ngựa trận không đến nỗi tốn kém nhiều. Hiện tại ta tạm dùng nó trong những việc cần gấp, mai sau dùng vào việc giao thông bằng ngựa, có công dụng cho quốc gia vô cùng. Thế có phải nhất cử lưỡng lợi không? Một mặt dùng số tiền này mở thêm các quân khu, cấp bổng lộc cho sĩ quan binh lính để khuyến dụ lòng người. Khoản này tôi đã bẩm rõ ở điều nói về tu chỉnh võ bị trong bài Tế Cấp trước đây. Nay không phải nói nữa.

Một mặt dùng số tiền này mua sắm những thứ nhu cầu khẩn thiết

lúc đầu để chế tạo và sửa chữa các thứ đồ dùng như sửa chữa cơ khí, đúc súng, đúc đạn, chế thuốc nổ và các thứ binh khí. Các thứ khí cụ này ta đều mua đem về rồi tạo riêng một xưởng cơ khí, mượn người Anh người Pháp mỗi nghề một người dạy tập cho thợ ta chế tạo các đồ ứng dụng. Đã có người phương Tây hợp tác cùng ta thì không chỉ hiện thời ta có thể chế tạo được đồ dùng mà không ngoài năm, sáu năm sau thợ ta sẽ dần dần khéo tay.

Đó cũng là nhất cử lưỡng tiện. Mấy năm trở lại đây, sở dĩ nước ta mỗi ngày một thêm nhiều nạn cướp biển là vì ở Trung Quốc hiện

nay ngành mậu dịch mỗi ngày một thịnh. Họ đã tạo được nhiều tàu tuần dương chạy bằng máy và các tàu buôn, tàu nhà binh của phương Tây qua lại đường biển như mắc cửi. Người Pháp cũng tuần hành nghiêm ngặt suốt từ Bình Thuận đến Hà Tiên. Do đó thuyền phỉ khó bề phóng túng hoành hành ở hai mặt biển ấy được mà phải trốn sang tá túc nơi hải phận nước ta. Nay nếu ta mua được năm, sáu chiếc thuyền máy chắc chắn, mỗi thuyền có độ mười khẩu đại pháo lớn nhỏ. Rồi lại thuê người Anh người Pháp mỗi thuyền một người trông nom máy móc và bốn người tập bắn, hợp cùng lính của ta vừa đi tuần vừa tập luyện dần thành chữ nhất đi từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam, gặp thuyền phỉ đều bắt

hết đưa về xử trí còn thuyền thì sung công. Nếu giặc biển đồn tụ thành sào huyệt thì thuyền máy của ta hợp lại tiêu diệt, giặc sẽ tan vỡ, mất chỗ tụ tập khó có thể xâm nhập nội địa được. Giặc phía Bắc nước ta đã bị ngựa trâu phá diệt rồi, dân chúng được yên ổn làm ăn. Dân được nghỉ ngơi, quốc gia giảm bớt chi phí. Trên mặt biển giặc cướp đã biệt tích, đường thương mại lưu thông, Nam Bắc đều lợi dụng. Tại Kinh thành việc chế tạo sửa chữa cơ khí được rèn luyện thành thạo, đồ dùng ngày một tinh xảo. Sau đó lại sai các tay thợ đã thành thạo phân chia đi dạy tập ở các tỉnh, một dạy thành mười.

Thực hiện đầy đủ ba việc lớn nói trên tức bắt đầu mở ra con đường tân tiến tự cường rồi vậy. Mà muốn nhất tề cử hành ba việc lớn ấy chắc hẳn phải có một số tiền lớn mới làm được. Nếu cứ dựa vào thuế khóa trong nước thì sự chi xuất có hạn, chỉ đủ cung ứng các chi dùng hàng ngày, làm sao nổi việc lớn? Nếu tạo được khí cụ để dùng, học tập được cái nghề công nghệ thì sẽ dùng nó mà khai thác các nguồn lợi trong nước, làm ra của cải vật dụng. Lúc bấy giờ quốc gia vô sự, sản xuất nhiều, ăn tiêu ít, không những đủ trả nợ mà còn thừa nữa. Nếu không thực hành gấp đường lối mà thiên hạ thường làm để cứu vãn tình hình khó khăn khẩn cấp thì dù cho Khổng Minh sống lại, Lưu Án tái sinh cũng phải bó tay

mà thôi. Tôn Tử nói: Sức kém, tiền thiếu người ta sẽ thừa cái tệ ấy mà nổi dậy, lúc bấy giờ dù là người có trí cũng không thể cứu vãn được. Tôi thành thật thấy ta có thể làm được, nên mới đem cái đường lối mà người có trí trong thiên hạ đã làm ra bầm rõ. Chỉ vì nó hợp với sự thế nước ta, nhưng chưa biết có được hay chăng.

Xin kính bẩm.

DI THẢO SỐ 45

Về việc gửi học sinh sang Singapore học sinh ngữ²

(Ngày 25 tháng 2 năm Tự Đức 24, tức ngày 14 tháng 4 năm 1871).

Kính bẩm,

Tôi thiết nghĩ ngôn ngữ các nước trên thế giới đều khác nhau, nhưng sở dĩ có thể hợp nhau trao đổi làm việc, đều do con đường thông dịch làm cơ sở. Phàm chiến tranh hay minh ước, cho đến

² Bản văn chữ Hán Hv 634/3 tờ 135-138. Không ghi ngày tháng, nhưng Nguyễn Lân sđd trang 43, có nói về việc học tiếng Anh, Pháp, tiếng Mường như ở đầu bài này và nói là bài viết ngày 25 tháng 2 năm Tự Đức 24.

những sự giao tế bình thường, đều dựa vào lời người thông ngôn. Nếu dịch sai lầm, thì sai một ly đi xa ngàn dặm. Cho nên các nước trên thế giới đều xem ngành học ngôn ngữ này là quan trọng và cấp thiết. Nước ta hiện nay, việc học tiếng Anh tiếng Pháp rất là khẩn cấp. Còn như muốn khai thác vùng ven núi về phía Tây để thu về nguồn lợi ở phía Tây ấy, kế tiếp công nghiệp mở rộng khai thác miền Nam của liệt thánh Triều đình ta, thì cũng không thể không gấp rút học các thổ âm các dân tộc vùng phía sau núi.

Nay theo thiện kiến của tôi, xin nên đưa tất cả học sinh của ta

sang Hạ Châu (Hoặc trích để lại tại Bộ một vài người kha khá để dành sai phái công việc) tìm nơi có trường học tốt thuê nhà trọ thì việc học được nhiều tiện lợi. Bởi vì một là ở đó gạo cá thực phẩm rất rẻ, ít tốn kém. Hai là nước trong trẻo không khí trong sạch, ít bệnh tật nên mọi người đều khen đó là đất lành. Ba là nếu đột xuất Triều đình gửi thư gấp gọi về một số nào đó để sai phái công việc, chỉ vài ba tháng có thể về kịp. Bốn là nếu có người nào bị bệnh không khỏi, không thể tiếp tục học được nữa, hoặc có người nào có tư ý việc riêng buộc phải rút về thì có tàu là đi được ngay không phải chờ đợi mà hao tổn công quỹ. Năm là nơi đó gần nước ta, thư từ tin tức qua lại ăn ở thuận tiện, không đến nỗi

buồn phiền mà sinh biếng trễ, việc học có thể thành công. Sáu là một nửa học sinh cho học tiếng Pháp, một nửa nữa học tiếng Anh, bình thường giao du thì nói tiếng Trảo Oa, tiếng Tàu, như vậy là học một mà biết được hai. Bảy là nếu người nào thông minh, ngôn ngữ chính của mình là học tiếng Pháp nhưng khi rảnh rang học thêm được tiếng Anh càng tốt. Đến khi mãn khóa có thể thi riêng môn Anh ngữ, nếu khá Triều đình sẽ có phần thưởng riêng, như thế ai nấy đều biết cố gắng, không uổng phí thì giờ học tập. Tám là nhiều người cùng học một trường, khi tật bệnh giúp nhau, phải quấy khuyên bảo nhau, để giúp ích cho nhau. Chín là trừ các chi phí về trường học và nhà trọ, tiền phí tốn đi về còn rẻ hơn đi

Tây gấp mấy lần. Những tiện lợi ấy nếu đem so sánh với đi Tây thì trái hẳn. Nếu Triều đình thấy việc này có thể làm được, xin nói rõ cho học sinh biết trước mấy ngày để chuẩn bị. Trừ số tiền ăn do Triều đình cấp, còn tiền tiêu vặt linh tinh (Tôi biết chắc nhất định phải có khoản này) học sinh có thể xin cha mẹ, anh em để xài riêng. Những tiêu phí như vậy vụn vặt lắm, làm người không ai tránh khỏi, mà cũng không thể dự liệu trước là bao nhiêu, nhưng gom lại cũng thành một số tiền lớn, không thể không có được. Tất cả học sinh đi học nước ngoài dù học ở đâu cũng phải như vậy cả. Sự chi phí này không phải chỉ tiêu dùng khi đi đường mà kể cả những chi tiêu lặt vặt trong cuộc sống hằng ngày.

Tôi có mấy ý kiến như thế,
không biết có nên chẳng. Nay kính
bẩm.

DI THẢO SỐ 46

Việc dịch các văn kiện ngoại giao³

(Ngày 10 tháng 3 năm Tự Đức 24, tức ngày 29 tháng 4 năm 1871)

Kính bẩm,

Người lo việc cốt nhất phải chu đáo, thi hành mưu kế cũng phải sao cho được vẹn toàn. Nếu lo việc hay lập mưu mà trong lòng còn một điểm nào bỏ cũng không xong làm cũng chẳng được, thế là tính toán chưa sạch nước. Nếu lần này

³ Bản văn chữ Hán Hv 634/4 tờ 143-150. Không ghi ngày tháng. Nhưng bản dịch của Trần Hữu Huyền, trên Văn Đàn ngày 17-1-1963, trang 46-47, có ghi là “10 tháng 3 năm Tự Đức 24”.

đi Tây, tôi đã thừa bẩm rằng tất cả những gì có thể cải chính những chỗ thiếu sót trước đây và khai thông con đường lợi hại cho mai sau đều quan hệ ở chuyến đi này cả.

Nay tôi thiết nghĩ trong lời văn như quốc thư, văn bằng hoặc dự liệu đến bên ấy tìm được đường lối gì mà phải chép trước thành văn bản để đề đạt ý kiến của ta, những văn kiện ấy đều phải dịch ra tiếng Tây nghĩa lý đầy đủ, lời văn khéo léo, có thể cảm động được người đọc người nghe, đó là điều rất khó. Như Lục Chí đời Đường viết bài chiếu mà làm cho người xem cảm kích phấn khởi vậy. Cho nên sự lý

chỉ có một, thế mà có người viết thì ý tứ nhạt nhẽo đọc lên phát chán. Nhưng nếu có người giỏi viết văn viết ra thì tinh thần bay bổng văn lý tuyệt vời, khiến người thưởng thức chẳng rời tay mà có thể lãnh hội đại khái cái ý vị thâm trầm. Dù cho sự lý cứng cỏi thẳng thắn mà lời văn uyển chuyển khéo léo cũng có thể che đậy được không làm cho người giận, có nói cũng không có tội. Những loại văn từ tuyệt diệu như vậy Đông Tây không nước nào không chuyên chuộng. Phương Tây người ta còn thiết lập một ngành học chuyên về loại này. Nay Nguyễn Hoảng nói: Nếu dịch đúng sự thật lời ý không sai thì dám vâng mệnh làm được. Còn muốn văn từ hay ho thì thật không dám. Tuy như người Tây trong trăm ngàn người

còn khó có được một hai người huống chi y là người Nam mà học tiếng Tây. Các linh mục Tây đã ở phương Đông chỉ có một người (Tên là Đường tuổi đã già) hiện ở nhà dục anh ở Gia Định cũng khá giỏi.

Ngoài ra như Giám mục Hòa cũng có thể gọi là giỏi. Huống chi y mà dám làm văn chương từ lệnh sao? Nếu chỉ cần cho đúng sự thật thì được. Tôi thiết nghĩ văn tự nước ta chỉ dùng cổ văn. Lời văn ý văn cũng đã biến đổi một ít, so với lời văn của người Tàu hiện nay cũng đã khác đi. Như năm trước, khi tôi ở Quảng Đông ba tháng⁴ đã khám

⁴ Bản dịch của Văn Đàn ngày 17-1-1963, dựa vào bản văn chữ Hán khác nói “ba năm” (tam niên).

phá ra điều này. Cho nên năm trước Nguyễn Bá Nghi gửi văn kiện cho Tây soái, trong đó có một tập, Hà Ba Lý nhờ một thầy Tàu (Thầy này dạy Hà Ba Lý học chữ Hán) dịch ra. Ông ta chia một câu dài cắt ra làm đôi. Sau tôi đọc thấy mới bảo rằng: Theo ngữ ý của người Nam thì đây là một câu. Nếu chia làm hai thì đó là theo ngữ pháp hiện thời của người Tàu, không đúng với nghĩa lý cổ văn. Ông ta mới phục lời tôi nói.

Ngày nay tại Kinh đô nước Pháp có bốn người Tàu (đều là người Bắc Kinh). Đó là những người được người Pháp mời về để dịch sách Tàu. Tôi gặp họ thấy họ là những

người rất tầm thường. Người Pháp có một nhân viên rất thâm nho nay đã chết. Nếu các văn kiện bằng quốc âm của ta gửi đến thì sẽ do bọn người này dịch. Nếu không rõ ngữ ý nước ta mà có một hai câu nghĩa lý không rõ ràng thì không khỏi họ đổ lỗi cho ta. Còn như việc tìm được đường lối, có viên chức nào trợ giúp cho ta thì họ cũng phải hiểu rõ hết sự tình lai lịch của nước ta mấy năm nay với họ như thế nào, rồi sau mới liệu lượng sự phải trái để tìm lý lẽ mà giúp ta. Việc này đâu phải trong một lúc đàm luận mà rõ hết được. Bởi vì họ cũng có công việc của họ khó có thể cùng ta đi hết những chỗ ngoắt ngoéo lâu dài được. Nếu ta cứ qua lại chàng ràng hoài không những làm phiền họ mà còn khiến người

ta sinh nghi. Cho nên muốn họ hiểu hết sự thể dài lâu của ta, chắc chắn phải viết ra văn tự rõ ràng, (Viết ra một bản quốc ngữ rồi sai dịch ra chép thành hai bản giống nhau như một để đại sứ của ta tự tay dán một bản lưu chiếu còn một bản cho vào phong bì cẩn thận ngay trước mặt mà gửi đi. Nếu có nghi ngờ điều gì thì đem bản này về đối chiếu với bản quốc ngữ của ta sẽ thấy ngay) gửi cho họ thông thả thì giờ đọc đi đọc lại. Nếu họ có nghi ngờ điều gì thì sẽ hỏi lại ta. Như vậy mới rõ ràng không sai. Còn như các đại học sĩ của họ thương nghị những việc quan trọng cũng vậy. Nếu có việc gì khó nói, hoặc nói chưa hết, hoặc ý tứ hàm súc, hoặc muốn biện minh cho rõ những điều mình đã nói tại cuộc họp thì cũng phải viết

ra văn bản, dịch gởi cho họ để họ tự hiểu, có hiệu lực hơn so với việc gặp mặt nói miệng.

Những văn từ qua lại như vậy hết sức quan trọng mà rất quan hệ đến sự thế, không thể xem thường được. Người xưa một lời nói còn hơn mười vạn quân, một trang giấy còn hơn công việc của mười Bộ. Lối văn từ lịnh như vậy không thể truyền bằng miệng được, phải có một người Tây giúp việc cho mới có thể chu đáo ổn thỏa được. Tôi đối với việc nước đã lo lắng đến như thế, tức là đã coi công việc nước như chính công việc của mình, cho nên tất cả những điều bầm thỉnh của tôi đều muốn sao

cho được thành công. Nếu biết rõ có một chút gì có thể gây sai lầm thì không những không dám bầm thỉnh mà nếu thế chẳng dặng dưng thì tôi cũng phải hết sức dùng kế thoát cho được. Nếu không thì tôi tội gì mà dẫn người để làm lầm lỡ cho mình?

Nay việc đi Tây hãỷ còn nhiều ngày, xin Triều đình hoặc có thể cho Giám mục Hòa lên kinh nghiên cứu tình thế để bàn bạc trù tính thêm kế hoạch, may ra giám mục có đường lối riêng nào có thể giúp cho chuyến đi này chẳng, hoặc giám mục có viên quan lớn nào là bạn tốt xin giúp cho ta trước, và giao trách nhiệm cho giám mục dịch

giúp các văn thư. Tất cả những tư liệu gì liên quan về tình thế trong nước Pháp, xin tiến hành dịch trước (Dịch ra thành hai bản chép giống như một, sứ bộ lấy một bản đem đi, còn một bản lưu chiếu). Nếu giám mục thấy chuyến đi này quả thật có thể thừa cơ hội mà làm được việc và trình bày mối manh rõ ràng có thể nghe được thì xin Triều đình yêu cầu ngay giám mục cùng đi luôn để giúp đỡ (Nếu vậy có thể thay được một thông ngôn, đã bớt chi phí mà giúp đỡ được rất nhiều) cũng được.

Nếu có nghi ngờ điều gì thì yêu cầu giám mục hãy hứa trước mặt rằng thủy chung công việc đều theo

như ý của Bộ. Nếu giám mục hứa rõ thì không phải nghi ngờ gì nữa. Mà nếu khả nghi thì chính tôi phải nghi trước không phải đợi đến Triều đình. Nếu quả thật Triều đình hiểu cho rằng tôi tuy ở chung nhưng chí chẳng đồng thì Triều đình không còn nghi ngại gì nữa. Mà tôi cũng còn phải theo sát giám mục để thi hành kế phản gián nữa. Như binh pháp đã nói cái kế xen vào để lung lạc bên trong, chính ứng dụng vào lúc này. Hãy thử xem trong tờ bẩm năm ngoái tôi cũng đã nói rõ. Kế hoạch này nay không phải bẩm lại nữa. Hơn nữa đối với giám mục từ trước tới nay, tất cả những cuộc gặp gỡ với quan bố chánh Nghệ An, nhiều lần có đem vấn đề sáu tỉnh ra nói chuyện mà giám mục đều chỉ nói không có chỗ sơ hở nào

có thể thừa cơ được. Thế mà nay lại xin viết thư cầu giúp thì trong lòng giám mục cũng đã cân nhắc như thế nào rồi. Về Giám mục Hậu cũng vậy. Trước đây giám mục đã bẩm với quan tỉnh rằng nếu Triều đình muốn làm việc lợi ích thì giám mục sẽ xin hết sức cầu giúp, còn vấn đề sáu tỉnh thì không dám. Thế mà nay giám mục lại đồng quan điểm với Giám mục Hòa như thế là có thể tìm ra đường lối giải quyết cho vấn đề sáu tỉnh. Có điều là cần phải giáp mặt bàn hỏi giám mục thì mới rõ hết được (Giám mục đã ở bên nước hai năm mới về và giao du rất rộng, có thể giám mục thấy được cơ hội tốt để hành động, không phải như Giám mục Bình chỉ biết việc đạo giáo ngoài ra chẳng biết việc gì khác). Hoặc nếu

Triều đình không muốn giám mục đến, và việc đi Tây hầy còn thư thả thì xin cho tôi trở về gấp. Về một tháng cũng đủ để giáp mặt thương lượng với giám mục. Và nếu thấy có mối manh thì xin quan tỉnh giáp mặt thương lượng rồi cùng với giám mục về Kinh cũng tốt. Tôi có mấy ý kiến như thế, không biết có nên chăng.

Kính bẩm.

(Nếu cho giám mục về Kinh thì khi đi xin cho tôi gửi một bức thư cho giám mục, kèm theo với công văn, để khuyên giám mục nên quyết định đi).

DI THẢO SỐ 47

Về việc cải cách phong tục⁵

(Ngày 10 tháng 3 năm Tự Đức 24, tức 29-4-1871)

NƯỚC NHÀ KHÔNG NÊN
KHINH SUẤT ĐIỀU NHỎ

Bẩm, tôi trộm nghe: Triều đình làm việc tươm tất đầy đủ. Lại nói “muôn điều mục đều trưng lên”. Nói “mục” tức là chỉ điều nhỏ (như là lưới, “cương” là cái diềng, mục là từng khoảng trong mặt lưới). Quan chánh đời Đường, Ngu nói

5 Bản dịch của X.T.T. đăng trong TIẾNG DÂN từ tháng 1-1940. Không thấy bản Hán văn ở đâu cả.

đến thuật muông chim. Thầy Mạnh Tử nói đến Vương đạo mà trừ đến việc nuôi heo, gà; Quản Trọng làm tướng nước Tề, có đặt nữ thương. Bính Cát tướng nhà Hán mà hỏi đến trâu, thỏ; Châu Lễ, vườn nào không trồng cây thì bị phạt; Nhà Tần, ai bỏ tro ngoài đường thì bị tội... Xem đó thì biết rằng làm việc quốc gia không nên khinh suất những việc nhỏ.

Việc Trung Quốc kể trên, còn là sơ lược. Đến như phương Tây thì càng tương tế hơn, như: tập lợi có trường, lấy phân có phép, đổ rác có xe, quét đường có phu; phạm việc thường hành trong dân gian, không có việc gì là không đặt chức

để coi sóc việc ấy. Thành muôn việc đều theo thứ lớp tiến hành. Vì công việc đầu nhỏ mà khắp nơi đều có, chứa lại thành việc lớn.

VIỆC NHỎ MÀ CẦN THIẾT VỚI NHÂN SINH

Tạo hóa sinh vật từ cái lớn không có bờ bến, cho đến cái nhỏ không nhìn thấy được trời vẫn sinh thành và chiếu cố đến cả. Tức như các đảo san hô ngoài biển, hợp lại rộng đến đôi ba ngàn dặm, có người và vật sống trên đảo ấy, mà nguyên chất đảo ấy là do xác trùng san hô tí tí chất chứa keo dính lại mà thành. Trên mặt đất về tính phì nhiêu ở trên, đều do cắt trùn cùng lá mục... chứa chất lâu đời, động

trong núi, do xác cá, xác trùng nhưng kết lại mà thành (nhà địa học đã xét nghiệm, đó là việc thiệt, không phải nói lý), thành món đại hữu dụng cho đời (như xác nghêu, hến, chế ra vôi cùng các vị thuốc kim thạch v.v...) đều từ những cái nhỏ đó cả, mà lại có cơ màu nhiệm sinh hóa mãi mãi không đời nào dứt. Tuy là vật nhỏ mà loài giống không tiêu diệt thành vật đại quan trên đời. Đây là toàn đức của trời của tạo vật...

Trong vật trời sinh, loài người khác hơn muôn vật, vì biết học theo đạo trời. Nếu chỉ có tánh tri giác vận động mà không có năng lực kinh dinh bố trí, thì sao gọi được

là thiêng hơn loài vật? Bởi vậy đã có loài người, đầu tóc không thể để bùm xùm như đồng cỏ, thì bịt khăn đội mũ; thân thể không lẽ để trần truồng, thì bận áo quần. Không thể sống trần trụi giữa đất trống không, thì làm ra nhà cửa; không thể ngồi nằm dưới đất được, thì sắm ra giường ghế; chân không đi trần được, thì sắm ra giày dép... Phàm những vật dụng người đời sắp đặt ra để hưởng dụng, khác với loài vật là tại chỗ ấy.

Nay nhân dân nước ta tuy đã biết dùng những cơ xảo để giúp sức người. Cơ xảo xứ ta còn nhiều khuyết điểm cái đó chưa nói, chỉ nói những điều nhỏ và dễ làm mà

khuyết điểm còn chan chan. Xin lược kể như dưới:

NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VỀ VIỆC NHỎ (QUANH ĐÔ THÀNH HUẾ) CÓ THỂ CẢI CÁCH ĐƯỢC

Kinh thành là một nơi tụ hội cả thanh danh văn vật và oai nghi lễ phép từ đó mà ra. Vậy mà trừ các nơi cung phủ ra, có lắm điều thô lỗ quê mùa không sao nói xiết. Thánh như Khổng Tử, từ cư xử, ăn uống, cử động, tới lui, việc nhỏ mọn ấy, học trò đều ghi chép để làm gương cho người sau. Vì xem người, xem điều nhỏ mà có thể biết được điều lớn.

Nói riêng về một sự ở. Nhà cách trí có nói: Người đời sinh bệnh nhưng bệnh đó từ lỗ mũi mà vào; những nơi uế độc, nhân khí nặng nề mà chưng lên, lẫn trong không khí, theo gió bay ra khắp nơi, nếu người nào hợp vào phổi thì khí độc ấy theo mạch máu mà đặt vào phủ tạng và chi thể mà sinh ra bệnh tật, đến huyết trong thân người hư hỏng mà chết. Đó là lý rất đích xác. Xem mùa nắng nhiều người cảm bệnh mà nhiễm bệnh ôn dịch thì rõ.

Nay trong Kinh thành, con đường lục bộ cho đến đường các nha thự chợ quán tường hào, vườn hoa và các bến sông chỗ nào cũng

có uế khí, thậm chí có kẻ trước mặt công chúng mà đi tiểu đại không biết xấu hổ; các cầu dọc theo sông, không luận ngày đêm đàn ông, đàn bà cứ ra nơi ấy mà phóng uế, quen lấy làm thường. Người lo sửa mình đối với bóng đèn nệm gối, còn lấy làm hổ thẹn, xây lưng với người gọi là vô lễ, trần mình đối khách gọi là khinh mạn. Huống Kinh đô là nơi tôn nghiêm, trên các đường quan quân qua lại, sĩ thứ tới lui mà còn để có những chuyện “bất nhã” như trên sao? Ở phương Tây phạm những người nào bỏ rác làm nhơ đường đều bị phạt cả vì việc ấy bất nhã mà có mối hại chung. Ta cũng là người như họ, lại không biết xấu hổ sao?

Đến như gạch vỡ ngói hư, cây nhành khô lá rụng đổ rác và tro than các nhà loại ra người nước khác thu nhặt làm đồ vật hữu dụng, tăng tấn nguồn giàu cho nước... mà người mình thì vứt ra cùng đường, ném xuống ao vũng, hoặc đổ ra ngoài hào quanh thành, chất đầy cả bến sông, có nơi đến chất đống, người ta nhân đó có thể vượt hào sang bến được. Tôi từng thấy nhà người ta cứ mang đồ ra tới nơi lan can các hào cửa thành mà đổ xuống thường lắm.

Người Tây phạm đường sông quanh thành và thông vào thành nếu như có người nào bỏ vật gì xuống thì bắt phạt là phòng lâu

ngày đường sông ấy bị chất chứa mà thành cạn. Nay hào sông quanh thành ta nước cạn không lút đầu gối, hai cảng Đông Ba, Bạch Hổ cát bồi gần lấp bờ. Lúc đầu tiên đào những hào và sông ấy là đặt nơi hiểm yếu, mà nay gần như đất bằng là vì sao? Hiện dọc hai bờ hào quanh thành bờ đã có những nơi gần đổ sụp những vôi cát đã hủng hủ, thấy người ta thường vịn theo nơi hang bờ đá, ở dưới hào mà leo lên bờ, dưới hào lại cỏ tốt, sen lên để ăn núp được... Những điều đó đều phạm đến kiêng kỵ của nhà binh.

QUAN THỰ

Dinh thự các quan, tường vách xiêu đổ; đến các quan giải, trống dưới dột trên, ngoài đường thì bùn lầy, vườn tược thì rác bẩn; trước sân quan nha thì cỏ mọc; trước cửa dinh quan nơi tụ ngõ mà đổ rác thành đống; ngoài hào thì nơi lồi nơi hủng, các nhà trong thành, hai bên đường gần nhà cứ quét dọn ra giữa đường như chia giới hạn vậy. Những đường bên vách tường đó, mùi hơi hôi thối, người đi qua phải che mũi đi mau... Cửa thành gọi là “quốc môn” lại gọi là “tượng khuyết” đời xưa phàm có truyền hiệu thì lệnh đều treo yết nơi cửa đô thành, người đi qua phải ng-hiêng lọng xuống ngựa để tỏ lòng tôn kính, mà nay lại công nhiên

làm như bản, như thế thì lòng tu ở đâu. Không phải là tiết mạn hay sao? Sao gọi là người nước biết giữ lễ nghĩa?

NHƯ BẢN CÓ HẠI ĐƯỜNG VỆ SINH

Những mối tệ như trên không sao kể xiết. Phàm những khí uế độc đều ở xứ này mà theo luồng gió lại bay sang xứ khác; huống chi là ở trong một đô thành. Tuy có một vài quan thự dọn dẹp sắp đặt cũng sạch sẽ chỉnh đốn; song nước gáo không thể cứu được lửa xe, cả đời đều đục mà trong riêng một mình thành ra nhiều người sinh bệnh, quân lính hay sinh lở chân... đã hại thân thể người và kém phần nhân

đạo, như thế không cho là việc nhỏ được.

VIỆC ĂN Ở

Các dinh quan như sáu bộ đường, bốn phía thềm ủm thềm, chỗ lũng, chỗ sứt, trông nó so le, xiêu queo như hình rắn đi. Trong nhà mò tối cửa vách đen mò, khói bay mờ mắt, giường chõng mục rệu, cánh cửa lung gãy, có lẽ giống nhà ông Nguyễn Hiến thời xưa [Nguyễn Hiến: Bạc cao đệ của Khổng Tử có cảnh nhà trên dột, dưới thì ướt.]. Đến đồ dùng trong nhà đều khí cụ thô vụng cũ rích đời nào, tưởng đâu các quan ta có tính ham đồ xưa. Ván kê sát đất không thông khí gió, trải qua ba mươi, bốn mươi năm loài rệp mối

tụ họp thành ổ căn người thành ghẻ, thán khí chất chứa không tan, cảm xúc là sinh bệnh. Thường nhà người trong buồng sâu phòng kín, không khí không thông, hễ một lần quét là thán khí bung ra, người vào đấy phải nhức đầu nghẹt mũi. Đó là thực chứng; hướng rắn rết chuột muỗi dùng những nơi dưới hầm thấp buồng kín làm hang làm ổ truyền đời này sang đời kia, những đồ nhơ bẩn chung quanh đều dồn chứa vào đấy, cái khí độc thật không nói hết!

Tôi thường thấy quan viên ở đây hai bên, và gia thuộc sai lính đi tìm thầy thuốc mà những quan và gia thuộc đó trông hình vóc ốm

yếu như người ở trong rừng sâu, trọn ngày làm việc khó nhọc khí uất trí ngăn, thì làm sao cho mình được thanh sảng, chí khí được khỏe khoắn mà làm việc cho tinh tường được?

Thầy Mạnh Tử nói: “Sự ở thay đổi được chí khí, sự nuôi thay đổi được thân thể”. Thật thế, người không có ăn mặc thì đạo vua tôi cũng dứt. Đó là điều đích xác và nhân đạo. Tôi thấy phần nhiều quan viên ăn uống sơ sài không bằng nhà trung sản trong dân gian. Họ thì trả lời rằng không phải không biết đồ tư dưỡng nên phong hậu, chỉ khổ không có tiền chu cấp nên phải thế... Chính dưới nhà bếp

không mấy khi có thịt thừa, cơm thừa. Đó là mắt tôi từng thấy mà không khi nào quên. Như thế là cố làm cái giả dối để câu cái dạng sao?

Năm trước sứ bộ ta sang Tây, người Tây thấy sự ăn uống của sứ bộ quá đơn giản, họ nói: “ăn uống như thế mà có sức để bổ vào phần trí dũng thật không sao hiểu được”. Đến trước mặt người nước ngoài mà không dám dọn bữa ăn cho sang không rõ là ý gì? Tôi rất lấy làm đau lòng, nên không thể không nói, sợ làm trò cười cho người ngoài không phải là việc không quan hệ.

Bộ đường là nơi nguồn gốc chính trị, nền tảng cường thịnh trong nước, quan hệ đến phong hóa và quốc thể, nhân dân chiêm ngưỡng, người nước ngoài trông vào mà sự ắt như đã thuật trên không những không biểu thị khí tượng hùng tráng của nước nhà, mà ở trong không khí ảm thấp thì người càng mê mải, tâm trí còn có lúc nào khỏe khoắn mà làm việc gắng sức chịu nhọc với phận sự? Tôi ở nơi chái tây quan Hiệp biện đại thần mà sinh bệnh lười biếng mệt nhọc, không có việc gì mà còn thế, huống chi các đại nhân công việc nhiều thì sao?

Hiện nay có lệnh cấm “người nước ngoài không được vào trong thành” vẫn là theo thời thế. Song ngày sau cùng các nước giao thông mà bỏ lệ cấm trên, người nước ngoài vào thành bước chân vào các bộ đường mà so sánh với cách cư xử của họ thật không khác gì một trời một vực, nhục đến quốc thể biết bao! Mà đã nhục đến quốc thể tức là bày chỗ hèn yếu cho thế giới cùng nhìn thấy, không xem như là việc nhỏ được.

KHOẢN TIÊU DÙNG CỦA QUAN VIÊN

Về các khoản ăn dùng chi tiêu của các quan viên không bằng sự tiêu dùng của một nhà khá giả trong

dân gian. Tôi hỏi vì sao, thì họ trả lời: “ăn tiêu như thế mà người ta gọi là quá xa xỉ rồi đó”. Có viên hàm Hàn lâm trước tác, ra chợ mua một xâu cá một xấp thuốc, mang về tự nấu lấy, hỏi thì họ nói: “Không có tiền thuê đũa nấu bếp” (!).

Chức phận dầu nhỏ cũng là quan của Triều đình, mà khổ nhục đến thế, thì dân bảo thế nào? (Đoạn này kể nhiều đến điều mắt thấy vào thời ấy, như nhà quan chức lớn mà ăn uống thô hèn, công tử mà bận áo rách v.v... xin lược).

Thường thấy nhiều vị quan viên tiêu dùng một quan tiền như nhà buôn giàu xài một trăm quan...

Những cách hiểu đó, chính là con ma nghèo đeo đuổi triu mến

mà không rời vậy. Sao không làm văn mà trọc nó đi? (Quan há bấy giờ không tiền mà lương ít thì lấy đâu mà xài? Tiên sinh chỉ nói đến hiện tượng mà không xét đến nguyên nhân, nên lúc ấy dư luận không phục).

Ở phương Tây một vị quan nhà nước, nếu làm không đúng cái thể quan, mà có đê hèn đôi chút đã bị cách chức vì đã làm vết xấu trên danh dự quan trường. Cho đến hạng dân nghèo không được đi đến nơi đó hội phần hoa đều là để tôn trọng quốc thể vậy.

Còn như quan ta, nếu bảo rằng che giấu sự giàu mà biểu thị cái nghèo ra, thì cũng vô lý hết sức. Vì ăn dùng như vậy có người làm quan trọn đời mà cũng như vậy. Lại có ông quan thẳng trật cái lý mà dân dám đón đường đòi nợ như đám dân nguyện lưu. Vậy để tiền làm gì? Giả dối đến thế là cùng. Phải chăng để dành tiền đặt dùng sau lúc mình chết? Tôi chính mắt thấy có ông quan già về hưu mà còn sống nhờ vay nợ, phải chăng để dành tiền bạc di chúc cho con cháu trả nợ cho mình được sạch tiếng chẳng?

SAO GỌI LÀ LIÊM?

Gọi rằng “liêm” vẫn tiếng tốt, song tại lương tâm mình chứ không phải dùng vật. Nay có người giữ theo tính riêng của mình khác với mọi người, như người xưa có anh say mê người con gái một mắt, xem người đời đều thừa một con mắt, mà cho là người đời không có người hoàn toàn; hay thấy người nào dùng một vật gì tốt mà xúm tay chỉ trỏ, làm cho người kia mang tiếng này nọ. Lấy cái tính quấy giới trái thường của mình mà đặc chừng sự tham mạo của kẻ khác xem người đời như ruồi hút máu, mà đem cái vết con trùn để buộc vào tính người (loài giun ăn đất) để so sánh chỗ mình khác

người, đó há phải người bình tình nên làm sao?

Tôi thấy quan viên phương Tây gặp có vị quan nào cùng túng thì bạn đồng nghiệp, đồng liêu quyền giúp đặng mua đồ khí dụng tinh hoa, trần thiết cho có vẻ đẹp. Nhà nước đối với quan viên ngoài bổng lộc lại có tiền phụ cấp, cho xứng với chức quan và thể diện quan. Vì một người có điều xấu hổ như lá đổ xuống nước mương rãnh và dạy quan học thói tham vạ.

Nhà nước vẫn cầu cho quan được giàu sang và ghét quan tham ô. Làm quan tham ô nhục đến thể

diện, ăn của đút lót, hình luật có phạt. Song có bổng dưỡng liêm mà sau tránh phạt kẻ không liêm, mới mong tránh khỏi mối tệ nói trên. Nếu ngăn phòng sự tham ô mà lại ghét ganh kẻ giàu sang, nào có khác gì nhân ghen mà bỏ ăn?

Vậy, trừ việc “hiếp người trái phép mà lấy của” đáng bắt tội ra, ngoài ra, theo việc thông thường mà làm nên giàu không hại cho ai mà dân được nhờ, cũng lại là đáng khoan, lại giúp thêm việc thịnh lợi cho nước. Tức như thầy Mạnh đã nói: “Trị người thì được người nuôi”.

Vả chẳng tài hóa cần phải lưu thông, có tụ lại thì có tan ra, là lẽ tự nhiên, không lấy gì làm phương hại, Tiên Triết có nói: “Quan tham mà có phần trung hậu, hại dân chưa lắm. Quan liêm mà quá ư thâm khắc, dân chịu cái hại ngấm ngầm không ít, mà hao tổn đến quốc mạch”. Vì đã cần cho được tiếng “liêm” thì việc gì cũng thẳng tay, không chịu xét theo nhân tình. Đạo trời cũng thế, nên chỉ thi hành cái lệnh “túc sái” mùa thu, tội gì cũng tuyệt trừ đi, thì người và vật có lẽ đến ngày nay không còn.

Đời Đường, ông Hàn Dũ làm việc tể tướng, thấy có ai bới lông tìm vết, chỉ vạch điều lỗi của kẻ khác,

ông bảo: “Trên đời, vua thánh như trời mùa xuân, sanh trưởng muôn vật; thứ tốt loài xấu đều bao dung cả. Sao lại tìm móc điều lỗi nhỏ của kẻ khác để giam cầm người ta giữa đời thịnh trị?”

Trương Tuấn, tôi đời Tống, một ngày nọ bắt được một đảng ngụy chở ba mươi vạn quan tiền, muốn kết án tử hình. Triệu Khai xin lấy cái ấn “Tuyên vũ sứ” đóng lên trên số tiền ấy, kêu tội “kênh” (chạm chữ vào trán) bắt bọn chúng làm công việc đúc tiền... chỉ xoay một cái đã được ba chục vạn tiền, lại thoát tội tử hình cho năm mươi người, đời sau khen Triệu Khai là tay “đại thủ đoạn kinh tế”.

Tào Tham, danh tướng đời Hán,

ủy thác cho người thay chức mình nói không nên làm rối chợ ngục. Quản Trọng, danh tướng nước Tề nói Bảo Thúc Nha không thể làm chính trị vì thấy người nào có lỗi thì trọn đời không quên (Không có độ lượng làm tướng quốc v.v...)

Trên, nói “liêm cũng có hại” là vì thế. Bằng như nói kẻ giàu sang lại tham ô, thì sao không trị tội một cách minh bạch công nhiên, mà chỉ lấy lời nói làm phòng hại người cùng cách bó buộc ăn ở để phòng hại đến quốc thể?

(Bài này cốt châm mỗi tề đời Tự Đức, nên cực lực bác cái đức

“liêm” giả dối đó. Đời nay thì dầu người liêm giả dối cũng đỡ cho dân).

KHÔNG DÙNG ĐỒ TỐT ĐẸP KHÔNG PHẢI LÀ LIÊM

Âu Tây thì khác thế: Không luận là quan hay dân, đều cần cho được giàu thịnh, vì quan dân trong nước mà có được nhiều cái tốt đẹp đều có quan hệ với quốc gia Triều đình. Nghiệm ở Triều và ở thôn quê mà biết nhà vua tôn quý là thế nào. Vào một nhà nào mà thấy bọn đầy tớ ăn mặc chỉnh tề, thì biết chủ nhà là giàu sang; làm con cái mà lập được cơ nghiệp tốt đẹp, đó là lẽ đương nhiên. Nay ở nước ta lại cố ý làm cho thô vụng xấu xa

và có tục ngăn cấm sự ham đồ tốt đẹp, như có nhà nào dùng một vài đồ ngoại quốc thì nghi là tư giao, ngầm ngầm kiếm cách để làm hại, cho đến người đời lấy sự “tốt đẹp” làm kỵ húy. Từ quan đến dân, đua nhau làm những nghề tinh xảo ngày một tiêu mòn, dùng những đồ vụng rồ thể thống càng hèn, người giàu cũng như người nghèo, kẻ sang cũng như kẻ hèn, có cái thể đáng ham muốn mà không có sự đáng kính, không có cái vinh hoa phô với người. Văn vật ngày càng suy, áo xiêm càng xấu, không có vẻ tốt đẹp. Như nói lấy lẽ mà tiết chế kéo sợ người nước tập thói xa xỉ thì trên thế giới các nước đều lấy sự giàu mạnh mà khoe với nhau là ngu dại cả hay sao?

Trời sinh ra những vật tốt đẹp cho người sử dụng, mà nay lại ném bỏ đi, ấy là bạo khí của trời. Như thế thì việc thông thương mại, khuyên trăm thợ, không cần nói đến, giàu nước đủ dân cũng là sự đáng chê, lợi dụng hậu sinh, không có nghĩa gì, mà đặt ra trường học và xưởng công nghệ, cũng là việc không cần cả. Đồ khí dụng tốt đẹp, tạo ra mà không được dùng, lại kiêng sự dùng, khinh rẻ kẻ dùng, ai dùng lại bị chê cười nữa, thì dùng đồ tốt đẹp đó trở thành làm như kẻ hiền đạt, nhục đến thân danh, rước lấy điều ghen ghét lại bị dòm xét này nọ, thì có khác gì làm cái hầm trong nước cho người nước xía chân vào hay sao?

Thánh nhân đời xưa không quý chuộng vật lạ là những thứ vô ích vô dụng mà khêu lòng dâm dăng kia. Nay như cái đồng hồ, cây đèn cùng cả đồ tinh xảo thường dùng trong nhà, cần thiết với nhân sinh thì dùng lại càng tốt. Vậy mà tôi đã hỏi nhiều vị quan sao không mua đồ ấy mà dùng cho tiện lợi, thì thấy cả đều trả lời “chết! chết!”. Không rõ có cái gì cảm hóa mà ngấm ngấm khiến cho người ta làm theo, như là luật hình nghiêm khắc đối với giặc bí mật.

Theo thông tánh loài người, ai cũng có tính ưa thích cái đẹp; nếu trái với cái tính ấy thì trăm việc

không việc gì nên, mà trái với tính trời đã phú cho người. Duy dùng có tiết độ, vừa phải, ấy tức là lẽ chớ đâu phải buộc cả mỗi người đều trốn đời tu hành mới gọi là “liêm” hay sao? Liêm như ông Trần Trọng Tử ở Ô Lăng (không ăn của anh, ở riêng một mình) mà thấy Mạnh Tử mật sát, Tề Oai Hậu cho là đem dân vào đường vô dụng mà đòi giết đi.

TRỊ ĐỜI PHẢI XÉT TÍNH NGƯỜI

Thánh nhân trị thiên hạ, phạm việc gì bất cặn nhân tình như kẻ trốn đời, tuy có kính trọng, mà không thể đem khuôn kiếu ấy ra dạy người đời. Sáng mắt như Lý Lôu, thấy cây kim trong buồng tối, nhưng cũng phải dùng thước,

cân, lượng mà chuẩn, vì không lấy cái “sáng” đó mà buộc cho người thường được.

Vua Hoàn Công nước Tề háo sắc, mà Quản Trọng cho là không hại gì nghiệp bá. Vua Tuyên Vương nước Tề háo hóa mà thầy Mạnh cho là nên suy ra thành vương chánh... Từ xưa những vị vua anh hùng khai cơ dựng nghiệp, đều lấy sự “bảo trợ giàu sang, chung cùng lợi lộc” thề với những truy tùy với mình. Nếu mỗi người đều thành như Bá Di, tín như Hiếu Kỷ thì cùng ai mà tóm thâu thiên hạ làm nên nghiệp vương được? Và như các vị công thần, bỏ nhà cửa, lìa bà con, trông ngày sau được phong tước hưởng lộc đó, đều cho là hạng người bất trung và tham tâm cả sao? Như chỉ

hứa bằng miệng suông mà không có thực lợi giàu sang đi theo sau thì mục “cửu kinh” trong sách Trung dung, có hai chữ “trọng lộc” cũng nên cạo bỏ đi cả.

Phải biết hai chữ “danh lợi” cùng đi đôi với nhau. Nay đã gánh phần lo cho thiên hạ mà không được hưởng niềm vui trong thiên hạ, thì ai còn khổ gì mà phải làm quan? Xưa vợ Trần Trọng Tử can chồng nếu chịu lãnh tước lộc thì phải gánh việc nước, e có điều nguy đến tánh mạng... người đời cho là hiền, vì trọng tính mạng mà xem nhẹ tước lộc. Nay đã bắt lo toan việc nước là việc nặng mà lại không được hưởng cái nhẹ kia, thì làm sao mà bảo trọng được?

Đời xưa vua đãi với tôi, như vua Nghiêu sắm đủ kho đụn để phụng vua Thuấn, vua Chiêu Công định phong Thơ xã cho Khổng Tử, có phải là đem cái mỗi giàu sang mà dụ người đâu?... (lược) Đã là quốc gia phạm việc gì cũng gốc theo nhân tình và thông tính trời phú cho người, dầu thánh hiền cũng không khỏi. Nay lại mất cả người trong thiên hạ mà làm cùng khốn quê hèn, không phải là trái với tính người sao? Như vậy thì trông mong cho nhà nước giàu mạnh thịnh lợi để dùng làm việc gì mà lo toan cho một nhọc?

VẬT CHẤT CÓ QUAN HỆ VỚI TINH THẦN

Người xưa đến một nước nào, vào trong nước mà trông thấy đô thành tráng lệ, lâu đài phố xá chỉnh tề sạch sẽ, đô thị có ngăn nắp, nhà cửa có hàng ngũ, đồ mặc đồ dùng có vẻ chỉnh sức, không khí trong sạch... thì biết là nước ấy có cái cảnh tượng hùng thịnh tấn tới, trái lại nếu trông thấy nhân vật quê mùa hèn hạ, phong cảnh u sầu, ăn ở tệ lậu, trông phong sắc có dạng buồn rầu cực khổ thì tương lai của cái vận nước ấy không đợi nói mà ai cũng hiểu được; điều quan hệ đó, đâu phải là việc quan hệ nhỏ (Thuyết này rất đúng, không rõ Triều Tự Đức có quan cảm thế nào?)

Nói riêng ở chỗ Kinh thành đây, cái ao trong ngoài thành để cỏ mọc um tùm, chung quanh thì làm nơi chứa những rác rến dơ bẩn chất thành từng đống, có nhiều hơi độc. Nhà cách trí có nói: Phàm những nơi ẩm thấp đồ dơ bẩn của người và vật, chầm ngấm trong bùn đất, đến mùa nắng khí độc xông lên, người ta gặp phải sinh tật bệnh cảm nhiễm đến chết. Xem hôm nào trời động trên mặt nước có cái sắc khác với ngày thường, đó là chứng thực rõ ràng. Bằng như nói sợ động đất không nên đụng chạm đến các ao đó, thì trước kia đào những ao đó làm gì? Mà đã vô dụng thì lấp bằng đi, sao lại để cao không cao, thấp không thấp, ao không phải

ao, ruộng không thành ruộng, làm những khoảng đất trống vô dụng làm mối hại lâu dài ngấm ngấm cho người đời? Nay như nhận những cái cũ sẵn có đó mà chỉnh đốn cho thành mới, nuôi cá phải phép thì mỗi ao trong một năm có thể lợi được hai ba ngàn quan tiền, lại được những điều ích hơn là phong cảnh vui đẹp, có lợi dùng nước để tưới vào hoa quả và tuyệt khí độc sinh bệnh hoạn. Như thế vì có gì mà không làm được?

Tôi lại thấy các nước trên thế giới, phạm những dấu tích của các vị đế vương đời trước còn lưu lại, bất kỳ thứ gì có mồ hôi tay và miệng của tiên triều, không luận cái lớn

hay nhỏ, đều bảo tồn một cách rất cẩn thận, cho đến lâu đài quan phủ cũ đều chăm sóc chỉnh đốn cho mới thêm, khiến cho người sau trông thấy huân nghiệp hùng vĩ, biết là cội gốc sâu xa mà sinh lòng yêu mến sùng bái cũng lâu dài. Điều quan hệ không phải nhỏ, chỉ xét về mặt trái thì biết. Song đó là điều kỳ hựu không dám nói rõ.

ĐI XE VÀ ĐI GIẦY

Xa chính (trong nước dùng xe để đi và vận tải) có lẽ nước ta bỏ đã lâu mà không tu chỉnh lại. Trên thế giới từ nước hạng nhất đến nước hạng ba không nước nào không lấy xa chính làm việc trọng đại, vì giúp cho sức người rất nhiều công

việc. Xưa nay trên sử sách nói về xa chính đều có minh chứng không đợi nói nhiều.

Trời sinh vật để giúp cho người dùng và thay sự khó nhọc cho người nữa, dùng trâu ngựa kéo xe chở đồ nặng, trên đời thường dùng ít mà thu công nhiều. Nếu dùng sức một, hai người mà mang gánh không phải phụ cái ý “trời sinh vật cho người dùng” hay sao? Đến xe cộ dùng vào việc binh, công dụng rất lớn, không nói hết được. Đã có xa chánh (có xe phải nuôi ngựa), mà nghề mục súc cần phải mở mang, không phải là việc lớn trong quốc chính sao?

Tôi thấy những người phu kéo xe và đẩy xe chở vật hạng trên đường cái quan, nếu có người nào quá nhọc mệt mà ngồi lên trên xe thì kẻ hạch hỏi và bắt phạt tội, không rõ có điều nghiêm cấm ấy không mà họ làm như thế? Nếu như nhận thứ xe làm đồ phẩm dụng quan dụng thì phân biệt bằng quy chế để chỉ rõ từng đẳng cấp (xe quan dùng, xe dân dùng, có dấu hiệu v..v...) không tiện sao? Sao lại không chỉ rõ đẳng cấp, mà cứ để mù mờ để hẫng một việc dùng lớn trong nước? (Trong dân không có xe). Có tiện lợi cho việc dùng mà sau dân được phong hậu, tức là ích cho nước. Các nước thế giới đều nhận việc xe cộ vận tải làm mối lợi giàu mạnh trong nước, quan hệ cả công tư, không phải là việc nhỏ.

Việc dùng thế nào không đợi nói nhiều.

Thứ giày là việc hèn không đáng nói. Người sở dĩ khác với loài vật là biết ăn thịt nó, dùng da nó để giữ thân mình cho tròn vẹn, cha mẹ sinh thế nào thì bảo tồn thế ấy, không làm hại đến có vết tích, ấy gọi là hiếu. Nay người mình đem cái chân cha mẹ sinh thành mà không từ gai góc, không tránh sạn sỏi, như bắn và trùng độc, cứ đập bừa mà đi. Vì thế người mình thường sinh bệnh lở chân, lở cẳng (ghẻ chùm bao và dạn v.v...) nhiều hơn nước ngoài.

Trời sinh loài thú ban cho nào nanh, nào móng, lại có da dày rất bền, đâm không thủng gai không đâm được. Nên loài vật không cần đi giày cũng có đồ tự vệ. Đến loài người da chân rất mỏng, có cái gì chạm là lủng, đã không có da dày như loài thú để giữ cái chân, lại không dám mang giày, người không giống người, vật không giống vật không phải một điều khổ sao?

Các nước thế giới không nước nào dùng thứ giày làm vật phẩm quan dụng (Quan dân có tiền thì sắm mà mang), vì nó là vật hèn. Như nước ta nhận làm là vật phẩm dụng (Dùng để phân biệt với người có quan phẩm) thì trên đôi giày

mang một dấu hoa hay vẽ gì đó để phân biệt quan dân cũng được, cần chi phải cấm thứ “giày” hèn đó khiến cho dân gian không ai dám đi giày để cho người ngoài cười mình là dân dã man? Chưa nói người mình cần giày thì thêm được một nghề cho người có việc làm, đó là điều ích. Chứ như không mang giày mà chân bị thương thì toàn thân đều không dung. Người xưa lúc ra trận bị đâm nhảm vật nhọn, bị té ngã mà toàn quân bị thua, chứng rằng “giày”, vật tuy hèn mà công dụng rất lớn vậy.

(Dân gian đi giày không có minh văn lệnh cấm đời nào. Song xem đời Nguyễn Trường Tộ tiên sinh thì đời Tự Đức có lẽ theo tục lệ, quan thấy dân đi giày thì quở phạt. Hiện

nay một vài nơi phủ huyện học trò và dân đi giày, guốc có nơi bị quở đánh, thì tục lệ vẫn chưa dứt hẳn. Một điều lạ là phương Đông như nước Tàu mà mắng người thường dùng tiếng “lão không giày” (vô lĩ chi lão). Còn người Nhật toàn đi guốc cả nên có tiếng là nước guốc gỗ. Duy có nước ta dân gian không đi giày, đến ngày nay dân quê còn thế, đó là cái chứng nghèo chăng?)

Trời sinh loài người khiến biết tạo các vật dụng để phân biệt với loài vật, để toàn đạo làm người, là vì lẽ gì? Nói nhường riêng một thứ giày đó để quan dùng cho trọng sự tôn kính, thì giày ở dưới chân vẫn là đồ khinh, còn áo mặc mới

là trọng, sao không cấm thứ trọng để quan được mặc áo, hưởng sự quan trọng đó? Mà bắt dân gian làm “nước ở trần trụi” không được mặc áo, không cần trồng dâu để nuôi tằm, không dễ dàng hơn sao?

Thánh nhân chế lễ, gồm cả việc nghi văn để bày tỏ là có lễ có văn mới gọi là lễ; nếu như trần vai truồng mình thì gọi là khinh mạn. Nay ở trường ca xưởng hát bội thì bọn hát được đội mũ đi giày, thì ra lấy trường hát bội làm trọng, mà khinh rẻ nhà công đường sao? Tôi không rõ từ đâu mà sinh ra cái tục đó, rất trái với bản ý lễ của thánh nhân.

MỘT VÀI TỤC XẤU CỦA PHỤ NỮ

Đến như phụ nữ ta, lại có lắm điều vô lễ; tôi thấy trên thế giới người đàn bà đã 50 tuổi mà không khi nào lộ nửa thân thể ở trần bao giờ. Tuy dân Mã Lai là dân bậc chót, đàn ông nửa mình trên đều ở trần, mà con gái thì bận kín. Đến người nước Tiểu Tây (Thổ Nhĩ Kỳ) thì con gái, đàn bà chỉ để lộ hai con mắt, mặt mũi đều che kín cả. Người ta làm thế là để phòng nhàn sự phi lễ.

Nay đàn bà xứ ta, thường thấy nửa thân trên ở trần (ở Kinh thành cũng có thế) mà trước mặt công chúng đông người xắn quần đến trên đầu gối, như đàn ông bận khố,

trông như vị hòa thượng không mang một sợi tơ... Đời xưa nói “mẹ chín con” nay hẳn thấy thế, quê xấu biết bao? Sao không biết hổ đến thế. (Đoạn này nói ở trần đi tắm và giỡn cợt nhau... Xin lược).

CHỬI RỬA

Đến trong ngôn ngữ giao tế với nhau lại lắm điều không thể đặt tên được:

Nước ta những nơi thành phố chợ búa không luận đàn bà trẻ con ngu dốt không biết gì đến người có học có biết chữ mà mở miệng là nói tiếng mắng chửi và lời thô bỉ nói luôn đầu môi. Tập thành thói quen, những tiếng “mắng cha chửi

mẹ” cùng tục tĩu, người nghe đến như cả lỗ tai mà tự người nói lại lấy làm khoái, cho đến dạy câu mắng, học bài chữ, đọc ra có cung, có điều, nếu như người nào mắng chữ cả ngày mà không trùng lặp, thì người ta xem như Tô Tần, Trương Nghi trong khoa mắng chữ, chiếm giải quán quân vì miệng chữ như nước chảy không khi nào cản vậ!

Đến lúc diễn ra cái bộ dạng mắng chữ, tiếng như mõ rao, chân như múa hát, lên tay, xuống ngón, mặt như sơn đồ, tóc như tơ vò, nước miếng như bột giải, tay cầm đất lia, chân đi cà xiềng không khác gì người điên... Những thói xấu đó thật là ba phần giống người bảy phần giống ma quỷ. Trước đây lúc người Tây mới đến Gia Định

(Nam kỳ) một lần thấy hai người Nam đang mắng chửi nhau, lên tay xuống ngón, múa men v.v... họ xúm lại xem cho người Nam làm trò. Sau họ biết rõ hễ thấy đám mắng chửi nhau, thì dùng “ba toong” giải tán ngay.

Lại còn một điều xấu nữa, hễ có điều bất bình với ai thì phát thệ và nguyện rửa chước dữ rất nặng. Thường ngày cùng giao du với nhau mà đến ghét bỏ nhau, chất chứa điều bất bình lâu thì khi yêu nhân đó mà sinh ra. Như cho là vô hại thì trong luật có điều “cấm nguyện rửa” làm gì? Đời Hán, Giả Nghị lấy gương nhà Tần làm răn, không phải là vô cơ. Vì đối với đồng bạn

mà nguyên rửa mình bạch thì đối với người trên, há không nguyên rửa âm thầm hay sao?

(Có dẫn vài chuyện “rửa” làm chứng, xin lược).

“Không nên nói điều phi lễ” thánh nhân có dạy: “Mắng chửi bị án xuy mười roi”, luật có điều ấy rõ ràng. Nay thói ấy đầy cả thành thị mà cứ để như vậy thì còn dùng sách và vật làm gì? Việc nhỏ như thế mà không lấy lễ phép chỉnh tề sửa đổi lại, huống chi việc lớn. Ngoài ra như “đầy miệng điều láo, một ngày bán được ba gánh giả, đến đâu cũng dối, ba ngày không mua được một điều thiệt”. Thật là không còn chút lễ nghĩa liêm sỉ nào. Cái phong tục khiêu bạc đến

thế là cùng! Thế giới chưa có nước nào như xứ mình. Phép nước mà không làm cho người nước ngoài mặt thì còn nói đến chuyện hóa thành tục mỹ được?

Trên mấy khoản là tựa chỗ gần mà thường thấy, nên chỉ trực tự như thế mà không nói đến phương cải cách. Vì việc cải cách đó rất dễ...

DI THẢO SỐ 48

Thương lượng với Giám mục
Croc⁶

(22 tháng 5 năm Tự Đức 24, tức
ngày 11-5-1871)

Kính bẩm,

Từ khi giám mục Hòa đến, tôi
hằng đêm suy nghĩ kỹ tình thế hiện
tại, biết rõ rằng hiện nay tình thế
bên nước họ cũng chưa ổn định.
Tuy muốn giao hảo trở lại với Phổ
mà chấm dứt xung đột nhưng Phổ
đòi giá quá cao nên họ không gánh

6 Bản Hán văn Hv 634/4 tờ 155-160. Không ghi ngày tháng. Nhưng di thảo số 48 nói tờ bầm “22 tháng này”.

nổi, một nửa cũng muốn sống mái một phen, một nửa lại muốn chịu nhục nộp tiền bồi thường. Cả hai đều chưa dứt khoát. Lại nữa nước họ một nửa những người có quyền muốn lập Cộng hòa chấp chính để giúp cho phe nhóm của mình. Còn những người mưu việc chính trị ở Viện Thứ Dân thì muốn lập dòng dõi của vua trước lên (là người chính thống từ xưa nay) để đổi mới nền chính trị. Những người đương cầm quyền thì hết 8, 9 phần 10 đều là người kiêu căng khoe khoang chuyên chế tính khí bất thường. Cho nên họ bàn việc thì phát ngôn bừa bãi chẳng nghĩ gì đến việc lợi hại. Vì vậy giám mục có nói riêng với tôi rằng: Việc mà Triều đình muốn, nếu thương thuyết với đảng của họ thì có thể được một cách

thình lình hoặc cũng có thể sinh sự một cách bất chợt, chưa thể nào chắc chắn. Bởi vì họ vui giận bất thường. Bọn họ là những người đem nghĩa lý cất kỹ trên gác cao. Những người chính nhân quân tử đều chán ghét họ lắm. Cho nên giám mục suy nghĩ kỹ việc này thấy không có manh mối gì cả thành thử không dám nói chắc (Đó là những ý mà giám mục bàn định riêng với tôi về việc được hay thất bại chứ không phải nói ở chỗ công sở). Nay đảng của họ lại muốn thu lấy nhiều của cải ở sáu tỉnh cho nên việc thông thương lợi ích họ còn rất trì hoãn không để ý.

Như tờ bẩm trước tôi đã nói thay đổi thời cuộc còn khó là vì vậy. Nay người con cháu nhà vua thật là người tốt, mà những người đứng đầu ủng hộ việc lập con cháu nhà vua cũng có nhiều hảo tâm. Còn người con cháu nhà vua, giám mục cũng có biết qua, những người đứng đầu chủ trương việc suy tôn nhiều người ở gần làng với giám mục và giám mục có quen biết một hai người. Nếu may ra người con cháu nhà vua được lập lên và sứ bộ đi Tây mà Triều đình chẳng chê bỏ kẻ hèn mọn thì giám mục vui lòng gắng sức làm công việc sai bảo này. Như vậy giám mục mới bằng lòng. Có điều là những người ấy phần nhiều là những người lương thiện, họ không theo bọn loạn nghịch nhưng mà cứng mạnh

đổi dịch lại bọn kia thì cũng khó ra tay. Do đó việc rước người con cháu nhà vua để suy tôn cũng chưa rõ ràng. Ngày trước giám mục gặp vị nguyên soái trước (Vị này đã về Tây, nguyên soái nay đến thay, y không phải thuộc dòng dõi nhà vua, trước đây vì nghe lầm mà nói) nói rằng: Triều đình có gửi thư cho giám mục ý nói sơ lược về việc ký thác việc đất đai mà về. Nhưng phương lược chưa được sử dụng hết, cho nên giám mục chưa vội thương thuyết. Giám mục nói: Nếu như trong khoảng tháng 7 tháng 8 tháng 9 năm ngoái mà Triều đình tìm ra đường lối thì việc đổi đất gởi đất tưởng cũng dễ có cách. Nhưng nay thì khó nói rồi. Lại có một lần giám mục ngẫu nhiên nói với tôi (Đó là thốt nhiên lộ ra với tôi một

câu thôi, nhưng ở trước mặt đại nhân thì chắc chắn không dám lộ ra) rằng: “Hai con cọp giành ăn, đó là cái kế thiên hạ cũng đã dùng nhiều. Có điều là nếu không giỏi về thuật tung hoành thì không thể làm được. Nước Nam cũng đang có cái thế ấy”. Giám mục nói đến đây chột khựng lại. Thấy vậy tôi bèn nói lảng sang chuyện khác, không dám hỏi lại, coi như lời nói vô ý vậy thôi. Còn về khoản đổi đất, giám mục nói rằng: Quan bố chánh Ngụy đại nhân cũng có lộ cho biết, Giám mục cho rằng thế cũng tốt. Nhưng nghĩ rằng đảng của họ không cho là quan trọng vì không đem lại lợi ích cấp thiết cho dân họ.

Chung quy giám mục nói rằng: Việc đời biến hóa vô thường. Bủa lưới bắt chim hồng chẳng phải vì khó bắt được mà không làm. Tùy thời mưu sự, cùng đường thì kêu trời, đó cũng là thế gian thường tình, chẳng nên vì thành bại mà thở than. Giám mục bàn chuyện với tôi tựa hồ thật chẳng giấu giếm tránh né gì cả, nhưng trước mặt liệt vị đại nhân thì lời lẽ phần nhiều úp mở dè dặt vì sợ thêm nặng nề mà không cất nên nổi. Có điều là giám mục đối với nước ta cũng có được sáu, bảy phần tình cảm tốt đẹp chứ không thiên lệch bênh vực cho nước của người như những người khác. Còn tôi trong khi nói năng thì dùng lời lẽ khéo léo tách bạch ra, thăm dò những chỗ khúc mắc xem như thế nào chứ không dám lộ

bày sự thật, mục đích để thử xem đối với thời cuộc như vậy thì giám mục tính toán ra làm sao. Cho nên sự thế ấy cũng chưa nói hết. Trước đây khi giám mục ở tại Bộ Hình có nói câu “Dùng sức dùng mưu”. Khi về, tôi trách rằng: Triều đình muốn đem tình nghĩa thủy chung ra đối đãi nhau chứ nào có ý dùng sức dùng mưu chi đâu? Giám mục nói: Câu nói gởi đất mà về, tuy không rõ ràng là dùng sức, nhưng tận dụng mưu kế ấy tức là trong âm thầm dùng sức mà bức lấy. Điều đó thiên hạ đã làm nhiều rồi. Có điều là Triều đình thi hành muện đấy thôi. Nói dùng sức không có nghĩa là nói Triều đình đem binh lực ra chống chọi lại.

Kính bẩm.

(Giám mục nói: “Nghe nói Triều đình muốn sang nước Y. Tôi cũng không hỏi giám mục xem giám mục đã nghe ai nói thế. Tôi chỉ hỏi rằng: Nếu đi có ngại gì không? Giám mục nói: Nước Y xưa nay chỉ vì nước Pháp mà duy trì không dám vội gây sự gì khó khăn. Nay nước Pháp có việc, phải tự lo liệu không được rảnh rang. Nếu người Y tự gây hiềm khích mà đem binh ở Lữ Tống đến quấy nhiễu thì nước Nam lại sinh thêm một kẻ địch nữa. Nếu đi Tây mà yêu cầu nước Y nói khéo giùm cho, mới là khéo xử sự tình thế hiện tại. Những lời giám mục nói, đại lược cũng một vài điều tương tự với tờ bẩm trước của tôi).

DI THẢO SỐ 49

Tình hình chính trị nước Pháp
với công xã Paris⁷

(Giữa tháng 5-1871)

Kính bầm,

Nay vâng Cơ Mật Viện đại thần
liệt vị đại nhân mật hỏi về việc
những điều trước đây tôi đã trình
bày về sự thế với những điều giám
mục nói hôm nay có chỗ trái ng-
hịch nhau là vì lý do gì? Tôi xin trả
lời như sau.

⁷ Bản hán văn 634/4 tờ 154-155. Không ghi ngày tháng, có lẽ viết liền sau bản 22 tháng 3 năm Tự Đức 24, tức khoảng giữa tháng 5 năm 1871.

Theo các tờ bẩm trước tôi đã trình bày là nên thừa cơ hội trong lúc việc chấp chính bên nước họ đang bấp bênh mà liệu định công việc của mình (Từ tháng mười năm ngoái trở về sau việc chấp chính hãy còn hợp nhất. Nếu tình hình còn kéo dài như thế thì cũng dễ liệu tính công việc. Đến tháng hai năm nay thì những người nắm quyền chấp chính có thể nhập vào đảng tôn vương, hoặc về vườn, hoặc hợp nhập với loạn đảng). Đó là tôi nghe được tình hình lúc mới khởi loạn mà tiên liệu tình thế như vậy. Nếu cuộc diện quả đúng như các tờ bẩm trước mà không xảy ra biến cố gì thì có thể tìm được mối manh (Như tờ bẩm trước tôi đã nói: Quốc trưởng bên nước họ mới tính việc lập đảng để củng

cố nội bộ, như thế thì mười phần họ không để ý đến việc xâm lược phương xa). Nhưng sự thế thay đổi bất thường. Nay theo chỗ giám mục thấy thì đảng ấy quá rời rạc không có hệ thống gì cả khó đề đạt được gì. Đó là trên đường về giám mục nghe thấy thêm như vậy (Khi giám mục về Kinh đến Bình Chánh được nghe tình thế lại xảy có biến cố. Khi giám mục ở tại Bộ Hình, những điều giám mục nói là tình hình nghe được từ tháng giêng đến hạ tuần tháng ba năm nay, mà nói chung như vậy). Cũng như những sự lý tôi trình bày trong tờ bẩm ngày 22 tháng này cùng với các tờ bẩm trước hơi có chỗ bất đồng đó là căn cứ theo chỗ bí mật thương nghị giữa giám mục với tôi mà nói. Những điều nói ra không có gì

tránh né ẩn giấu cả. Nếu trước mặt liệt vị đại nhân giám mục nói có vẻ sơ lược và không đi sâu. Đó là thể thống cách nói năng phải như vậy chứ không phải có ý thoái thác gì đâu. So với những gì tôi mới trình bày thì cũng thống nhất, chỉ hơi khác là nói cạn và nói sâu mà thôi.

Ngày nay tờ bẩm của tôi có nói: May mà nước họ chấm dứt kẻ địch bên ngoài thì nội loạn sẽ lại khởi lên. Bởi vì nước họ xưa nay truyền nhau theo hệ thống chứ không có phong tục thừa hưởng lâu dài theo lối tập nhượng như các nước. Cho nên khó tạm lập thủ lãnh và như thế chưa chắc sẽ không có sự gì xảy ra. Như năm trước, khi đông

cung thái tử ở bên Tây, nước ấy sau đó có loạn lớn mấy năm cũng giống như tình hình hiện nay. Nay mới được tin báo chí nói rằng (Tin này từ Gia Định gửi đến Bộ Lễ trao cho giám mục mở xem. Sự thể bên nước họ từ trung tuần tháng ba trở lại do tin điện truyền đến Gia Định in vào báo tiếng Tây cho người Tây xem chứ không phải nói sơ lược như tờ Gia Định báo. Còn các tin tức do thuyền nhật trình thì chưa đến. Tin tức theo tin điện nói như sau): Hiện nay Phổ Pháp đã tạm nói chuyện hòa nhưng yêu sách chín khoản quá nặng nên chưa ký kết, trong khi dân Pháp phần đông xôn xao như muốn quyết một phen sống mái (Loạn đảng của họ cũng chủ trương không hòa với Phổ để mượn kế lôi kéo dân tâm về với họ

mà chống lại các quan quân chủ hòa) như vậy hòa hay chiến tướng cũng chưa quyết định. Lại nữa hiện nay trong nội thành Ba Lê Tư loạn đảng chiếm cứ, thành Mã Sai, thành Lê Ông và các thành khác phần nhiều có loạn đảng tiếp ứng nhau hoặc lên đến thành Ba Lê Tư hợp với loạn đảng, hoặc tiếp ứng ở ngoài quấy phá bốn mặt. Đảng quan quân hãy còn chống nhau với loạn chúng thắng hay bại chưa chắc. Tháng trước quan binh đã đánh một trận lớn với bọn loạn ở thành Ba Lê Tư, bọn loạn chết đến một vạn rưỡi, nhưng thế lực của chúng còn mạnh, chưa thể một sớm tiêu diệt sạch được. Vì thế tuy việc bàn lập vua đã thành nhưng chưa cử hành được là do loạn quân.

Nay quan quân có nhiều người tốt, trong đó có đại tướng Mạch Mã Hàn. Cho nên giám mục hy vọng việc lập vua có thể thành tựu được. Cứ theo sự cuộc này thì đúng thật không sai. Nếu quả vậy thì sứ bộ ta chắc chắn không thể đi được vì đường sá bế tắc mà loạn đảng thì muốn nắm quyền. Nếu ta chỉ cầu quan binh nhưng lỡ gặp loạn đảng thì chắc chắn sẽ bị nhục thêm là vì ta không đến cầu họ mà lại đến cầu quan binh. Tháng trước (Khi giám mục chưa đến) tôi cũng đã bẩm miệng với Phan đại nhân rằng: Nếu chỉ đến bàn với nước họ thôi thì nán lại một ít đợi nước họ lập vua xong hãy đi. Đó cũng là một kế sách. Bởi vì việc đi đứng như

vậy rất quang minh chính đại và việc đi đứng của ta sẽ được nguyên soái của họ bảo hộ đưa tiễn trọng vọng. Bây giờ ta đã khỏi tốn sở phí mà công việc cũng dễ nói. Nếu chờ sau một vài tháng có tin mới chắc sẽ biết rõ cuộc diện nước họ ra sao (Dù chưa bình định xong nhưng cũng đã biết đảng nào ra sao). Nếu quan binh thua nhiều thì chắc chắn nước họ sẽ loạn lâu, như 40 năm về trước. Bây giờ Triều đình muốn quyết định lựa chọn như thế nào (Tức là đến nước họ dùng kế nhỏ nhẹ đầu dụ để thảo luận xin sáu tỉnh) mới có thể quyết định được. Còn nếu muốn đi khắp thiên hạ để thi hành mưu kế của ta thì đã có các tờ bẩm trước nói rõ rồi. Đó là tình hình mới nắm được từ sau hạ tuần tháng này như vậy. Tôi ngày nay

tinh thần phiền loạn chưa dám nói nhiều sợ có điều lầm lẫn. Nhưng việc ấy hãy còn nhiều ngọn ngành, xin để trình bẩm sau.

Nay kính bẩm.

DI THẢO SỐ 50

Về việc chinh đốn quân đội và quốc phòng⁸

(Tu võ bị)

(Ngày 2 tháng 5 năm Tự Đức 24, tức ngày 19 tháng 6 năm 1871)

Kính bẩm rõ về việc tu chỉnh võ bị.

Tôi xem phép chinh chiến xưa và nay thấy có chỗ bất đồng rất lớn. Việc khó nhất, quan trọng nhất không gì hơn việc binh. Đâu có thể

⁸ Bản văn chữ Hán 634/1 tờ 66 - 85 Không ghi ngày tháng, nhưng Trần Hữu Huyền trong bản dịch trên VĂN ĐÀN số 35, tháng 7-1962, nói: “Ngày 2 tháng 5 năm Tự Đức 24”

nào cứ giữ như tình thế lúc bình thường mà đối phó được sự biến bất thường. Những vật dụng thời xưa, nay xem lại đã thấy thô sơ xấu xí không dùng được, huống chi là việc binh, ngày nay có thể áp dụng theo phép xưa được sao? Tôi đã xem nhiều nước phương Đông từ xưa đến nay, những điều mà tất cả những nhà binh pháp thi hành ứng dụng và các danh tướng bài binh bố trận, từ mưu lược cho đến trận pháp, thành đồn, khí giới, binh lính ra sao, tướng lãnh thế nào, làm sao mà thắng, vì sao phải bại, nhất nhất tôi đều lãnh hội vận dụng khéo léo, mới biết rằng binh thế biến đổi tùy theo mỗi thời, và đến nay hầu như đã thay đổi hẳn. Tôi cũng quan sát các nước phương Tây từ xưa đến nay, vấn đề phải biến đổi tùy theo

thời cuộc, cũng giống như ta mà thôi. Tôi có xem viện bảo tàng ở phương Tây, trong đó trưng bày la liệt đủ thứ binh khí cổ, tôi cũng đi xem các thành lũy xưa hiện còn di tích, rồi đem so sánh với ngày nay, thì thật cách xa nhau như trời với vực. Các nước phương Đông, giỏi dùng binh nhất là Thổ Nhĩ Kỳ và Nhật Bản (Tôi đã đọc nhiều sách Nhật Bản). Các nước Trung Quốc, Mông Cổ, Ấn Độ, Ba Tư đều chỉ theo chính sách tự vệ. Còn các nước hạng ba như nước ta, Cao Ly, Xiêm La, Miến Điện v.v... chỉ được xếp vào loại ngoài ngõ ngoài hè mà thôi. Nói về tài mưu lược, người thời nay cũng khá hơn so với thời xưa. Bởi vì vận đời càng sa sút thì mưu trí con người càng tăng, lòng dối trá cũng ngày một tinh xảo. Mọi

việc đều như thế cả, không riêng gì một việc binh.

Người xưa chế tạo vật dụng để thích ứng với công việc. Họ tạo ra mô dạng như vậy là ứng dụng đúng vào thời thế lúc ấy. Làm sao lại có thể cứ giữ mãi một thứ khí cụ chế tạo từ thời thượng cổ đến nay mà không cải biến? Binh gia cũng vậy. Tất cả khí giới trận pháp, thành đồn, nếu sống ở thời buổi này mà cứ trở lại theo xưa, thì rõ ràng không ứng dụng hợp thời được. Như thế những gì tiền nhân chế tạo để lại, nay tùy thời canh cải, rõ không phải phản bội người xưa, mà để ứng dụng cho hợp thời thế mà thôi. Đâu có thể cứ dùng

mãi một phương pháp nhất định đến hàng trăm năm được sao? Sở dĩ năm trước trong bài Tu võ bị tôi xin cho soạn lại binh thư và chế tạo lại những thứ khí giới không còn hiệu nghiệm, chính vì lý do đó. Hãy xem Kim thang tá trợ, cũng là sách mới đây, trong đó Đột môn là phương pháp hay nhất, thế mà nay cũng không dùng được, huống nữa là những thứ khác. Nước ta hiện nay, các phương pháp binh gia đều theo lối cổ, thế mà sự cư xử giữa tướng đối với binh, binh đối với tướng thì lại theo mới hết. Điều đáng dẹp bỏ lại để, điều đáng giữ lại dẹp bỏ. Như thế đâu phải là thay đổi trong binh gia? Phép dùng binh của phương Tây ngày nay, về trận pháp, thành đồn, khí giới đã hoàn toàn lột xác. Riêng về đạo

làm tướng như các đức tính nhân, tín, dũng, nghiêm, cho đến yêu lính như con, thận trọng khi gặp việc, họ còn gìn giữ tốt hơn xưa. Như vậy mới thật là khéo biến hóa.

Trước đây, khoảng năm Tự Đức thứ 22, tôi có bầm một tập về Tái tu võ bị trong đó tôi có nói đến trường hợp tỉnh Nghệ, từ thành nội đến thành ngoại, cho đến doanh trại đồn lũy chợ búa bốn chung quanh, phần nhiều phạm vào điểm kiêng kỵ của binh gia. Nói thế không phải dám chê người xưa là vì thời xưa bố trí được như thế đã khéo lắm rồi. Lấy hình thế binh pháp ngày nay mà quan sát, hơn nữa là người đã học cả pháp xưa lẫn pháp nay như tôi, mới biết như thế không

còn thích nghi với binh pháp thời nay nữa. Trong tập, trừ các khoản đã đề cập, nay không bàn đến, còn như trồng cây, lập các đồn nhỏ ngoài thành là những khoản có công dụng rất lớn mà binh pháp xưa cũng đã nói nhiều. Về khoản xin lập đồn ở ngoại thành, tuy xuất phát từ phương pháp phương Tây nhưng phép bố trí của tôi còn hay hơn một bậc. Điểm này quả thật tôi không dám nói phóng đại. Năm xưa khi ở Gia Định có người Tây đã từng khen rằng người như tôi việc gì chẳng làm được (Người này đã từng xây dựng doanh trại lớn và đã đến hỏi tôi một vài lần bởi biết rõ tôi có tài này. Có điều là tôi cũng không để cho họ dùng cái tài của tôi). Còn đối với ta, Triều đình chưa biết tài tôi, bởi người

ta xem thường mà cũng có chút ít nghi ngờ nên chưa dùng. Cho nên nếu y theo binh pháp của tôi rồi lại xem hết các binh pháp phương Tây ngày nay, hơn nữa phải là người giỏi về địa lý binh pháp, mới thất được chỗ hay hơn của binh pháp của tôi.

Hãy xem trận chiến giữa Phổ Pháp, cũng có thể nghiệm được lời tôi nói. Có một lần quân Pháp đóng ở đồng bằng, quân Phổ đóng ở rừng cây, quân Pháp thua một trận lớn, tử vong rất nhiều là vì chỗ đóng quân của Pháp không có cây cối che đỡ. Sau có vị đại tướng Pháp xin chặt hết cây nhưng vua Pháp không nỡ cho chặt. Lại có một lần vua Pháp muốn tiến vào một thành

nhỏ nhưng vị tướng Pháp cho rằng bốn bên chung quanh thành không có đồn để làm thế ỷ dốc, không thể cố thủ được, do đó không dám tiến đóng. Lại có một lần vua pháp bị hãm trong thành, tuy ngoài thành bốn mặt đều có đồi cao, đồn lũy, nhưng đã bị quân Phổ chiếm hết. Quân Phổ từ trên cao đổ xuống vững như tường dựng. Quân Phổ thắng nhờ chiếm được các đồn trên cao ở ngoài thành. Quân Pháp thua vì mất địa lợi. Binh như Tây binh mà một khi mất địa lợi còn không thể giữ được, đủ biết địa lợi đối với binh gia quan trọng đến bậc nào. Xem thế thì thấy lời nói của tôi nghiệm đúng. Chỉ vì người ta khinh rẻ cho là lời nói làm bần tai, cho nên triều đình chẳng thêm để ý.

Giá như Khổng Minh sống lại mà chép tập này, dù có một hai điều không đúng người ta cũng không dám bàn. Bởi vì tên tuổi có thể bị được miệng người. Cũng như các trạng nguyên, bảng nhãn, văn chương của họ đâu phải chữ nào chữ nấy đều là châu ngọc? Nếu có một hai câu không thông suốt lắm bọn học hành thấp kém lại cho rằng mình chưa đủ trình độ để phê phán. Suy ra mọi việc ở đời cũng thế thôi. Điều mà tôi nói phương pháp của tôi vượt trội hơn đó, nếu Triều đình đã biết sơ qua phương pháp của phương Tây, hoặc có một quan lớn nào đó cùng đi với tôi tôi sẽ chỉ cho thấy phương pháp phương Tây như thế này, như thế kia, đến

khi về xem lại những điều tôi nói trong tập bản trước, mới thấy chỗ đặc biệt của phương pháp của tôi. Còn những chỗ khéo léo trong việc áp dụng thi hành thì nhiều lắm, một tập một quyển không thể trình bày được. Nếu ngày nào tình thế có thể thi hành được, tôi sẽ đến ngay tại mỗi địa thể trừ liệu tính toán, chỉ rõ phương pháp xây cất, đồng thời chỉ rõ phương pháp ứng dụng phù hợp với địa thể trong trường hợp địch công ta thủ như thế nào, sau đó mới biết được cái hay của nó. Còn nếu cứ nói suông trên giấy chẳng khác nào vẽ trắng, vẽ khéo đến đâu cũng không phải mặt trắng thật.

Lại như Kinh thành sự đặt định hợp với địa thế ra sao, đó là điều húy kỵ tôi không dám nói. Còn như đối với các tỉnh, tất cả những nơi nào tôi đã thấy đều đáng nói hết cả. Lẽ nào ngàn lời suy nghĩ không đúng được một hay sao? Trước đây trong điều nói về Tu võ bị tôi đã bảo rằng con người đã có tài trí để giúp cho người vận dụng, lại còn phải có khí cụ tinh xảo để giúp cho con người bảo vệ lấy mình. Như vậy mới yên tâm vững chí thi hành kỹ năng của mình được. Nếu tay không đánh cọp, dầu thắng cũng chỉ là gặp may mà thôi. Huống chi địa hình giúp cho nhà binh, thành lũy là nơi lòng dân tin cậy, là chỗ hết sức hiểm yếu của quốc gia, là điểm mà kẻ địch cố đánh, là tính mạng của binh lính ta vậy. Quan

trọng như thế mà cứ an nhiên dùng mãi phương pháp cũ kỹ hàng trăm năm, không chịu tùy thời học hỏi nghiên cứu được sao? Dựa vào chỗ hiểm yếu cố nhiên phải kiếm được người tài sức, mà lập được chỗ hiểm yếu thì phải biết dự liệu. Trong thiên hạ chưa bao giờ bởi vô tài hoặc vội vã mà được. Hơn nữa thành đồn lại không thể vội vã mà làm được.

Xưa Lý Doãn trồng nhiều loại cây gai góc, nhờ đó châu Thương thêm phần hiểm trở. Dư Giới lập thành Ngự Sơn, nhờ đó cửa khẩu đất Thục được liên lạc. Ngoài ra những việc tương tự như thế không thể kể xiết. Cho nên người

làm việc nước, đối với việc binh phải dự bị ngay lúc bình thời, chắc chắn không thể đợi đến lúc binh đao gần kề và sự thắng bại đã thấy rõ ràng trước mắt. Trước đây trong điều nói về Tu võ bị trong tập Tế cấp bát điều và sau này trong tập Tái tu võ bị cũng có nhiều điều có thể áp dụng được, nhưng vẫn chưa thấy được đem ra thực hành. Người xưa nói: Việc sửa trị không phải nhiều lời, mà phải cố sức làm. Quả thật phương Tây đã học được ý nghĩa câu nói này. Cái sở học về binh gia của tôi không phải chỉ có chừng ấy, nhưng trước tiên tôi chỉ nêu những điều cấp bách mà thôi.

Nay tôi lại xin bàn đến khoản

làm sao nâng cao tinh thần binh sĩ. Bởi vì nếu ngày nay không chịu cải cách thì không làm sao khơi dậy được tinh thần binh sĩ vốn đã lâu hèn yếu. Thường thường sau lúc binh thời thì quan và binh phân cách (Binh lính phương Tây không có sự phân cách này) không có sự thống thuộc lâu dài. Cho nên lúc bình thời quan chẳng làm được một cái ơn gì cho lính, thì khi lâm sự sẽ không có cái oai để điều khiển họ (Trừ khi xáp trận, quan không có quyền giết một tên lính). Làm quan không có ân dày đối với lính mà vội sử dụng oai quyền thì lính sẽ không thân, không quy phục. Không quen thân nhau lâu mà còn cách điệu thì khó được cảm tình. Hơn nữa quản đội, suất đội, phần nhiều xưa cũng là người cùng trong

đội ngũ với lính. Con nhà tướng ra cửa nhà tướng mà thôi chứ không có biệt tài gì đáng trọng vọng để cho binh lính tâm phục. Sống lâu ra lão làng được chức lớn thì tâm lý binh lính sẽ nghĩ rằng sĩ quan cũng chỉ là người như bọn họ. Họ kính sợ chẳng là kính sợ quyền chức, chứ đâu phải nhân phẩm người ấy. Đã từng có một hai lãnh binh, đề đốc chỉ biết viết hai chữ “tuân phụng” thế mà ở trên người ta, thì làm sao có thể chỉ huy điều khiển được ai? Tôi thấy người Tây chưa có ai không thông sách vở mà có thể cai quản một trăm người trở lên, huống chi làm đến chức quản lĩnh. Vì vậy trong bài nói về Tu võ bị trước đây tôi đã đề nghị các võ quan cần phải biết chữ, phải thông thuộc các sách binh thư. (Các nước

người ta đều lo tu chính biên soạn binh thư, còn nước ta chỉ biết lo dùi mài văn chương. Việc đáng làm gấp lại trể nải). Nay sao ta không khiến các cử nhân, tú tài có sức lực hãy bỏ văn theo võ, đọc thuộc các sách binh thư, rồi cho làm các chức quản, đội trở xuống, cho học tập bổ túc về quân sự ba năm, sau đó đem ứng dụng, như thế còn tốt hơn là lính ở lâu năm được thăng lên quan. Sao lại cứ để họ rồi rảnh ở nhà, xen vào việc dân cho thêm rắc rối. Xưa nay trong hàng danh tướng có phân nửa là người ít học, đó là do người ta không chuộng thứ hủ nho, chứ đâu đến nỗi như ngày nay, quản đội mà chỉ biết được có hai chữ. Đại phạm bản tính con người ta, nếu đem so sánh một con người chỉ dựa vào tư chất tốt của

mình mà không có học thức, với một người bình thường mà học nhiều, thì sự hiểu biết của người sau hơn người trước rất xa. Huống chỉ làm tướng mà không học được sao? Binh lính quý ở dũng cảm, sĩ quan quý ở mưu cơ. Sĩ quan như mắt, binh lính như tay chân. Chưa có chuyện mắt mù mà sai khiến được tay chân bao giờ. Nay trong việc binh của ta phần nhiều giống như thế, cho nên binh lính bất bình, đó là một điều tối kỵ.

Binh lính có thể cả năm không dùng đến, nhưng không thể một ngày không tập luyện. Các quốc gia có tinh thần thượng võ lúc bình thời vẫn tuyển binh tập trận. Còn

nước ta lúc bình thời tuyển binh để sai vặt. Công việc hàng ngày của một người lính ở nơi quan, không khác gì những việc hàng ngày ở nơi nhà. Thế thì nên gọi là người phục dịch không nên gọi là lính (Lính phục dịch nhà quan như kẻ qua đường với nhau, khi có việc, quan sẽ không có người tay chân giúp đỡ, vì không có tình cảm sâu nặng lâu ngày khiến họ có thể đồng sinh đồng tử với nhau được. Ngàn vàng dễ được, một tướng khó tìm. Làm quan mà không có người tâm phúc giúp đỡ là quốc gia đành mất kẻ có tài. Nếu đem số lượng của binh lính tạp dịch, xét phần mỗi quan cần được bao nhiêu lính hầu, rồi giao số lượng ấy cho quan được tự do tuyển chọn thủ hạ hoặc gia nhân, để giúp việc lúc bình thường

cũng như khi khẩn cấp. Thường thường các phủ huyện viên, mỗi khi có việc gì bất trắc xảy ra, những thủ hạ tạp dịch của họ đã lo chạy trước, chỉ còn một mình quan mà thôi, cũng vì lý do đó). Lẽ nào có chuyện không biết nghề binh mà dám mạo nhận là binh, cũng như không biết bút nghiên mà gọi là kẻ sĩ được sao? Đại phạm con người ta có tập tành nghề gì mới có thể nuôi dưỡng tinh thần nghề nghiệp đó. Nay binh lính mà thường chẳng tập luyện thì làm sao nuôi dưỡng được dũng khí, đó là hai điều tối kỵ.

Ngô Khởi nói: Đạo dùng binh trước hết phải làm cho giàu có của

cải sau mới dùng đến sức lực. Các nước dùng quan để nuôi dưỡng binh lính, còn ta thì dùng binh lính nuôi dưỡng quan. Quan cũng như ruột rà, binh lính như tay chân. Tay chân khỏe mạnh mới bảo vệ được ruột rà. Nay cắt tay chặt chân để nuôi dưỡng ruột rà thì liệu ruột rà có thể tự đi đứng được không? Lúc bình thường ăn ở với nhau thì ban ơn bằng roi vọt, nuôi dưỡng bằng khổ nhục, đến khi lâm trận thì bảo nhảy vào nước lửa để bảo vệ che chở cho mình. Thử hỏi có tên lính nào không phải là người hay sao mà phản tính tự nhiên chịu làm như vậy được? Do đó cho nên trên số bộ có đến trăm vạn mà chẳng có được một người hy sinh, hoặc có chẳng cũng chỉ vì thất cơ mà chết chứ chẳng phải hy sinh vì việc ng-

hĩa. Tinh thần binh sĩ đã từng sa sút như vậy, đó là ba điều tối kỵ.

Là binh lính, ngày thường không có lòng yêu mến sĩ quan, trong quân ngũ sĩ quan không có mệnh lệnh cứng rắn, không có quyền chuyên sát, đến khi ra trận tên nào quay đầu mới có quyền giết. Lúc bấy giờ binh lính chạy sĩ quan cũng chạy thôi có rảnh đâu mà ngoảnh lại thực thi quyền chuyên sát để giữ luật lệnh? Một mệnh lệnh cứng rắn, hơn ba ngàn tinh binh. Xưa Dương Tổ mỗi khi ra trận trước tiên cho hai trăm quân lâm trận, nếu thoái lui thì giết sạch, rồi sai một đội sau, nếu thoái lui cũng giết sạch như cánh quân trước, làm thế sau

không còn một tên quân nào dám rút lui bỏ chạy. Làm được như thế là chỉ khi nào có ơn nặng đối với binh sĩ trước, sau mới có thể ra oai một cách nhất luật được để tạo nên khí thế như vậy. Cũng là binh Tống mà khi Đồng Quán làm tướng thì yếu như gái góa, Nhạc Phi làm tướng thì đứng vững như núi Thái Sơn. Đó là mệnh lệnh cứng rắn mới quyết định được khí thế binh sĩ. Khí thế binh sĩ đâu phải lúc nào cũng như lúc nào, mà do ở chỗ có chiếu cố vận dụng được hay không mà thôi. Hiền từ thì không thể cầm quân, lời xưa đã nói như vậy. Lúc bình thường phải biết dưỡng quân bằng ơn huệ, khi lâm trận phải biết ra oai, phải như hai con người hoàn toàn khác hẳn nhau vậy. Binh lính mà không có lòng quyết tử thì

làm sao đối chọi được với quân địch? Xưa nay người làm tướng có khả năng điều khiển binh, không phải là người cứ giết nhiều quân sĩ để thực hành nghiêm lệnh, mà chỉ làm cho tất cả quân sĩ đều biết rằng mình có cái oai dám giết. Sở dĩ quân sĩ biết rõ cái oai như thế, là vì rõ ràng họ đã thấy một người khó giết mà chủ tướng đã giết, thì biết rằng đối với bọn họ đưa nào chẳng có sẵn một bản án tử hình nếu trái lệnh. Người làm tướng thời nay có ai đã dám giết một người khó giết như xưa kia Lê Văn Duyệt đã từng làm để thi hành quân lệnh không? Hiền từ và nhu nhược là hai điều làm sa sút dũng khí của ba quân. Có ai đã làm được như Khuông Thừa Nghiệp bá nhận chức tể tướng mà chém quan

tể tướng, như Sài Khắc Khoan làm chức khu mật mà chém quan khu mật? Nếu không được như vậy mà cứ để binh sĩ nhân lúc bình thời, ngày một trở nên hèn yếu, thì chưa bao giờ thấy binh tướng như thế có thể thắng được địch. Chính vì thế mà xưa nay trải qua thời gian thái bình lâu ngày, một khi có giặc nổi lên thường thường lúc đầu không thắng được giặc, phải đợi đến khi quá loạn binh lính dần dần mạnh lên mới dẹp được, đó là bốn điều tối kỵ.

Binh lính đối với quân đội, quân đội đối với tướng soái khác nào như cánh tay với ngón tay, cánh tay với thân thể, hợp làm một mới vận động được. Tay chân lười biếng thân thể làm sao linh hoạt được?

Cho nên nói rằng quân đội có kỷ luật dù tướng không có tài năng, cũng không thể đánh bại được. Như binh lính Nhật, cá nhân đều có thể tự tác chiến, không phải đợi kết thành trận thế mới giết được địch. Tại sao họ được như thế? Còn ta thì ai đốc thúc được binh sĩ xông pha trước trận mạc, thế nhưng đến quan luận công thì tướng tá có công trước, bọn võ biên ở sau. Như thế ai chịu đem thân xông vào địch để lập công cho người khác? Nếu khéo nịnh bợ cấp trên, hành quân lâu ngày cũng được kể công, hà tất phải đem thân nhẩy vào trận tuyến để khi về lại phải mất nhiều cách cầu cạnh nịnh bợ mới được kể công. Như thế kẻ hào kiệt lấy làm sỉ nhục.

Xưa Địch Thanh nói: Có tiền ngồi đó mua được một thủ cấp cũng được thưởng rồi. Thế thì sắm tiền mua công còn hơn xông pha nguy hiểm để giết địch. Thời Địch khu mật cũng đã có tể này hưởng gì ngày nay. Lý Uyên nói: Nơi đầu tên mũi đạn, cái chết nào có phân biệt là quan hay lính. Thế thì khi phong thưởng sao lại phân chia kẻ quý người hèn? Nay thấy người ta đồn rằng có nhiều quan viên, trên giấy tờ nói là do có tài nên được chức vị, nhưng kỳ thật là do gặp may mà được công. Cho nên ngày nay người ta hay nói có phước tướng. Bởi vì nơi quân thứ cũng như chốn trường văn, phần nhiều do gặp may hay không gặp may

mà thôi. Làm quản binh đã không do liệu chết mà được công, còn kẻ làm lính thì phải hết lòng hết sức bảo vệ quản binh để mong được nhẹ nhàng quân lệnh. Như thế kẻ làm tướng chỉ có một tay không, có làm được gì đâu, không chạy cũng chết uổng mạng mà chẳng ích gì cho việc nước, đó là năm điều tối kỵ.

Hiện nay chính sách binh bị nước ta còn nhiều tồ tộ, nhưng cái làm cho binh lực ta suy yếu lâu ngày phần nhiều do bởi năm điều tối kỵ này. Trừ bốn điều kiện lớn như đạo làm tướng, trận pháp, thành đồn và khí giới. Nếu ta chấn chỉnh được năm điều tối kỵ trên

thì khí thế binh sĩ ngày một cường tráng, biết được khả năng chiến đấu, mới gọi là thắng được một nửa, còn như làm sao cho lòng người chuộng việc nghĩa, được như Phổ, Pháp, nhà nào cũng có một khoản tiền đóng góp vào quân nhu, khi cất binh thì cả nước hân hoan nhẩy nhót như điên, điều đó tùy thuộc vào việc học thuật và giáo hóa chứ không thể đem uy lực ra bắt buộc được. Như binh thư đã nói: Đường lối đúng đắn là làm sao cho trên quan dưới dân đều cùng một lòng. Vậy mới có thể cùng sống cùng chết chẳng sợ hiểm nguy. Lại nói: Trăm họ đều là dân của vua ta, nào phải dân nước làng giềng. Thử xem ngày nay khắp thiên hạ chỉ một số nước phương Tây có được binh pháp này mà thôi. Còn Trung

Quốc, Hung Nô và các nước Hồi giáo làm gì nắm được binh pháp này. Có đánh nhau chẳng qua chỉ lấy số đông hay ít mà cho là mạnh hay yếu. Đâu có thể đề huề mọi người như một, binh sĩ thân nhau như tình cha con? Cho nên hết sức to lớn như cả thế giới mà không địch nổi hai nước Pháp, Anh, để cho họ đến đâu cứ như vào chỗ không người! Nay ta có muốn thực hành chính sách binh bị như vậy ư, xin hãy chiếu cố đến những điều tôi đã nói (Tôi thầm nghĩ rằng nếu đem sự hậu đãi đối với nhà quan mà đối đãi với tướng sĩ ta, lấy sở phí cung phụng cho nhà quan ấy mà nuôi dưỡng quân lính ta, được thế cũng đã khá rồi. Lẽ nào ta chẳng có được một dũng sĩ nào? Tại sao nước ta đông như vậy mà không được một

người như họ Đào họ Lỗ? Mặt mũi họ như thế nào? Hay phải chăng vì uất ức như người chết đuối trên cạn mà chẳng chịu thở xuất đầu lộ diện cũng nên?)

Tôi có một số ý kiến như thế chẳng biết nên hay không, kính bẩm Cơ Mật Viện đại thần cùng liệt vị đại nhân soi xét.

DI THẢO SỐ 51

Cần nắm vững tình hình chính trị ở Pháp⁹

(Khoảng nửa cuối tháng 5 năm 1871)

Kính bẩm,

Nước ta hiện nay cần gấp phải đi Tây, một là để làm những việc trước nay chưa làm xong, hai là để sắp đặt cách thế làm sao sau này công hay thủ được tốt. Hai việc này đều phát sinh từ thời cơ hôm nay, như vậy không thể không nhanh

⁹ Bản chữ Hán: Hv 634/4 tờ 160 - 167. Không ghi rõ ngày tháng, nhưng có lẽ nào cuối tháng 5 năm Tự Đức 24, lúc Giám mục Hòa sắp về trở lại Quảng Bình.

chóng ra tay, thật đã đến lúc không thể đứng im được nữa. Tuy nhiên điều cốt yếu phải biết rõ tình trạng trị loạn của nước họ là tạm bợ hay lâu dài, rồi từ đó nghĩ đến việc nên dùng sức hay dùng mưu. Hai việc này quan hệ rất lớn, cần phải xem cho thật đích xác mới có thể buông cung bắn một phát trúng ngay, không thể bắn được phát thứ hai. Nếu cho rằng thời cuộc hiện nay đã thay đổi, Triều đình nên nán đợi một vài tháng cũng được. Bởi vì nhân trước đây vua nước họ bị cầm giữ, tứ phía bao vây cho nên các bậc công khanh đại phu nước họ đều oán hận. Còn đảng nghịch thì đang ngấp nghé, chưa dám công nhiên hành động. Nay quân Phổ đã sợ việc bình đao muốn tạm nghỉ vai, trong khi nước Pháp lở

loét khắp nơi hết sức mong muốn nghỉ ngơi điều dưỡng. Vì vậy, đảng nghịch mới dám ló đầu ra.

Nếu không may quan binh nước họ thế bại, đảng nghịch được tạm nắm quyền, thì ta cũng có thể có chỗ lợi dụng vào mà được việc. Còn nếu hai bên thắng bại bất phân, vương bá chưa rõ sẽ thuộc bên nào thì sự phân loạn hãy còn kéo dài không thể lấy năm tháng mà chờ đợi được. Điều thứ nhất, nếu muốn tìm người giúp đỡ, dùng sức mà tranh thủ, thì cơ hội này cũng có thể tạo được. Điều thứ hai, giả sử đảng nghịch tiêu tan, việc lập vua có thể thành tựu thì ta chỉ đến thắng với họ dùng mưu kế thu hồi. Việc này cũng phải chụp ngay lấy thời cơ không thể chậm trễ. Điều

thứ ba, ta chỉ sợ việc nội chính họ đã yên mà chuyên vào việc xâm lược phương xa mà thôi (Giám mục Hòa chỉ chú ý đến vấn đề làm sao dùng cho được cơ hội. Giám mục cũng nghĩ rằng việc tìm đường lối để cầu giúp đỡ là đúng. Nhân năm trước, khi sứ bộ đi Tây xin trả ba tỉnh, tôi cũng đã nhờ Giám mục viết thư yêu cầu linh mục Định ngóng xem họ bàn mật với nhau như thế nào báo trước cho vị bồi sứ biết. Điều này tưởng khi Hộ bộ Phạm đại nhân ở Tây cũng có biết. Cho nên giám mục cũng nói phải hết sức tìm kiếm đường lối mới là đúng).

Những sự lý này độ trong vòng vài ba tháng mới có thể phân biệt được. Bấy giờ Triều đình phải bàn

định gấp, trong khi bên nước họ hai bên chưa quyết định được bên nào sự thế hãy còn kéo dài, hoặc trong lúc đảng nghịch nắm được quyền, hai bên phải có một bên thắng. Nếu nay đang lúc đảng nghịch chiếm cứ, Triều đình họ còn lo toan chưa rảnh, thanh giáo và uy quyền Triều đình còn đang cách trở mà ta vội vã sang bên ấy thì trong khi sứ bộ ta còn đang trên đường đi ở bên nước họ, Triều đình họ khó bảo vệ cho sứ bộ ta được, lỡ gặp đảng nghịch, chúng giận cá chém thớt thì ta biết làm sao? Trước đây khi Phổ Pháp xung đột nhau, nếu sứ bộ ta sang Pháp đường đi ngang qua nước Phổ mà nếu Phổ minh bạch cho phép ta qua thì bảo đảm không có gì trở ngại còn nếu họ không nói cho phép một cách rõ ràng thì

cũng chỉ coi ta như người đi đường thôi, không bắt lý làm nhục ta. Đó là thông lệ của phương Tây. Còn nếu là đảng nghịch thì chẳng kể gì luật lệ thông thường cả.

Sở dĩ tôi nói hay là hãy hoãn chờ một vài tháng là vì vậy. Nếu như ta muốn gấp thực hành kế liên hoành mà muốn đi sang nước khác thì lấy danh nghĩa đi thăm viếng phong cảnh các nước trước rồi thông thả chờ xem. Nếu thấy tình thế nước họ rơi vào một trong ba điều tôi đã nói ở trên thì có thể đến ngay nước họ mà mưu bàn công việc. Nếu thấy đích xác việc phân loạn bên nước họ còn kéo dài và ta định tìm người giúp đỡ thì sứ bộ của ta hiện đang ở phương

Tây cũng dễ làm công việc ấy. Như nay ta hoặc có thể ở trong nước chờ đợi vài ba tháng, hoặc có thể khởi hành đi chu du các nước để chờ đợi tình thế bên ấy. Hai lối ấy nên dùng lối nào xin do Triều đình xét định (Nếu chưa được tin tức gì về cuộc nội loạn bên ấy mà sứ thần còn đang trên đường đi thì tư cho quan họ biết sứ bộ sẽ chuyển sang nước Y trước rồi sẽ đến nước họ sau cũng được. Đến nước Y nếu thấy có thể thừa cơ hội được thì như tờ bẩm trước tôi đã nói cũng phải làm gấp. Nếu Y không đủ sức thì chỉ làm việc với Y thôi. Xong việc ở nước Y mà loạn ở Pháp chưa yên thì lại tư cho quan họ biết sứ bộ ta hãy chuyển sang nước Anh hoặc các nước thăm viếng phong cảnh, đợi nước họ công việc bình

yên mới đến chúc mừng cũng được. Việc phải làm như vậy là vì sứ bộ của ta đã đi khó trở về. Cho nên trước đến các nước rồi sau mới đến nước họ, điều đó cũng chẳng ngại gì. Nay ta chưa đi nhưng nếu được tin tức nội loạn thì nên chậm lại chờ đợi một tí, khi sự thế phân biệt rõ ràng thì tùy theo đó mà dùng mưu hay dùng sức cũng được. Nếu lấy cớ đi sang nước Y trước để giải quyết một vài sự bất bình, thì trên đường đi nghe ngóng tình hình tâu về đầy đủ. Nếu đến các nước mà thấy loạn bên ấy còn kéo dài, tìm được người giúp đỡ chắc chắn có thể dùng sức được thì tâu rõ gấp về Triều đình xin quyết định được hay không rồi cứ ở phương Tây chờ làm công việc cũng được. Nếu tình thế khó tiến hành việc dùng sức

thì quyết định dùng kế sách giao thông cũng được. Khi thấy nước họ vừa tạm yên thì liền đến chúc mừng ngay cũng được. Những điều nói trên đều là những sự cơ có thể làm được cách này hay cách khác). Còn nếu đợi cho vua bên ấy được lập lên rồi lấy danh nghĩa sang chúc mừng mà đến, thì việc đi của ta chính đại quang minh, nguyên soái của họ chắc chắn phái hộ tống đi về, ta lại khỏi tiền phí tổn dọc đường.

Khoảng tháng 10 năm ngoái tôi có bầm một tập về vấn đề biết trước tình hình địch để thi hành mưu kế thì chỉ ở nơi lãnh sự của họ mới có thể biết trước được. Nếu nay

muốn biết tình thế của họ ra sao thì chỉ có cách là viện cớ khác sai Nguyễn Hoảng đi trước (Nguyên trước đây Giám mục Hậu có mua cho ta các hàng hóa, một nửa hãy còn gởi lại Gia Định chưa đưa về. Nay nghe tin các hàng hóa ấy thất lạc nên Nguyễn Hoảng tự đi vào gom lại nếu tiện sẽ đưa về). Khi vào Nguyễn Hoảng sẽ ở tại Viện Truyền Giáo, người Tây sẽ không nghi. Sau đó sẽ tìm người tâm phúc ngầm thăm dò việc bí mật. Nếu có tin điện từ phương Tây đến, y sẽ viết giấy báo về cho biết. Nếu có báo tin điện hoặc báo của thuyền nhật trình, y liền xin Tây soái cho phát về xem sẽ biết sự tình ngay. Nếu y không ở đó thì có khi ở Gia Định đã có tin mà đến khi nước ta hay thì đã trải qua ba, bốn tháng,

tình thế thay đổi mất rồi. Nguyễn Hoảng đi chỉ lấy lý do là để làm việc đạo giáo. Nếu được tin mật thì bí mật viết ra bằng quốc ngữ cho vào phong bì đề gởi tên Giám mục Hậu. Nhưng tại Bộ thì định trước một ám hiệu là tất cả những phong bì nào trên chữ giám mục có một dấu hiệu nhỏ tức trong thư đó là tờ mật bầm. Bộ cứ việc mở ra xem. Nếu phong bì nào không có ám hiệu, đó là thư riêng của giám mục, Bộ sẽ chuyển thư ấy cho giám mục. Chỉ có như vậy nguyên soái của họ mới chịu phát đi mà không nghi ngờ. Nếu sự thế ngoắt ngoáy lắm nhưng cũng có thể phân biệt được, y sẽ về gấp bầm rõ cũng được. Vả lại trong lúc nhàn rỗi, y sẽ đi khắp các xứ đạo mượn tiếng là viếng thăm các linh mục để bí mật

nghe ngóng tình hình dân chúng sáu tỉnh ra sao hoặc có thể tình cờ nghe được gì hoặc đồn đãi như thế nào để có thể biết được dân tình, do đó có thể thi hành được mưu kế phản gián khiến Tây Nam nghi ngờ nhau, như tôi đã nói trong tờ bẩm trước. Về kế phản gián chắc hẳn Nguyễn Hoàng không có khả năng làm điều đó, chỉ có thể biết qua dân tình như thế nào thôi. Dù y có hỏi han hay nói năng như thế nào Tây cũng không nghi. Nếu loạn của họ còn kéo dài thì bí mật xem quan của họ có mật nghị gì không. Những điều như thế báo chí không thể đăng tải mà tin điện cũng không báo, chỉ khéo thám thính mới biết mà thôi. Hơn nữa chỉ có thân với họ mới có thể biết được một hai điều mà thôi.

Theo những ý trên đây, nếu tôi cùng đi với y thì rất tốt. Có điều là hiện nay tôi còn đang điều dưỡng khó bề bồn tẩu trợ ngụ nơi này nơi khác, vậy chỉ sai y đi một mình cũng được (Điều này rất khẩn cấp) đến ở lâu tại Gia Định mới có thể thám thính được chính xác. Về phần Giám mục Hòa thì giám mục biết rõ ràng là Triều đình muốn lập vua (Thâm tâm giám mục cũng rất mong như vậy) để tiến hành gấp. Hơn nữa giám mục cũng muốn Nguyễn Hoảng đi. Còn ngoài ra có ý riêng gì không thì không biết, ngay Nguyễn Hoảng cũng không biết được. Nếu muốn thực hành điều này thì nên quyết định sai Nguyễn Hoảng vào Nam ngay khi

giám mục chưa về để rõ không có ý gì riêng khác. Về việc học sinh nên nhờ gấp người khác dạy dỗ không nên gián đoạn (Nếu gián đoạn một hai tháng học lực sẽ sút rất nhiều. Tình trạng này tôi biết rõ chứ không phải như lối học Nho). Nhân vì tinh thần muốn học gấp rút để dùng làm thông ngôn mới khỏi bị người ta bàn xen kia nọ.

Tôi có một số ý kiến như thế không biết có nên chẳng. Xin kính bẩm. (Từ chỗ biết dân tình như thế nào tức cũng có thể biết được ít nhiều những điều tôi đã bẩm trong hai tập trước. Tình thế bất đắc dĩ nên phải làm điều bất đắc dĩ. Nếu như đánh úp để mong văn hồi cơ

nghi thì chỉ có một chuyến đi Tây này mới có thể thấy rõ định cuộc được hay mất. Triều đình lao khổ mưu nghị cũng chỉ có một cơ hội này nữa mà thôi).

DI THẢO SỐ 52

Canh tân và mở rộng quan hệ ngoại giao¹⁰

(Đầu tháng 8 năm Tự Đức 24, tức 15 - 20-9-1871)

Kính bẩm,

Cuối tháng 5 năm nay nước Pháp có tin truyền qua, trong đó nói rằng nước họ hãy còn chia làm hai đảng, đúng như hồi tháng 5 trước khi tôi ở Kinh đã bẩm.

Lại còn nghe Nga La Tư mật nghị 10 Bản văn chữ Hán 634/4 tờ 167-174 Không ghi rõ ngày tháng, nhưng trong tờ tấu của Viện Cơ Mật ngày 10 tháng 8 năm Tự Đức 24 có nói là “Ngày 6 tháng này có tiếp được một tờ tấu của Nguyễn Trường Tộ, trong đó có nói: “Cuối tháng 5 có tin truyền qua...” (Xem phụ lục VIII)

cùng Phổ Lỗ Sĩ chưa biết sẽ thi thố điều gì đây. Nhưng tôi đem sự thể phương Tây và binh gia cơ quyền mà suy nghiệm thì nhiều khi cũng đúng. Người Nga từ chiến cuộc ở Ngô Hải đến nay đã mười lăm năm dưỡng uy sức nhuệ, trong lòng họ chưa một ngày nào quên đất trung nguyên. Chỉ vì từ trước đến nay thế lực của Pháp còn mạnh, nước Anh thì hòa hiếu, Áo Phổ ở chen vào giữa, hai bên chưa hợp thì con đường của Nga hãy còn chưa suôn sẻ. Nay Pháp đã bại hoại, Áo mất minh chủ mà có cơ bị Phổ thôn tính dần dần, Anh thì bơ vơ, việc ngoại giao của Áo chưa thành. Nước lớn còn chưa dám làm gì trước, nói gì đến nước nhỏ. Ý Đại Lợi, Thổ Nhĩ Kỳ sắp có loạn, Y Hoa Nho, Liên Quốc[Liên Quốc tức Đan Mạch.] thì chỉ lo

tự vệ ngồi chờ xem. Như thế thì cái phép liên hoành để cân bằng thế lực sắp thay đổi. Người Nga nếu không lo thu vén binh pháp để bôn tẩu về phía Tây thì còn đợi lúc nào nữa? Tưởng họ cũng phải hợp sức với Phổ giúp Phổ phóng tay phía Tây Bắc còn bản thân thì dấn vào mặt Tây Nam. Đến khi thế lực người Pháp đã phục hồi, hợp cùng với người Anh thì con đường khai thác lợi nhuận của họ đã khai thông rồi, Anh Pháp cũng chẳng làm gì được. Nếu quả như vậy thì nên thừa lúc tình thế Pháp đang bối rối mà mưu tính việc của ta, gấp rút sang các nước phương Tây tùy cơ tìm bạn để trấn phục.

Vả lại người Pháp một nửa cũng muốn lập vua mới, một nửa muốn lập Cộng hòa. Nếu đảng nào đang nắm quyền thì nguyên soái Gia Định cũng do đảng ấy chỉ lệnh. Nếu vậy mà ta biết khéo dùng lời lẽ thương lượng cùng y, xin y đổi đất mà về thì dù cuộc diện sau này có thay đổi họ muốn sửa đổi lại minh ước của đảng trước thì ta cứ thông thả qua lại viện dẫn những lý lẽ trước cũng dễ điều đình kéo dài để cầu người giúp. Nếu vậy thì việc đi Tây không nên chậm trễ trước khi tình thế bên ấy ổn định. Tôi vì tình thế khẩn cấp của quốc gia từ nay về sau mà hết sức suy nghĩ kỹ thì thấy cũng còn cơ may có thể lo liệu được. Bởi vì hiện nay thiên hạ bôn tẩu như điên chỉ gấp rút tranh thế mạnh yếu và lợi nhuận, đường

lối xưa vĩnh viễn không còn thấy lại nữa. Khắp thế giới chỗ nào sinh sống được, chỗ nào canh tác được người Tây đã tìm kiếm hết rồi. Khắp các duyên hải đều có sở thuộc, có ranh giới giới hạn, có nơi tự giữ được, có nơi phải dựa vào người, có nơi bị lệ thuộc, hoặc không có lợi lớn, hoặc có nơi còn cộng tác khai thác, người Tây đều đã thấy rõ và đều đã chia nhau. Nếu người ta đã mưu đồ trước sau thì ta cũng khó lật lại được. Cho nên người Pháp người Ý đều chuyên tâm nhắm vào ta mà thôi. Bởi chúng cho rằng ta chưa thể canh tân chưa thể giao thiệp rộng rãi thì chúng dễ gây sự mà vô lấy. Đó là cái lý cái thế chắc chắn phải xảy đến như vậy.

Nay việc khẩn cấp nhất của ta là trước hết phải giữ cho được cái gì chưa mất còn việc mưu thu hồi sáu tỉnh là việc sau. Muốn giữ cái chưa mất thì phải gấp rút giao thiệp rộng, muốn mưu thu hồi sáu tỉnh thì phải gấp rút thừa cơ, mà canh tân chính là căn bản để mưu thu hồi và gìn giữ. Nếu không canh tân để tiến bộ thì dù có tạm thu hồi được, vá hôm nay ngày mai lại rách, rốt cuộc cũng không thể không có chuyện xảy ra. Nếu nhất luật canh tân để tiến bộ thì việc giữ không khó mà việc mưu thu hồi không chóng thì chầy cũng có thể hy vọng được. Cho nên về khoản đi Tây, phải làm như các nước Nhật Bản, Xiêm La vậy. Không nên chỉ chăm chăm vào một việc, cũng không nên lấy năm tháng làm kỳ

hạn. Không được cái này thì được cái khác, bất luận việc trong ý định hay ngoài ý định hễ thấy có lợi thì cứ tiến tới. Muốn gìn giữ được thì một mặt phải dập tắt cái hy vọng của người Pháp người Y. Mà như thế thì chỉ có giao thiệp rộng mới dập tắt được. Muốn mưu đồ thu hồi nhưng nay hãy còn dài dòng chưa làm được việc thì phải chuyên lo cái phần căn bản, gấp rút vào việc canh tân tiến bộ còn sáu tỉnh thì hãy cứ gởi đó. Đó là cơ hội quyết định sự mạnh yếu tiến thoái. Nay là lúc gặp cơ hội có thể ra sức làm được, lẽ nào lại cứ an nhàn buông trôi theo ngày tháng mà xong việc được sao? Hãy xem vua Xiêm gởi nước mà đi châu du các nơi thông thương buôn bán ở vùng Đông Nam là ý muốn làm gì?

Trung Quốc thì cộng tác với người phương Tây để hưởng lợi chung, nhờ đó mà tài nguyên khoáng sản phát đạt thịnh vượng, nơi nào cũng nổi như bông. Họ là người gì, ta là người gì? Cũng là nhân dân vùng đất đai này thôi mà ngày nay cái thuật làm cho giàu mạnh thấy rõ ràng như xem lòng bàn tay. Đó không phải do nói nhiều, do cố sức làm mà thôi.

Nếu cứ nói suông không làm thì ngày lại ngày qua, năm này sang năm khác, ta ngồi một chỗ còn người thì tiến nhanh, mọi người đều canh tân chỉ ta thủ cựu thì biết làm sao? Từ năm Tự Đức thứ 19 đến nay tôi tưởng đã một lần canh

tân chứ không còn thủ cựu. Hãy xem phương Tây bất luận nước nào tuy gặp tao loạn hư hại lớn, nhưng không đầy mười năm sau giàu mạnh còn hơn xưa. Còn ta đất có đầy, dân có đầy mà y nhiên xưa sao nay vậy. Xưa Mạnh Tử sở dĩ khuyên Tề Tuyên Vương thi hành việc chính trị vì nhà vua không thể chế ngự được. Còn ngày nay Triều đình ta cũng chẳng phải hiếu sắc ham chơi như Tề Tuyên thế mà lại hôn mê không tiến được? Theo tôi tính toán thì từ nay về sau trong khoảng hai mươi năm, nước ta chắc chắn có một kỳ thái bình thịnh trị (Đó là lý thế vận hội sinh ra như vậy. Lý do rất dài dòng khó có thể nói rõ. Không phải như thầy bói, trong bụng chẳng biết gì, chỉ cầu xu nịnh trước mặt mà nói

láo chuyện họa phước). Cho nên tôi cực lực cầu làm thử để được một lần trông thấy đó là cái mưu kế suốt đời tôi, để đáp tạ những nỗi khổ phong trần của thời niên thiếu. Vì thế mà trong đoạn cuối bài Tế cấp bát điều trước đây tôi có nói: Khổng Minh trong những lúc nằm mơ chưa bao giờ không lập kế đánh Ngụy. Tôi tuy thiếu tài ấy nhưng thừa tâm huyết, không có bốn phen ấy nhưng có chí ấy.

Tất cả những điều mắt thấy đều còn có thể làm được. Cho nên không biết rằng những việc đó không phải phận sự của mình mà cứ liều lĩnh nói dài dòng. Chỉ vì từ trước đến nay chỉ thấy Triều đình

cứ yên phận theo lối cũ nên tấm lòng của tôi cuối cùng phải mai một mà trước đây trong bài Lục lợi từ tôi có nói: Bài Tế cấp luận của tôi nếu đem ra thực hành trăm năm cũng chưa hết. Thế mà bảy tám năm nay chưa thấy thực hành tý nào, chả lẽ đợi đến trăm năm sau mới thực hành được sao? Nay có thể làm được rồi, thời đã đến, thế đã có, mở rộng giao thông để đem của cải thiên hạ đến, chấn hưng phương pháp mới để làm hưng thịnh nguồn lợi trong nước. Tiến hành cả hai thì mọi cái hỗ trợ cho nhau, lợi ích sẽ ùn ùn đưa đến. Tôi tính toán cái thời hạn hai mươi năm chỉ một ngày có thể hy vọng được.

Nay kính bẩm.

(Tôi hiện đang bệnh chưa khỏi, hãy còn ba bốn tập xin đợi tháng sau sẽ bạ̉m lên).

DI THẢO SỐ 53

Về chính sách nông nghiệp¹¹

(Ngày 20 tháng 8 năm Tự Đức 24, tức ngày 4 tháng 10 năm 1871)

Tôi giáo sĩ Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Tôi thiết nghĩ trong ngũ phúc, phú đứng đầu, triệu dân trước tiên lo ăn. Sách Luận Ngữ nói: Làm cho giàu có rồi mới giáo dục. Kinh Thi nói: Làm cho giàu thóc lúa. Sách Đại Học bàn về việc làm cho sinh ra của cải. Cửu Kinh có nói đến việc làm cho sung túc của cải. Sách

¹¹ Bản Hán văn: N.P số 121 trang 31-39 Hv 135 trang 1-29 Hv 634/1 trang 117-148

Mạnh Tử khi trình bày về đường lối chân chính có nói đến hằng sản hằng tâm. Sách Vương Chế nói về nước phải chứa của cải đủ dùng trong ba năm, chín năm. Trong chín sự dự trữ thì sự dự trữ lương thực hàng hóa đứng đầu. Chín phủ kho hàng vải đầy la liệt trong đó. Ngô Khởi nói về việc dùng binh bào trước phải làm cho dồi dào của cải rồi sau mới dùng sức. Triệu Thố khi bàn về việc phòng bị biên cương nói rằng: Nhiều lúa thóc dư của cải thì làm việc gì chẳng thành. Đủ thấy những người nắm đường lối chính trị, không ai không sớm lo giàu có.

Trời sinh ra con người không

phải chỉ sinh con người trơ trụi mà trước tiên sinh vạn vật để đủ cho con người sinh sống. Mở đầu sách Cự ước của Đạo (Công) giáo có nói đến đoạn này. Như Kinh Dịch cũng nói: Có muôn vật rồi sau mới có nam nữ. Đó chính là điều khẩn thiết trước nhất đối với con người.

Trời còn sinh ra mặt trời để ấm áp, gió để mát mẻ, mưa để thấm ướt, đất để nuôi dưỡng, nước để tưới nhuần. Biết bao nhiêu đức tính trời đã sinh ra trùng trùng lớp lớp, tác động qua lại mà thành ra nguồn gốc ấm no cho thế gian. Đủ thấy rằng đạo trời cũng rất nhiều cách cốt làm ra của cải vật dụng cho con người.

Nhân dân đối với đất nước như con cái đối với cha mẹ. Mỗi tương quan hết sức gắn bó. Như trước đây, trong Tế cấp bát điều tôi đã nói: Một nước ví như một thân thể. Đó là cái lý thể liên lạc tương quan hết sức mật thiết mà đạo trời đã định ra như vậy, tuyệt không có một người nào đó có thể ở ngoài lý thể ấy (Người nào thấu hiểu sâu xa lý lẽ này thì sẽ thấy rằng tất cả những ai không trung với nước tức là không trung với chính mình. Muốn trình bày rõ lý lẽ này cũng phải viết đến một tập dày.)

Cha mẹ đối với con cái, trước tiên là sinh ra, nuôi lớn lên, tiếp

đến là dạy dỗ nghề nghiệp để sinh sống, nên người, thì mới có thể trông mong lúc tuổi già. Đất nước là cha mẹ của muôn dân. Nếu không thể dạy tập cho dân giàu có mà chỉ lo thu thuế, không lo được cho dân ăn học mà chỉ thôi thúc cung đốn các khoản thì sao gọi là cha mẹ được?

Mọi việc trên đời hễ việc gì có công dụng lớn thì rất khó làm. Công việc của con người không gì lớn hơn là làm cho ra của cải để nuôi sống. Vậy thì làm được việc ấy đâu phải dễ. Tây Môn Báo có nói: Vua cốt làm cho dân giàu. Sách Gia Ngữ nói: Làm chính trị phải gấp rút làm cho dân giàu. Những lời nói ấy đâu

phải nói sông. Xưa Phục Hy làm vua mà dạy dân cày ruộng đánh lưới cá để mở mang mọi việc. Hậu Tắc dạy dân cày cấy lấy việc nông làm cho nước giàu. Thế mà bảo là nghề hèn mọn được sao? Kinh Thư nói về công tu phủ trị. Sách Chu Lễ nói thưởng nghệ phạt hoang. Vậy tu trị như Kinh Thư nói nghĩa là gì? Tức là trước thì tuân theo thời tiết, sau thì khuyến khích sức dân, sau nữa thì khai thác hết nguồn lợi đất đai. Như thế để dạy dỗ dân tất cả phải hết sức mình cho sinh kế. Những nơi đồi núi cheo leo không trồng được lúa đậu thì trồng cây trồng tre. Mùa xuân chặt tỉa cây khô mục, mùa hạ hái quả, mùa thu trồng rau rắng, mùa đông hái củi để điều tiết dân sinh. Theo phép ấy thì săn thú không săn thú bày,

không bắt thú con, bắt cá không tát cạn đầm ao, không đốt rừng để săn thú, sói chưa tế thú¹ không được săn, rái chưa tế cá² không được thả lưới, chim cắt chưa báo tin thì bầy lưới không được chăng gài nơi khe suối, cây cỏ chưa rụng lá, thợ rừng không được vào núi rừng chặt hái, côn trùng chưa đến kỳ sinh nở không được đốt ruộng nương, không giết vật có thai, không phá tổ hốt trứng, không bắt cá chưa đủ thước tắc, không giết heo chưa đúng kỳ. Mây bốn bề kéo tới thì chỉnh đốn biên cương. Éch kêu én liệng thì sửa sang đường sá. Nước đổ xuống suối thì lo sửa cầu cống. Còn rất nhiều việc nữa, phải theo thời tiết mà tu bổ sửa chữa, cốt tự người trên phải thân hành đốc suất. Như chủ nhà đối

với người giúp việc. Sáng có công việc buổi sáng, chiều có công việc buổi chiều. Có việc thì có công, do đó người thời cổ sống được nuôi dưỡng đầy đủ, chết chôn không có gì oán hận. Được như vậy rồi sau mới biết thế nào là lễ tiết vinh nhục mà sinh tâm lòng yêu chuộng việc nghĩa, sốt sắng việc chung. Còn nếu như cứ bị cái nghèo đeo đuổi thì đến cha con cũng không bao bọc nhau được còn hơi đâu nghĩ đến lễ nghĩa phong tục.

Phàm tình đời có dư mới nhường, không đủ thì tranh. Nhường là nền móng của sự thịnh trị. Tranh là đầu mối của loạn ly. Vì thế có đủ ăn mới giữ được chữ

tín, cùng thì sinh gian dối. Xưa nay chưa từng nghe dân nghèo mà nước thịnh bao giờ cả.

Nay chẳng cần nhìn sự việc xa xôi của đời thượng cổ mấy ngàn năm làm gì, chỉ dẫn những việc trước mắt thời nay cũng thấy được là thiên hạ sở dĩ giàu mạnh là do chuyên về nghề thực dụng, với một phương thức đầy đủ hơn xưa bội phần. Hãy xem phương Tây và hai nước châu Mỹ, tất cả vua chúa đều đốc suất việc làm lợi làm giàu trước hết, còn sách vở luật lệ xử lý công việc thì để sau. Bởi vì Hình là để trừng trị dân sau khi đã có tội. Binh là để đối phó với dân sau khi đã sinh bạo loạn mới giết. Lễ

là để lập ra các nghi tiết để trang sức cái vẻ mỹ quan trong thời bình. Công là để sửa sang vật dụng dụng cụ. Hộ là để kê tra tiền bạc của cải xuất nhập, nhân số nhiều ít mà thôi. Tất cả những công việc trên đây trước hết phải có sự thật vật thật, sau mới tùy theo đó mà gìn giữ sửa trị để làm cân bằng cái công dụng của nó. Tất cả đều xảy ra sau khi đã có sự vật mà khéo trù liệu xử trí để hưởng dụng chứ thực tế tất cả đó không thể sinh được lợi lộc gì cả. Nói trị nghĩa là dùng luật pháp duy trì trật tự. Và như vậy thì trước tiên phải có cái gì đó đã rồi mới có pháp luật. Như nấu canh thì phải có muối, mỡ, cá, thịt thì mới nấu được. Vì thế đối với các nước ấy, những người làm quan bất luận quan bộ nào, chức

vụ gì, trong lúc ở công đường cũng như lúc tiệc tùng yến hội, bốn chữ làm lợi trừ hại không ngớt miệng nói, không dám buông lời nói chuyện gì khác sợ bạn đồng liêu chê là vô tâm đối với dân. Còn như phân xử những chuyện bất bình lật vặt, mỗi ngày không quá bốn tiếng đồng hồ, chẳng cần thâm qua đêm, coi đó như thừa sức mà học văn chương vậy thôi. Tất cả trong dân hễ có nghề nghiệp gì làm ra của cải được thì đều đặt chức quan để huấn luyện dạy dỗ. Pháp lệnh được thi hành đều khắp từ thành thị đến rừng sâu. Hãy xem các đầu nguồn ở Gia Định, tất cả nơi nào có rừng ở mỗi công trường làm gỗ nếu chặt hạ bao nhiêu cây thì phải trồng một cây con bên cạnh, và dân chúng thi hành một cách tự

nhiên như thành thói quen. Nước ta hai bên đường cái quan có trồng cây mà phần nhiều bị chặt phá (Đó là điều chính mắt tôi trông thấy). Trãi từ thời Minh Mạng đến nay cứ ngã cây này trồng cây khác mà vẫn không thành công là vì sao? Chỉ một việc rất nhỏ nhặt, rất dễ dàng mà còn thế, huống gì là việc lớn?

Sói chưa tế thú: Thiên Nguyệt Lệnh trang Kinh Lễ nói tháng cuối thu giống sói bắt được thú vật bày ra la liệt như cúng tế gọi là “tế thú” - Ý nói khi chưa cuối thu, thú vật chưa sinh sôi nảy nở nhiều thì chưa cho phép săn bắt.

Rái chưa tế cá: Cũng Thiên Nguyệt Lệnh trong Kinh Lễ nói vào

tháng đầu xuân giống rái bắt cá bày la liệt như cúng tế gọi là “tế ngư” - Ý nói chưa sang xuân ấm áp cá chưa sinh sản nhiều thì chưa cho phép đánh bắt.

Các nước người ta dạy dỗ dân thì như thiên văn, địa, lý, nông chính, hầm mỏ, khai thác nguồn lợi biển, nguồn lợi núi, nguồn lợi sông hồ, thủy cục, đường sá, cầu cống, thương mại, giao thông, toán pháp, y tế, cây trồng, cấy may, thực phẩm, nhà cửa, phố xá, cho đến nuôi dạy trẻ, không ngành nghề nào không có thức quan quản thủ, mà tất cả việc gì cũng đều hợp lòng người, không trái nguyện vọng của dân. Nếu muốn trình bày hết những cái

hay đẹp phải đến một tập sách lớn cũng chưa thể nói hết được.

Nay hãy nêu một vấn đề căn bản hết sức trọng đại khẩn thiết đó là vấn đề nông chính mà nói để thấy rằng mọi vấn đề cũng đều như thế cả. Chỉ thưởng thức một miếng cũng đủ biết toàn thể mùi vị.

Đối với vấn đề nông nghiệp các nước chú trọng mở khoa thi để chọn người. Muốn thi đậu để ra làm quan nông chính, thí sinh trước hết phải học sơ qua về thiên văn để biết các lớp khí quyển khô ẩm của mặt đất. Đại khái có chín mục như sau:

1 - Khí nóng mặt trời tác động vào gió

2 - Khí nóng ở trong đất

3 - Độ cao thấp giữa mặt đất và mặt biển.

4 - Hình thái mặt đất.

5 - Hướng xiên của đất gò.

6 - Bề mặt bề lưng cách biển gần xa.

7 - Tính chất các lớp đất.

8 - Ruộng canh tác, ruộng hoang và mật độ dân số. (Vấn đề này cơ bản ở điểm đất có sinh khí hay không. Lý lẽ này rất sâu chứ không phải chỉ thống kê ít hay nhiều).

9 - Gió thường xuyên của bốn mùa.

Biết các hướng của các khí thì biết được sự thích nghi của động vật thực vật.

Tiếp đến phải học địa lý để phân biệt tính chất đất đai (Địa lý này khác với ngành địa lý tương đối với thiên văn mà nói, cũng không phải địa lý áp dụng trong ngành khoáng chất). Tất cả các loại ngũ cốc rau cỏ đều có thích nghi riêng đối với chất vị của đất, nếu hợp thì được nuôi dưỡng (Ngành học này rất phiền toái, tất cả đều quy về khoa thực vật học nhưng tách riêng ra một phân ngành để cho những người về ngành nông chính học sơ qua mà thôi) nếu không hợp thì không được tốt tươi. Điểm này do ở chỗ mặt đất cao thấp không đồng nhau mà ra. Như núi gò hồ

ao đồng bằng, cao thấp một thước một tấc là có sự khác nhau rồi. Đất đai lại toàn có một sắc hoặc nhiều sắc xen lộn. Như sách Vũ Cống có nói đến năm loại đất, Quản Tứ cũng nói năm lớp đất, tức là lấy sắc đất mà phân biệt đất ấy tốt xấu chất vị khác nhau thế nào để biết thích nghi với loại cây trồng nào.

Tiếp đến phải học về tích chất của loại thực vật và cách gieo cấy trồng tía bảo quản chúng. Tất cả các loài ngũ cốc, hoa quả, rau khoai, cỏ cây, tực bên trong cũng như đối với môi trường bên ngoài, mỗi thứ đều có bản tính riêng có thể chia ra loại cay ngọt, đắng, chát, ôn hay mát, hàn hay nhiệt.

Sau đó phải học các loại điền thổ trong nước, cho đến ao vườn trang trại trong dân, năm được mùa thế nào năm mất mùa thế nào, để quyết định sự tăng giảm số thuế. Lại phải học về địa văn, thời tiết gió sấm, mây mưa sương móc băng tuyết, cho đến sự chênh lệch lạnh nóng giữa ngày đêm, gặp gió mưa nóng lạnh nơi nào nên cày nơi nào nên bừa, nơi nào nên gieo để phù hợp với khí trời đang phủ xuống, khí đất đang bốc lên. Về ruộng đất có loại mặt đất nào phù hợp với thời tiết gì đều sưu tập thành sách. Vấn đề khó nhất là gió mưa nhiều ít và sự vận khí mỗi năm đều có thay đổi chút ít. Dĩ nhiên đó là do ở trời, nhưng cũng phải biết tùy

theo thời tiết mà đoán định. Rồi mau tham chiếu phối hợp với lịch pháp trong năm và theo dõi những trường hợp bất đồng trong mỗi lúc mà gia giảm để quyết định thời điểm canh tác sớm hoặc muộn.

Các khoản trên đây mới chỉ nêu sơ lược các tổng mục mà thôi. Về quan hệ thứ tự đối với người học còn rất nhiều phiền phức gấp bội sách vở kinh sử của học trò thi nước ta. Tôi thường nói với người ta rằng học nghề nông khó lắm và bị mọi người cho là nói khoác. Họ đâu biết rằng học nông như thế đâu phải dễ. Những người thi đậu sẽ được phân bổ mỗi huyện một người. Công việc của họ là đi xem xét ruộng nương còn quá hơn là

người nông phu đi thăm ruộng. Lấy một xã ra mà nói thì thí dụ như một xã nào đó có bao nhiêu ruộng đất, ranh giới như thế nào cùng các nghiệp chủ có ruộng tọa lạc tại đâu nông quan sẽ căn cứ vào khí hậu thời tiết đám ruộng nào, tên gì, gởi trát đến cho lý trưởng truyền cho biết nghiệp chủ tên gì có ruộng tại đâu ngày nào vỡ đất, ngày nào xuống giống, dùng giống lúa gì, hàng gieo cấy cách nhau bao nhiêu, mấy lần cày, mấy lần bừa, bao giờ bừa cỏ, tưới tiêu như thế nào, nhất nhất phải làm đúng theo pháp tắc quan nông chính đã định. Nếu ai làm sai ngày giờ sẽ phạt không tha, như người bị tử tội vậy. Đã đi tuần lúc xuống gieo để quan sát cách canh tác lại còn căn cứ theo mỗi thời kỳ đi tuần

xem từ khi lúa mọc đến vàng gié rồi biên rõ vào trong sách. Khi lúa chín phải đợi quan nông chính biên nghiệm xong mới được gặt. Đối với ruộng hạ đẳng, vốn lời tương đương nhau thì được trừ thuế. Ruộng trung đẳng và thượng đẳng cũng làm theo cách như vậy. Ví dụ như trừ ngoại mười quan tiền xuất vốn canh tác, rồi mới chiếu cứ mười quan lợi bao nhiêu thì phải nộp thuế bao nhiêu. Mỗi nghiệp chủ có bao nhiêu ruộng loại nào, tính chung số lợi thu đặc thuộc vào hạng nào, liệt kê trên là ruộng dưới là thuế, cộng chung phải nạp bao nhiêu quan. Đến khi mở điểm thu thuế trước hết gọi trát đến bộ thuế nơi lý trưởng hẹn ngày giờ nào quan viên sẽ thân hành đến cho lý trưởng ngồi trâu. Nếu chủ

ruộng không đem nộp đúng thời hạn đã định, đến khi quan về nhà rồi mà cũng không đem đến nộp thì sẽ gởi trát lần thứ hai hối thúc một lần nữa, sau lần này sẽ phát mãi tài sản để trừ đủ số thuế, nhất định không sai như mặt trăng thay ánh sáng mặt trời vậy. Họ làm thế cho nên chưa bao giờ thuế bị trì hoãn hay thất thu như ở nước ta. Vì nhà nước chỉ thu thuế trên số lợi mà không hề xâm phạm đến số tiền vốn mà dân bỏ ra canh tác, nên không có nạn khai gian trốn thuế, tiền thuế phù hợp với lợi tức thu đắc, đúng đạo công bình tuyệt đối không tư vị, nhờ đó tránh được cái tệ thủ lợi riêng, dân ai nấy đều được công bình. Đối với vườn tược trang trại đất núi đất rừng cũng vậy. Phàm trồng cây gì

có thể dùng để lấy gỗ hay cây gì ăn được đều phải nhất định theo phép quan mà làm. Quan nông chính sẽ thân hành cắm tiêu làm dấu phạm vi trồng, thích hợp trồng cây gì và chỉ vẽ các cách ươm trồng vun xới. Đến khi cây mọc tốt thì hằng năm vào mùa thu quan nông chính lại đi tuần xem chỉ vẽ cây nào nên cắt bỏ nhánh nào hướng nào. Khi cây đã đúng kỳ dùng được hoặc cây nào bị trùng đục cần phải chặt bỏ thì cho hạ xuống mà dùng rồi lại trồng một cây con bên cạnh. Ng-hiệp chủ tuyệt đối không dám cắt bỏ một nhánh con theo ý mình. Hãy xem phương Tây, ở đồng bằng mà người ta cũng đều trồng cây nơi bờ ruộng ngay hàng thẳng lối xanh mát đẹp để chứ không chỉ ở núi rừng mà thôi.

Làm như thế không phải chỉ đặc biệt để có của cải sử dụng mà còn quan hệ rất lớn.

Châu Mỹ ngày xưa hoang vu chưa khai thác, sầm uất cũng như Gia Định ta thời cổ: Sau đó người Anh, Pháp, Y Pha Nho, Hà Lan v.v... những người không nghề nghiệp đổ xô tới tha hồ khai phá chặt chém đập hết xuống mà làm đồn điền nông trại. Khi họ mới đến, mưa gió thuận thời tiết. Nhưng sau khi bụi bờ gai góc đã chặt, đường sá đã nối liền, đồng ruộng bạt ngàn, lúa mè xanh tốt, thì lượng mưa giảm dần. Cho đến lúc đất đai được khai thác gần hết thì mưa ít hạn hán nhiều, chẳng biết vì sao. Mỗi gần một trăm

năm có một người giỏi về thời tiết khí hậu mới suy ra rằng cây cối hút khí ẩm trong đất khi mặt trời hun đốt thì nhả khí ấy ra tản mạn rồi bốc lên thành mây mưa xuống. Hãy xem ở núi cao nơi cây mọc rậm rạp, ở đó mưa nhiều gấp bội những nơi đồng trống. Đó là chứng minh. Từ đó người ta mới trồng cây khắp các bờ ruộng ở đồng bằng và các cồn cát, mới nhìn tưởng như rừng. Mười năm sau, gió mưa mới phục hồi lại như thời cổ. Cho nên đến nay người phương Tây quan tâm trồng cây ở đồng bằng cũng vì thế.

Hãy xem tỉnh Nghệ về mùa hạ miền trên mưa nhiều, còn miền dưới thì núi thấp đồng trống ví

dụ như hai huyện Hưng Nguyên và Châu Lộc mưa rất ít. Nếu có mưa nhiều thì phần lớn đó là mưa từ trên di chuyển xuống, hoặc từ Hồng Lĩnh tản ra bốn phía. Đó là một chứng minh. Xem thế mới biết cái gì trời sinh ra là có lý rất nhiệm màu. Không có đất đai nào mà chẳng có cây cối, đó là để tiếp hòa khí đất, thích hợp cho vật cho người. Công dụng của nó rất lớn. Thế mà con người chẳng biết quý trọng, muốn chặt phá là chặt phá, bò dê phá dẫm đạp. Thậm chí mùa khô nắng, một đóm lửa cũng đủ cháy lan một giải núi lớn, tắc cỏ chẳng còn, nói gì đến cây cối nữa. Như miền dưới, núi Đại Quắc giáp giới Đông Thành, Hưng Nguyên, Lương Sơn, núi Đại Huệ ở Nam Đàn, núi Thiên Nhận ở Thanh

Chương đã trở trọc mất hẳn tính núi. Tôi đã từng hỏi dân chúng ở gần đó vì sao mà đốt phá tổn hại quá lớn như vậy? Người ta lấy làm quái lạ cho câu hỏi của tôi. Vì luật pháp có cấm đâu! Xem đấy, đối với dân không thể để cùng nhau tự lo như lúc sơ khai là thế. Bởi vì thiên hạ chỉ biết sợ pháp luật nhà nước chế tài họ. Có pháp luật mới răm rắp làm theo mà giữ gìn. Còn để tự nhiên thì ai cũng vậy, tội gì một mình mình giữ gìn cho thiên hạ xài? Do đó ở phương Tây hai bên ven rừng ven núi đều được phân giới hạn chia cho dân địa phương ở đó nhận phần làm nghiệp chủ mà giữ gìn. Nếu người ở đó không đủ sức thì cho dân nơi khác đến chiêu nhận giữ gìn hưởng hoa lợi, không để một nơi nào vô chủ mà phải trả

về cho Triều đình. Vì vậy người ta nói giang sơn có chủ là vì thế.

Không như nước ta, bỏ mặc không hỏi đến. Trừ các núi lớn vùng thượng bạn không đủ sức kiểm soát không nói làm gì, còn các núi vùng hạ bạn như núi đệ nhị đẳng, núi đệ tam đẳng ở các huyện tuy giới cận hai bên phù hợp tiện lợi, thế mà ngàn đời vẫn bỏ hoang, muốn đốt phá lúc nào thì đốt phá nữa làm cho tuyệt diệt. Đạo trời là cái đức lớn sinh thành vậy mà chặt chém đi làm mất cái nguồn nước mưa tưới nhuận cho đồng bằng, làm mất cái nguồn cung cấp củi than cây gỗ, làm mất nguồn nuôi sống. Lý do không có gì khác hơn

là vì không có pháp luật để giữ gìn mà thôi. Xưa cắm vào rừng. Tại sao nay lại không làm được như thế? Trời sinh ra rừng rú có công dụng rất lớn, thế mà người khinh bỏ không biết coi trọng cho nên không đạt được cái dụng của nó cũng phải. Nếu biết rõ được nhiệm ý của tạo vật làm cho đất đội lên thành núi để tạo ra cái công dụng lớn cho loài người thì mới biết quý trọng, biết chăm sóc, không đến nỗi để cho anh linh núi rừng phải bị giễu cợt mỉa mai. Kìa, trời sinh thời tiết, đất sinh nguồn lợi, các nước phương Tây tuân theo thời tiết, khai thác nguồn lợi, chia ra xưởng xuất để khuyến dân ra sức làm việc để khỏi cái thói biếng nhác ăn chơi, giúp cho việc tạo thành phong tục thuần phác.

Sở dĩ nhân dân các nước phương Tây được giàu có phần nhiều do nhờ ở nghề nông. Cho nên có đặt ra một Bộ do một vị đại quan cầm đầu coi sóc. Còn để giúp thêm vào việc khích lệ thì mở các cuộc hội chợ đấu xảo, từ đó dân mới biết trách nhiệm chú trọng đến điều căn bản. Cho nên ai cũng hết sức đeo đuổi. Vì lẽ nghề nông chẳng phải là nghề sang cả gì mà được ơn Triều đình khen thưởng hậu đãi. Tâm lý con người ta đã được lợi ích thiết thực cho mình, lại được Triều đình ban thưởng, khiến trong nước đều biết tên mình, vậy ai chẳng gắng sức. Bởi vì thí dụ như có một người nào đó suy nghĩ ra được một phương pháp mới rất hay, thí dụ như trồng

được mùa tốt hơn bình thường, nấu ra đường cũng nhiều hơn các mùa khác. Quan nông chính liền thân hành đến nơi xét nghiệm và khen thưởng. Rồi sau đó khiến khai rõ phương pháp tài bồi như thế nào, đem phổ biến cho tất cả mọi người khiến mọi người bắt chước theo phương pháp đó, chẳng bao lâu mà tiếng tăm lan tràn khắp nước. Tất cả việc gì cũng thế. Hãy xem ở Gia Định mỗi năm đều có đấu xảo. Đó là họ mới thí nghiệm chính sách lúc đầu của họ. Thế mà biết đâu dưới dân đã có ít nhiều người trỗi khá. Nước ta vẫn đề ranh giới ruộng đất chưa được đúng, còn nhiều sơ sót, dân gian sinh nhiều tệ đoan, đất nước chưa được lợi một cách rõ ràng. Nguyên do của nó rối như tơ, giờ đây ra làm gập muôn điều

khó nói hết được. Trước đây trong điều “Tế cấp chính kinh giới” tôi đã nói đại lược các tệ hại, nhưng chưa nói đến những phương pháp bổ cứu làm cho tốt, bởi vì Triều đình lúc bấy giờ chưa để ý đến. Núi, sông, đồng ruộng, biên ải của một nước cũng giống như ruộng đất vườn ao của một gia đình. Nếu là chủ nhà mà không biết hết gia nghiệp của mình có những gì, bao nhiêu, thế là rất thiếu sót đối với gia đạo. Triều đình đối với nhà dân, quy mô còn tuyệt vời hơn nữa, thế thì sự sắp đặt càng phải rõ ràng sáng suốt hơn mới hợp thể thống.

Nay không biết hết được các điều khoản về địa diện địa chất

trong nước, chỉ biết sơ sài đại lược, còn các điều cần phải biết gấp như tôi đã kê rõ trong “Tế cấp kinh giới điều” trước đây mà bỏ ngoài tai thì đối với quốc thể rất là thiếu sót. Bởi vì một khoản về nông chính là chính sách lớn trong công việc chính kinh giới đó. Xưa nay các nước đều tận lực thi hành khoản này. Xem Trung Quốc càng thấy rõ hơn. Thế giới ngày nay đều lưu tâm để ý còn gấp bội thời cổ, lẽ nào nước ta có một vũ trụ riêng khác với mọi người, không làm nông chính mà vẫn có thể làm giàu được sao? Nay một lần nữa tôi xin nêu ra một tệ đoan lớn. Tức như về khoản khai khẩn. Vì lập ra phép giác khẩn mà trong dân gian xảy ra vô số vụ kiện cáo khiến nhiều nơi bỏ đất hoang không ai dám

báo khẩn, như ở xã Hải Thanh ở Hưng Nguyên có một khoảnh đất ước chừng hai trăm mẫu làm nhà cửa cho hào hến ở. Năm trước có người hợp tác cùng bạn bè nâng đất bồi đắp, tốn phí hai ngàn quan tiền. Khi xuống gieo rất tốt chỉ vì báo khẩn thế nào chưa đầy đủ, bị dân phát giác tranh chiếm. Nguyên chủ rất giận bỏ đi để đất trở lại hoang phế như cũ.

Tôi đã qua đó trông thấy lấy làm tiếc lắm. Tất cả trong dân gian có chỗ địa lợi chưa khai khẩn hết, chính là vì lý do đó.

Xưa vùng Giang Nam có nhiều

đồng lầy đất hoang mà dân không dám canh tác bởi vì nếu cày cấy sẽ bị kiện tụng liên miên không gỡ ra được, chỉ vì tranh nhau một miếng đất cắm dùi mà đến nỗi phải khuynh gia bại sản. Vua Thế tổ nhà Minh là người xuất thân từ con nhà nông, đã rõ thấu tệ này cho nên đã ra lệnh trừ đất nào đã chính thức thành ruộng rồi, nếu có đất hoang mà ai khai phá được thì giúp cho họ mở mang bất luận người ấy là dân địa phương hay dân ngoại tịch, bất luận có báo khẩn hay không báo khẩn, vật phải có chủ, ai chiếm trước người ấy được. Lệnh ban xuống chưa được mấy năm mà suốt từ vùng Giang Nam xuống phía Nam tất cả mặt đất đã trở thành ruộng lúa phì nhiêu. Sau đó mới sai quan sát nghiệm rõ ràng,

chiếu trừ số tiền dân xuất vốn khai thác là bao nhiêu rồi lượng cấp số lượng cho dân. Dân chúng không ai nói không kham chịu, là nhờ sự tính toán thích hợp. Hiện tại đất đai của ta những chỗ để canh tác đã hết, còn đất hoang và những nơi khó bồi đắp hãy còn nhiều mà sức dân không thể làm một mình được; ắt phải có người có của cải hợp tác mới có thể khai khẩn được một khoảnh, sở phí về bồi đắp, báo khẩn, khám xét, đo đạc rất nhiều. Mặc dầu trong đó cũng còn sót lọt nhiều nhưng giả sử trong dân sót lọt bốn, năm mươi mẫu chỉ khởi canh được mười mẫu vẫn còn hơn chẳng được mẫu nào. Dân có ruộng để làm ăn chẳng hơn là bỏ hoang phế đất đai quý báu hay sao? Nay tổn công tổn của bốn, năm năm

một mai bị người nhiều tiền đem kêu lên quan, được thưởng, còn mình thì bị tội, làm người ai mà chịu được như vậy?

Cho nên trong dân gian đã tương truyền với nhau rằng khai khẩn là một tội lớn. Mặc dầu trong lệ định thưởng mỗi mẫu ba quan tiền cho người phát giác, còn ruộng thì trả về cho nguyên chủ, thế mà trong dân gian cũng có một vài nơi người phát giác lại được ruộng còn người trước tiên khai khẩn lại bị mất ruộng. Cho nên người ta đã bảo nhau phải rất dè chừng chớ nên khai khẩn đất. Đã tốn công tốn của để khai khẩn thành ruộng rồi lại tốn của chịu khổ để xin ruộng,

như thế chi bằng đem tiền tào mãi ruộng có sẵn mà tào hưởng có hơn là đa sự mà khổ thân không? Đến như hạng dân nghèo không ruộng không đất hoặc có khai khẩn được một sào nửa thước miếng đất rẻo thừa chẳng nên hình nên dáng gì mà còn bị người ta tố cáo là ruộng lậu rồi yêu sách điều nọ điều kia. Chỉ vì một chút đất cắm dùi mà phải cung phụng bọn hào lý đủ thứ thì chi bằng không nhà không cửa, đi làm mướn ăn có hơn không? Nếu làm như Thế Tổ nhà Minh, trừ những dân có ngạch thuế ra còn bao nhiêu những người khác đều cho họ được tự do khai khẩn, không ai được sinh sự. Đợi sau khi đất đai khai thác đã hết, bấy giờ mới sắp đặt châm chước lại cho được công bình. Như vậy thì trong mấy năm

dân được hưởng quyền lợi lúc mới khai khẩn, dần dần được giàu có, điều đó có thiệt hại gì cho quốc gia đâu? Trái lại trước đây trong dân có ai khai khẩn chút đất hoang nào thì rắc rối nhiều chuyện mà đâu là phần công đâu là phần tư đều không rõ ràng, tệ lậu như tơ vò tóc rối không thể nêu hết được (Nếu ngày nào Triều đình muốn diệt trừ tệ đoan, tôi xin trình bày hết). Còn như những nét đại cương về việc điều chỉnh thì tôi đã đề cập sơ lược trong điều “Tế cấp kinh giới” trước đây rồi.

Nay tôi xin nói một khoản về thiết lập quan nông chính. Tất cả các cử nhân tú tài tại gia hãy

chọn lựa cho học Nông chính toàn thư, đồng thời soạn thảo những gì thích nghi với phong tục thổ sản biên thành một bộ cho họ thực tập bổ túc, vừa học vừa làm. Tuy chưa được hoàn toàn như thiên hạ một cách nhanh chóng, nhưng cũng có thể lựa những người ưu tú lần lượt cử ra làm việc trước, mỗi huyện cử một người. Tất cả mọi việc về nông chính và khai hoang đều phải nắm chắc trong tay. Tất cả vườn ao trang trại núi đồi gò nông dần dần vẽ thành bản đồ. Dần dần trừ bỏ các tệ đoan tồn tại trong dân từ trước, mỗi ngày đi tuần chỉ vẽ cho dân làm, y như mình là người chủ nông vậy. Nhưng chủ nông là người chỉ biết lo làm giàu cho gia đình mình, còn quan nông chính là người lo cho sự giàu có của toàn

huyện. Do đó quan nông chính phải có tâm sốt sắng và tháo vát mới làm tròn công việc được. Về cách cư xử đối với dân thì vừa phải theo như đạo xưa, đồng thời lại phải theo phong cách làm việc như các quan ở phương Tây thời nay. Không thể không thể làm việc được. Hãy xem ở Gia Định quan án giải quyết những việc kiện tụng lặt vặt, họ không nhờ câu lưu người ta để xét hỏi, sợ tổn hại công việc làm ăn của dân mà thường hẹn giờ rồi thân hành đến nhà dân. Một ngày như thế họ có thể giải quyết mấy chục vụ. Chỉ một người cỡi một con ngựa cặp một cái cặp sách mà thôi. Thanh liêm mà giỏi việc hành chính, ai bảo người thời nay không làm được? Còn nếu theo cách quan liêu hiện nay thì chẳng

khác gì trường hợp như Liễu Tử Hậu, không những không làm lợi dân mà trái lại còn bị dân hại. Xưa Điền Tuấn rất vui, Toàn Nghĩa thấy lúa mạch thì cười, cho đến nuôi tằm trồng dâu mà được trừ tội. Để tâm săn sóc lo cho dân đến thế mà dân không phấn khởi được sao? Nếu Triều đình muốn thực hành thì trước hết nên định ra điều lệ, áp dụng làm thử một tỉnh trong vòng bốn năm năm, thấy có hiệu nghiệm rồi sau sẽ thi hành phổ biến. Còn nếu không hiệu nghiệm thì bỏ cũng chẳng muộn gì (Nếu như tôi được đi theo đại phu thực hành thử một nơi nào mà không hiệu nghiệm, tôi xin cam chịu tội nói láo). Ngày trước Ngụy đại nhân cũng đã cùng tôi bàn luận việc này và muốn áp dụng thử ở tỉnh Nghệ trước, chỉ

tiếc hời đó chưa đủ người thừa hành công việc.

Xưa thánh Khổng làm chức Tư không ở nước Lỗ trước tiên phân biệt năm loại chất đất khắp núi rừng sông hồ gò nông đồng lầy... Do đó mà các loại thực vật đều được thích nghi. Tưởng thời xưa cũng có chuyên môn và sách vở, đến khi gặp nạn Tần mới bị đốt bỏ. Tử Lộ cai trị đất Bò thay đổi lại hết chế độ ruộng nương, phá bỏ bụi bờ gai góc, đào ao vét mương, trồng cây cối sum sê, được thánh Khổng khen là bậc cung kính trung tín. Thời bấy giờ lời nói và việc làm của các môn đệ của Khổng đều chú trọng điều căn bản. Người xưa coi

trọng hiếu để và sự lao động sản xuất giống nhau. Lưu Án cho rằng làm vua thương yêu người không phải ban cho người vật này vật nọ mà phải dạy người cày ruộng dệt vải. Thoát Thoát nhà Nguyên mộ dân phương Nam cày ruộng phương Bắc, mỗi năm thu hoạch thóc lúa hơn trăm vạn thạch, lại mộ dân đắp đê ngăn đập, cứ ngàn người làm một nông sự, làm giáp một năm mà được mùa to. Trương Như cai trị đất Bá, cứ một xóm lập một sổ bộ thống kê hết sổ hộ khẩu nam nữ lớn nhỏ, dụng cụ trồng lúa, trồng dâu, dệt cửi, số lượng heo gà, mỗi mỗi đều kiểm tra xem xét, khi rảnh thì xuống làng kiểm điểm thưởng phạt, chưa đầy hai năm dân chúng đã có của cải dồi dào, cuộc sống ngày một sung túc.

Chuyện đó xưa người ta đã làm cả rồi. Ai bảo là khó như vượt biển? Lý do vì sao?

Nếu nhất định thi hành nông chính trở lại mà có người thực tâm làm việc, theo đúng pháp luật mà làm thì từ đó sẽ sinh ra nhiều lợi ích không thể kể xiết. Thứ nhất là vấn đề kinh giới nhờ đó được chính xác, chấm dứt mỗi tranh giành, dân chúng được yên ổn lâu dài. Thứ hai là khai thác hết địa lợi, thì dân được giàu có. Thứ ba là trong nước nơi nào trồng trọt được nơi nào người ở được có thể thấy rõ ràng như trong bàn tay, như gia chủ quản lý công việc nhà vậy. Thứ tư là các phép ngăn nước

tháo nước, mở đường sá càng thêm Khang trang càng thêm kiên cố (Đây là địa lý về binh pháp). Thứ năm là trồng cây xanh rộng rãi khắp nơi từ đồng bằng đến gò nông, lá khô rụng xuống đất hư mục, thấm khí thấm vào ruộng đất mỗi ngày một tốt, hơn nữa đồng trống thành rừng nhờ đó gió mưa điều hòa, đem sức người phục hồi tạo hóa. Thứ sáu là thuế thu ngày một tăng nhiều, không ai nợ không ai thiếu, chẳng nhọc quan phiên dân. Thứ bảy là chỗ dồi dào chỗ yếu kém bồi bổ cho nhau, lập kho lúa của xã, kho lúa tương trợ công ích, tùy lượng nhập tùy lượng xuất, phòng bị trường hợp mất mùa, lúa thóc quân bình đủ ăn. Thứ tám là có tổ chức hội chợ đấu xảo nên dân chúng đua nhau học các nghề thực

dụng và các phương pháp trồng trọt khiến ngày một khéo léo làm lợi về mặt kinh tế. Thứ chín là quan dân thường gặp gỡ nhau ngày một thêm thân cận, quan bình dị gần gũi dân thì dân sẽ quy phục. Thứ mười là hình thế đất đai đều hiểu rõ thì từ đó nắm vững được địa lý về binh pháp.

Có được mười lợi ích to lớn này thì quốc thể càng thêm hùng hậu. Vậy không nên gấp rút thi hành sao? Quan viên ngày đêm thân hành vào thôn xóm dạy dỗ tập rèn dân mình như thầy trò cha con. Nhờ đó thay đổi được hết tình hình dưới dân khiến tất cả những gì u ẩn bí hiểm của muôn dặm đất nước thấy

được rõ ràng như trong một gia đình, trên hô hào dưới hưởng ứng chẳng dễ dàng trong việc cai trị hay sao? Đấy chính là sự lợi ích vô cùng lớn lao. Nước ta đối với vấn đề nông nghiệp từ lâu đã phế bỏ không giảng dạy. Nay bỗng nhiên muốn thi hành thì trên quan chẳng biết dạy cái gì, còn dưới dân thì cứ nghĩ rằng mặt trời mọc thì đi làm, mưa xuống thì vác cày ra cày, đợi gì phải dạy. Nếu muốn được những lợi ích như đã nói trên, khắp thiên hạ ngày nay thi hành thì không thể nào không có thầy chỉ dạy. Hơn nữa nhà Nguyên mộ một ngàn nông sư đó do đâu mà có? Ngày nay trong thiên hạ sách vở ấy, người chuyên môn ấy hãy còn, mà sách Nho viết về nông nghiệp cũng nhiều, tại sao không sưu tầm rộng rãi mà chỉ lo

mài dũa văn chương, thử hỏi khi đói có thể đem ba cái chữ nghĩa văn chương ấy ra nấu ăn được không? Có chính sách nào hay ho trong việc cứu đói không? Tôi từng để ý hỏi những người lão luyện về nghề làm nông làm vườn thì thấy họ cũng có được một vài phương pháp hay độc đáo, tiếc là không thể truyền bá rộng rãi. Nếu hiểu thị cho dân chúng khiến dân sở tại ai có ngành nghề gì hay thì trình bày dâng lên sẽ được ban thưởng, chắc không bao lâu những phương pháp dạy nghề sẽ được tập trung gởi dâng lên Triều đình. Sau đó tham chiếu với địa thế, khí hậu, thời tiết rồi phối hợp với các phương pháp mới trong thiên hạ soạn lại thành sách. Như vậy là có phương pháp có tư liệu để dạy dỗ rồi. Trên biết

quý trọng thì dưới chắc chắn càng chăm hơn. Chẳng qua chỉ độ vài năm có thể sẽ từ thô sơ tiến tới tinh xảo mà tạo lập được cái căn bản lớn cho thiên hạ.

Những trang này là một điều trong bài Tế cấp luận của tôi trên đã được nghe rồi. Nay nếu Triều đình cho là việc đáng làm thì tôi cũng có thể đóng góp kiến thức hẹp hòi vào việc vạch định thể thức tiến hành cùng khảo hiệu thư tịch cho được phần nào kết quả.

Nay kính bẩm.

DI THẢO SỐ 54

Phải gấp rút thực hiện các kế hoạch¹²

(Khoảng tháng 9, tháng 10 năm Tự Đức 24, tức tháng 10, tháng 11-1871)

Kính bẩm,

Tháng 10 năm ngoái tôi có một bài nói rằng: Nếu bệnh họ thuyên giảm rồi, họ sẽ gấp rút kiếm ăn để bổ dưỡng chỗ thiếu hụt, mà đất của

12 Bản văn chữ Hán: Hv 634 /4 tờ 174-185 Không ghi rõ ngày tháng, nhưng có lẽ là một trong những bài viết cuối cùng của Nguyễn Trường Tộ, vào khoảng tháng 9 tháng 10 năm Tự Đức 24, Nguyễn Trường Tộ chỉ thôi thúc Triều đình thi hành các kế sách đã trình bày trước đây, chứ không có gì để nói thêm nữa.

ta có nhiều thứ có thể ăn được, lẽ nào họ chịu để bụng đói ngồi trông ư? Từ năm trăm năm trở về trước khi cái thói cướp đoạt của phương Tây chưa thành thạo thì cũng có thể do loạn mà dần dần được thịnh trị. Như các nước phương Đông thời xưa còn đóng kín cửa vậy. Nhưng từ khi chúng đã thành thuộc đường đi rồi thì lo thu vét của cải lợi lộc của thiên hạ. Cho nên tuy trong nước dầu bị tàn phá nhưng hễ vừa được rảnh tay thì túa ra bốn phương như ong, không chỗ chăm vá nào chẳng xé ra, không chỗ sơ hở nào chẳng xen vào, coi tài lợi của thiên hạ như của mình. Ví như người đã quen thuộc phương xa, nếu ở mình cùng khốn thì chuyển đi nơi khác, chụp bên Đông giật bên Tây chứ chẳng để đến nổi tay không. Nếu

đem so sánh với kẻ ôm cây đợi thỏ, không ra khỏi nhà nửa bước xem ai thur thả ai quần bách? Hơn nữa không phải chúng chỉ giỏi thu lầy của cái nơi người mà còn giỏi khai thác kinh doanh nơi mình nữa. Dem cái vốn sẵn có của mình mà thuê mướn đất đai của người, lẽ nào không giàu có sung túc nhanh chóng được? Nay sáu tỉnh là nguồn vốn căn bản của họ. Đất đai sau núi là ruộng đất của họ. Nước ta là nguồn tài trợ của họ. Trung Quốc là nơi họ thuê mướn. Còn nguồn lợi bốn phía phương Đông thì Đông ngã ăn heo Tây ngã ăn dê mà họ thì ăn đủ thứ. Chưa nói chi những chỗ khác, chỉ nội một Gia Định cũng đủ quấy rối ta không yên. May mà trời cho ngày nay họ còn bối rối, tuy ta có hơi thông thả, nhưng dần

dần cũng không khởi sinh nhiều chuyện. Đó là điều tôi đã lo xa như vậy. Nên trong lúc họ còn đang phân vân đứng giữa mà ta thì có thể cực lực bôn tẩu tiến mạnh. Họ dừng lại chờ xem còn ta thì đi tới tiến lên. Do đó cũng có thể hy vọng làm được việc lớn. Nếu không thì đó là nguyên do các nước bị trùng ăn cá nuốt là như vậy.

Cơ hội hưng suy thiên hạ xưa nay không giống nhau. Nhân việc đã qua suy việc sắp tới cũng có thể đoán biết được bọn chúng sử dụng chuyên chú vào các nước là vì đối với họ đó là việc quan hệ tính mạng, còn đối với người thì có đường lối có thể xen vào được. Sở

dĩ các nước không thể cự lại được họ là vì câu chấp chỗ hiểu biết của mình mà không chịu gấp rút theo thời thế. Nay hãy lấy một vài bằng chứng gần ta xem. Xưa năm xứ Ấn Độ với Bồ Đào Nha là trường hợp chuyện nhỏ để xảy ra to. Bấy giờ Bồ Đào Nha đã biết người Anh đã thôn tính Tây Châu như thế nào rồi. Người Bồ đại ghét người Anh muốn chặn tay người Anh ở Ấn Độ, đã đem mách cho Ấn Độ biết cái ý của người Anh, thế mà Ấn Độ chỉ cười bỏ qua. Đến khi sự việc ở Mạnh Gia Lạp xảy ra thì tiếp đến các thành phố lớn lần lượt bị sụp đổ. Năm xứ Ấn Độ là nước đứng vào hàng nhì trên thế giới đâu có thể bảo là không người. Chỉ vì tâm lực không đồng mà buông mình chịu làm kẻ dưới. Miến Điện ngồi

xem Ấn Độ, không nghĩ đến cái thế môi hở răng lạnh, tự cho rằng mình trong có núi ngoài có sông có thể cố thủ được mà không chịu sửa sang nền chính trị và bang giao với các nước láng giềng, thỏa mãn với cái điểm ưu thắng nhỏ nhoi ấy mà tự cao tự đại không nghĩ đến việc Anh sẽ gây trở ngại. Đến khi họ cuốn lấy hết nửa nước bấy giờ mới chặc lưỡi, tự hận thì không kịp nữa. Tấm gương không xa đó, người Xiêm đã thấy rõ. Nhưng nổi giận khó nuốt mà muốn gặng gượng ra tay thì biết phận mình như chân bộ ngựa khó đuổi. Cho nên đã gấp rút mở toang cửa ngõ mời thiên hạ đến giúp. Nhờ thế mà đến nay phận chủ khách còn rõ ràng, còn hơn là trông thấy người ta xử sự với mình.

Nước ta hiện nay đối với cái kế thâm độc của họ và sự được mất trong thiên hạ, việc đã sáng tỏ như gương. Tại sao cứ chăm vào một việc đàm phán thương thuyết với họ? Tôi thấy liệt vị đại thần không ai chẳng lo xa nghĩ sâu thẳm mà bảy tám năm nay chưa thấy thi thố được một cái thuật nào khả dĩ cự lại họ. Ngày xưa, binh gia thường dùng kế hoãn binh để chĩnh đốn việc phòng thủ. Nay tình thế giữa họ và ta, dùng một kế hoãn binh là cơ hội tốt. Nếu không gấp rút chần chĩnh để thời kỳ bồi rối của họ đi qua thì còn làm chi được nữa? Tôi đã từng nói cái xấu dở nhỏ trong nước ta chẳng qua chỉ là một thứ mụn ghẻ ngoài da, tuy có đau ngứa

nhưng chẳng hại gì lớn lắm. Còn tình thế của nước họ mới là bệnh trong ruột trong tim, mới thật đáng lo. Họ trước đây khi mới đến Gia Định, ngôn ngữ chưa thông, tính tình chưa thục, bị thông ngôn phá hoại khiến dân thất nghiệp không nơi nương tựa, nhân quần bách mà sinh loạn cho nên họ chưa dám mưu đồ gấp rút, chỉ chuyên chú kinh doanh nơi đây, tạo thành một vũ trụ riêng để nắm cái quyền cư trọng ngự khinh. Do đó họ đã gấp rút phái người đi Tây học tiếng Tây để chuẩn bị sau này dùng vào việc đua đua. Trước đây nguyên soái Gia Định phái được hơn ba mươi người đi Tây học tiếng đã thành thạo trở về Gia Định, còn quan Tây thì chuyên học tập phong tục luật lệ nước ta. Dụng tâm của họ như

thế còn dụng tâm của ta như thế nào sao chẳng lo sợ?

May thay nước họ đang suy loạn còn phải ngồi xồm mà chờ, chưa kịp quan tâm đến ta, có thể nói là lúc ta đắc ý. Ta làm gì đây, hay cũng như người mà thôi? Thiên hạ bốn trăm năm nay đã có nhiều thuật bổ cứu giăng co với bọn chúng, đã có đủ phương pháp công chiến đường lối báo phục. Ngã xuống lại tiến lên, ngọn thương đâm trước mặt, mũi tên bắn ngầm sau lưng cũng là gian lao. Hòa rồi chiến, chiến rồi hòa đâu phải một lần. Thù giết không thôi, người thì ngày một manh mún, chúng thì ngày một tụ họp. Người lui một bước, chúng

tiến một thước, đòi đòi kế tiếp, triền miên không thôi cũng đã lâu rồi. Cùng khắp thiên hạ cứ lại một phương Tây nhỏ bé. Có phải của cải sức lực mưu trí không nhiều đâu. Thế mà càng chống cự chúng càng tiến tới, càng chiến đấu càng thua bại. Việc đã trở thành lớn rồi. Đến như Trung Quốc, hai trăm năm nay chưa bao giờ quên bọn chúng mà nay việc cũng đã xong rồi. Họ là người ta là quý, con đường lợi hại được mất đã thấy hết rồi. Nhưng rốt cuộc cũng không khỏi hai con đường là canh tân tiến bộ và mở rộng giao thiệp mới có thể bảo đảm không bị chúng vồ lấy. Như thế đó không phải là cái kế độc nhất vô nhị, đến chỗ tuyệt vọng mà được sống sao?

Tôi đã từng nói: Sau cùng còn một mình ta lâm vào tay họ, đó là phúc của ta. Khi họ mới phát, thiên hạ đã đem cái sở kiến cũ kỹ của riêng mình ra nghị luận để đối đãi với bọn họ, cũng giống như ta trước đây một thứ thôi. Có điều là người ta thì chưa được thấy vết xe trước đã đổ cho nên cực lực đánh lâu với bọn chúng cho đến khi kiệt sức không dậy nổi mới thôi. Do đó tổn thất rất lớn. Còn ta thì vì sao thiên hạ trúng phải kế quỷ quyết của chúng và vì sao thiên hạ có thể quân bình lợi hại với chúng được, điều đã thấy rõ ràng. Thế mà còn không chịu làm là vì có gì? Lẽ nào suy nghĩ mà không rõ được lý do hay sao? Đã suy nghĩ ra lý do mà

chỉ vì lý do đó nên đến nỗi không thể cất mình bay bổng lên được thì tại sao không một lần nêu rõ lý do ấy ra để trừ khử nó đi?

Xưa nay trong những thời suy chưa có thời nào không có người thấy biết, nhưng có người thấy thời vận không thể làm được nên giữ mình trong sạch mà bỏ đi, cũng có người không thể vong tình nên đem cái chết mà tạ đất nước, cũng có người ăn dật trông đợi thời thế sáng sủa, cũng có kẻ biết mà không thể nói được phải dẫn lòng nuốt hận hoặc nói mà không thấy áp dụng đến nỗi phải than dài như điên, hoặc ôm hận mà chết, tự hại không bổ ích gì cho đời, hoặc phát

chí mạnh mẽ gan góc chống chọi để mưu đồ năm tháng. Có những người có tài như thế mà rốt cuộc không ích gì cho quốc gia là do ở cái thế không thể làm được chứ không phải họ không biết. Nước ta hiện nay cái thế đã rõ mà thế rất có thể làm được. Đó là hiện tượng của thái bình. Tôi biết chắc chắn rằng nước ta tuy nay gặp nhiều biến cố như thế nhưng căn bản đã vững chắc, càng nhiều việc thì càng khó lay chuyển. Sau vài năm hết khổ đến sướng mới thấy lời tôi nói không sai. Đó là chỗ tôi thấy chắc chắn như vậy chứ không phải như hạng thầy bói nói láo. Tuy nhiên có làm mới thấy thái bình. Trên thế gian lẽ nào có chuyện không làm mà tự trên trời rơi xuống cho đâu?

Đức thánh Khổng nói: Còn mất, họa phúc đều ở mình mà thôi, thiên tai địa yêu nhưng chẳng làm gì được. Nếu thế thì chỉ có một chữ cương quyết làm mà thôi. Nay xin gấp rút đi giao thông các nơi để tìm kế chống lại họ, một mặt hãy sang gấp nước họ ở lâu bên ấy dùng tình dùng lý để văn hồi sáu tỉnh (Nếu thấy cơ hội có thể tiến hành đánh úp được, tôi quyết không phụ những lời tôi đã nói), một mặt làm rõ vật gì cũng đều có chủ và giữ đúng lễ chủ khách để ngăn chặn lòng tham của họ, một mặt gấp rút tìm người mở rộng việc khai thác nguồn lợi để giúp giải quyết các cấp bách lúc mới đầu, một mặt đem những lợi dư bán cho bọn họ

để giúp giải quyết những tình trạng khẩn cấp, một mặt chấn chỉnh học thuật khiến dân chúng xu hướng theo đường thực dụng, dứt bỏ thói phù hư vô dụng. Đó là căn bản lớn, muôn sự từ đó mà thành, một mặt chia nhau đi chấn chỉnh công việc trong nước, trừ bỏ các tệ đoan làm hại dân để làm lợi cho nước, một mặt mở rộng đường thương mại để giàu có của cải, một mặt cầu người giúp đỡ để dẹp sạch những cái xấu nhỏ cho dân được yên vui để thi hành đường lối chính trị mới, một mặt tiến hành tu chỉnh các tình thế trong nước cho hợp với địa lý binh pháp mà trước đây chưa chuẩn bị được để tạo thế thành trì vững chắc, một mặt chiêu dụ các dân tộc man mọi phía sau núi, khai phá các vùng đất hoang để mở rộng lợi ích

trong nước, để thu nguồn lợi phía Tây, một mặt gấp rút lưu tâm việc tư tằm dệt vải cho dân đủ dùng, một mặt gấp rút mở hội chợ trưng bày đấu xảo cho dân hứng thú chuộng những việc làm cơ bản để có đời sống phong phú, một mặt gấp rút mở thêm một bộ Tân pháp quan chức và dùng một vị đại thần nào thâm hiểu tình hình thế giới đứng đầu để trách nhiệm việc thành lập bộ ấy, một mặt hãy mở những sự hạn chế để cho những người thừa hành nền chính trị mới triển khai thi thố ý kiến của mình thì mới hy vọng thành tựu được, một mặt gấp rút hãy làm tiêu tan hết những gì trước đây đã làm cho người ta nghi ngờ mình hẹp hòi không rộng rãi, để cho người ta thấy mình đã quyết định thay đổi đường lối, đưa

đuổi cùng thiên hạ, khó lòng dùng quỷ thuật gì quấy rối ta được, như vậy lòng khinh khi của họ mới dần dần tiêu tan, ta mới được vô sự.

Các khoản lớn trình bày trên đây hiện nay hết sức khẩn cấp, hãy đứng dậy nháy xổ ra bắt tay thực hiện ngay. Thời đã đến rồi. Thời khó được mà dễ mất, chớ nên nói hãy để sang năm.

Nay kính bẩm.

DI THẢO SỐ 55

Nên mở cửa chứ không nên
khép kín¹³

(Tháng 9, tháng 10 năm Tự Đức
24)

Kính bẩm,

Tôi xem khắp thiên hạ từ xưa
đến nay, các nước sở dĩ bảo tồn được
dài lâu, không nước nào không do
hai điều kiện là giàu và mạnh. Mà
sở dĩ được giàu mạnh thì không thể
không bắt đầu bằng việc mở rộng

13 Bản Hán văn 634/3 tờ 173 Không ghi ngày tháng, nhưng có lẽ vào những ngày cuối đời của Nguyễn Trường Tộ vì Nguyễn Trường Tộ không nói gì thêm mà chỉ muốn Triều đình thi hành kế sách của mình, sở dĩ chưa thi hành là vì còn nghi ngờ, e ngại.

đất đai làm đông dân chúng, thông thương qua lại và giao du với các nước. Sau đó lấy nhân nghĩa công bằng mà qua lại với các nước làm cho mình và người cả hai đều được lợi, thì mới đạt được sở nguyện. Đó là đường lối thông thường mà tất cả các nước trên thế giới hiện nay đều tiến hành như thế, tập tành ham chuộng đường lối ấy, tìm cách thực hành đường lối ấy, mấy trăm năm càng ra làm càng có lợi mà không ai nghỉ tay, cũng vì bỏ đường lối này không còn phương sách nào khác.

Tôi xin nêu ra một vài nước trên thế giới đã thực hành đường lối này để thử luận xem. Trung Quốc xưa

kia khai thác chưa rộng, đến đời Đường mới bắt đầu mở mang các nguồn lợi về chợ búa và thuyền bè, đến triều nhà Thanh trước hết mở mang việc giao thông bằng đường bộ. Kế đó vơ vét vùng Tây vực đem bán cho các nước Hồ, rồi phía Bắc mở thị trường chung với người Nga để nắm lấy nguồn lợi về trà tàu và da thú. Kế đó lại mở các cửa biển cho các quốc gia hải đảo khu vực Đông Nam dương đến buôn bán, ném một viên gạch mà dẫn đường cho phương Tây đến, sau đó các nước phương Đông phương Tây đều quy tụ về, nhờ thế mà quyền lợi thiên hạ, một nửa đã nắm được trong tay. Tuy có lúc nước Anh vì bất bình mà tranh nhưng nhờ có Nga Mỹ ở giữa nên không bị hại lớn. Tuy có bị nội loạn (Như loạn

Thái Bình vương) chia cắt nhưng cũng nhờ người phương Tây ứng viện, cuối cùng dẹp tan được. Đến nay họ lại thuê mướn nhiều người phương Tây lập xưởng chế tạo khí cụ, đóng tàu. Họ còn thuê người Tây phương làm quan để đại diện họ mua khí cụ và làm đại sứ. Họ còn sai nhiều sứ thần giao thông với các nước lớn để bủa kế liên hoành. Tất cả những việc họ làm, người phương Tây trông thấy đều đã nguội lòng. Thử xem từ triều Minh trở về trước nước ấy hãy còn bế quan tỏa cảng mà nay được khí thế như vậy là đều nhờ lợi ích của việc ngoại giao cả. Chẳng biết do đâu mà triều đình nhà Thanh lại hết lòng tin dùng người phương Tây như thế. Sự thật không thể hiểu được. Nước ta xưa nay, mọi

việc đều bắt chước Trung Quốc, mà chỉ có một kế hoạch lớn là giao thông với cường quốc là ta không nghe theo, có phải toan lập được một mưu kế kỳ diệu riêng hơn hẳn Trung Quốc một bậc chăng?

Lại xem Nhật Bản xưa vốn là lũ người lùn, từ trung điệp nhà Minh mới bắt đầu giao hảo với Hà Lan, làm bạn với Bồ Đào Nha, kế đến mời Hợp Chúng Quốc vào việc nước, mở mắt nhìn rộng rãi thiên hạ mới có được chí hướng lớn như vậy. Từ đó họ đóng tàu bè, luyện tập võ bị, ưu tiên phát triển thương nghiệp, công nghiệp, đất nước mỗi ngày một mạnh, được khen với mỹ danh là Tiểu Tây và Trung Quốc khó

bắt được Nhật Bản phải thần phục. Tuy gần đây Anh Pháp thường hay quấy nhiễu nhưng nhờ có nền nội trị ngoại giao vững vàng mà họ không chịu hạ mình. Như trước đây ba năm Anh Pháp đem binh thuyền đến toan đàn áp, nhưng nhờ có Hợp Chúng Quốc, Hà Lan phân giải mà việc đã không xảy ra. Đó không phải là công dụng của sự giúp đỡ của các nước hay sao? Còn như ngày nay nước ấy có những kế hoạch giao thiệp rộng rãi, những mưu cơ tân tiến thì đâu đâu người ta cũng nghe thấy rõ ràng, gương ấy không xa, không cần phải nêu ra nữa.

Còn như đối diện với nước ta

là Xiêm La. Nước ấy trước đây vốn chẳng có thế lực to lớn hùng mạnh gì. Nhưng từ khi người phương Tây quấy động khiến họ chợt thức tỉnh, bèn lấy Anh Pháp làm bạn, lấy Ý, Bồ làm khách, mời hết các nước trên thế giới đến buôn bán, du lịch, còn nước ấy thì nghiêm nhiên làm một ông chủ nhà lớn đang hoàng, khiến nước lớn thì làm khách nước nhỏ thì làm bạn, thiên hạ quây quần gọi là ông Đông, nói cười, giải vây, ứng đáp không ngại, chẳng cần đua đỏi cao xa mà cũng chia quyền lợi được với thiên hạ. Mặc dầu Anh Pháp muốn phân chia quyền lợi ở đó nhưng cũng không thể làm sao ỷ mạnh mà đánh kẻ tươi cười với mình, nên cũng phải phó mặc chẳng biết làm sao. Hiện nay nước ấy nhờ ngoại giao mà được lợi ích,

ngày một nhanh chóng trở nên giàu mạnh, nội loạn không sinh, kẻ địch bên ngoài không đến, thuyền buôn qua lại trên mặt biển như mắc cửi, quan chức phân bố khắp các nước, dần dần đã lập được cái thế con rết trăm chân. Họ giàu có thịnh vượng thì họ hưởng, hà tất phải bàn bạc làm gì.

Nhưng nước ta có một nước mạnh như vậy ở bên cạnh cũng rất đáng lo. Còn các nước ở xa ta như Nga La Tư, Anh Cát Lợi, Phú Lãng Sa, Áo Đại Lợi, Phổ Lỗ Sĩ, cho đến các nước bao vây phía Nam phía Bắc Địa Trung Hải, ven phía Đông Xích Hải, cho đến các nước hẹp nhỏ thuộc Ấn Độ Dương, cho

đến hai mươi nước thuộc Nam Mỹ, các nước ấy thủy chung sở dĩ được giàu mạnh không nước nào không do mềm dẻo mượn tài người, mời gọi khách du lịch người bán buôn, khuyến khích công nghiệp, siêng năng nông nghiệp, khai hoang khai mở tiếp xúc giao thiệp các nước, cùng điều hay chung điều lợi, trao đổi công việc.

Trước tiên do Bồ Đào Nha mở đầu rồi đến các phương Tây bắt chước làm theo, rồi đến các nước trên thế giới làm theo và đều được hiệu quả, ngày nay đều đã rực rỡ như sao trên trời mà chưa từng thấy có bậc kỳ tài nào nổi lên chống lại việc làm như thế cả. Tuy

như các nước hải đảo nho nhỏ ở biển Đông biển Tây cũng đều nhờ đường lối ấy mà mở mang được phong khí đã mấy ngàn năm ngu muội, thay đổi được phong tục đã mấy ngàn năm què mùa và dần dần xây dựng được bản chất làm người là nhờ thấm nhuần cái ảnh hưởng ngoại giao vậy. Như thế thì qua con đường ngoại giao, thế giới có thể hòa hợp nhau không phân biệt văn minh hay dã man, tất cả đều được thịnh lợi. Thế chẳng phải vận trời đã mở ra như vậy sao? Thế giới rất rộng lớn, chỉ con người rất phức tạp nhưng không nước nào không theo đường lối này. Như vậy kế sách này đã bao trùm khắp thế giới, vua tôi đều yên ổn ở trong đó, nào ai có kế sách gì khác có thể hơn được ư? Tôi xem khắp Đông Châu Tây Châu

tất cả các nước ven biển từ nước hạng nhất đến nước hạng ba, không nước nào không tuân hành theo đường lối này.

Chỉ riêng một mình nước ta thì hành đường lối khác. Cho nên thiên hạ cho ta là một nước ly kỳ đệ nhất. Triều đình ta trong khoảng từ thời Gia Long đến thời Minh Mạng hợp tác với người phương Tây, thường phái du hành các nước trở về dần dần được hưng thịnh. Nếu không có lệnh đóng cửa đuổi khách bạn ra, mà theo đường lối ấy cho đến ngày nay thì ta cũng có thể sánh vai đồng ruổi cùng thiên hạ, và người Pháp cũng không thể tha hồ tác oai tác phúc đối với ta được. Trong tờ

bẩm trước tôi có nói: Đã không thể tân tiến và do quảng giao mà ra, nhưng nếu việc ngoại giao đã thành công, người vui lòng giúp ta thì chẳng những ngày nay có thể vẫn hồi lục tỉnh mà tương lai còn được mỗi lợi phía Tây (Tức như các tờ bẩm trước tôi đã nói đến vùng đất ven núi về phía Tây và vùng đất hai bên sông Cửu Long) ngồi đó mà dần dần vẫn thu được.

Hiện nay may mắn nước họ bị biến loạn lớn. Đó là ý trời khiến họ suy cho ta mạnh tiến để tạo nên cuộc diện cân bằng thế lực. Nếu không biết thừa lúc họ chưa kịp mưu đồ nước ta mà thi hành nhiều cải cách cho kịp thời cơ, đến

khi họ ổn định được việc nước và toan muốn phóng tay, liệu ta có tránh khỏi không bị họ đánh tràn một trận hay không? Cơ hội ngày nay của ta là, đối nội thì xin đòi lại sáu tỉnh, đối ngoại thì phải gấp rút thi hành đường lối ngoại giao để tìm người giúp. Nếu tìm được người giúp rồi thì không những có thể bảo tồn cái chưa mất mà cái đã mất rồi cũng có thể hy vọng thu hồi về được. Còn như đường lối giao thiệp rộng để mở mang việc giao thông buôn bán thì tất cả những lợi ích lớn tôi bầm rõ trong bài Khai hoang từ rồi. Nay không nói trở lại các lợi ích mà đặc biệt chỉ nêu các bằng chứng trên thế giới để giải tỏa sự nghi ngờ. Bởi vì lợi ích của sự quảng giao thông thương đã rõ như mặt trời giữa ban ngày

cần chi phải nói. Sở dĩ Triều đình chậm chạp không tiến hành, có thể chỉ vì một chữ nghi mà thôi. Trong tập nói về ngôi vua chức quan tôi đã bẩm nói: “Đa nghi thì không tin ai cả. Không tin thì sinh ngờ vực không ư. Không ư thì sinh ra thiên lệch tổn hại trí xét đoán. Trí hại thì sinh ám muội, công việc dễ bị sai lầm. Việc sai lầm thì sinh tai hại. Tai hại thì sinh gây nhiều lo âu. Nhiều lo âu thì tâm loạn mà sinh nhiều sợ hãi. Nhiều sợ hãi thì không còn nhuệ khí mà sinh nhu nhược. Nhu nhược sinh thì mọi việc gặp việc gì cũng trông trước ngó sau do dự không quyết đoán”. Trong lòng không có ý kiến quyết định thì không phân biệt lợi hại, không biết nên lấy cái nào bỏ cái nào cho đúng. Như vậy thì khi bị

hoạn nạn bên ngoài đến tấn công, ý kiến sẽ bất đồng, mình và người rời rạc, thế lực mỗi ngày một giảm sút, tất cả đều do căn bản từ sự nghi ngờ mà phát sinh ra cả.

Phải biết rằng hai khoản này nếu quả có chỗ khả nghi thì tại sao thiên hạ cũng đồng là người, tất cả đều thực hành mà không nghi ngờ gì cả, chỉ riêng một mình ta khám phá được chỗ khả nghi ấy hay sao? Lẽ nào trí tuệ khắp thiên hạ lại thua ta ư? Nay phải chăng thiên hạ sinh ra không có bầm tính ấy mà chỉ riêng ta có thôi? Vả lại việc làm của đông đảo các nước đều rõ ràng như thanh thiên bạch nhật, kế sách lớn ấy chắc chắn dần dần

sẽ đạt, tuần tự mà tiến tới, nhân việc này biết được việc kia, nhân việc đã qua suy ra việc sắp đến, dù trăm năm cũng có thể biết được, cần gì phải nghi ngờ. Nếu ta không biết cái thế của họ thì ta không thấy được âm mưu của họ, mà nếu cứ mỗi việc mỗi nghi ngờ, mỗi việc mỗi phòng bị thì như binh thư nói: Cái gì cũng phòng bị thì không cái gì phòng bị được chu đáo. Không chu đáo tức đem mình mà phòng bị cho người mà thôi. Nếu biết rõ họ chắc chắn do một con đường này mà tiến, và chỉ có một kế hoạch này có thể chống cự họ được thì phải quả quyết thi hành, cần gì phải nghi ngờ lúng túng cho tán loạn tâm trí? Phải biết rằng nghi là vì không định được sự thế, không tỏ tường sự lợi hại, cho nên

trong lòng phải tính toán kế này kế khác, có thể do đó mà làm nhiều việc đề phòng.

Nay việc làm của bọn họ, cốt yếu đều quy về hai kế hoặc hoãn hoặc gấp (Trong các bài bầm trước tôi đã nói rõ) mà đường lối chắc chắn có thể chống cự lại họ đều quy vào con đường cải cách canh tân và quảng giao các nước. Ngoài con đường này ra là ngoài sự hiểu biết của tôi. Nếu thực hành sớm sẽ phá tan được sự nghi ngờ. Nếu không thực hành thì họ càng nghi càng tiến. Cho đến khi mà họ tiến đến cũng như trường hợp năm xứ Ấn Độ, bấy giờ mới vệt hết nghi ngờ như mây tạnh trời quang. Như vậy

thì những gì nghi ngờ phòng bị xưa kia nay cũng tiêu, mà xét cho cùng cũng tại nghi ngờ cố chấp, để ngồi đợi cho đến lúc thấy tận mắt mới tin? Phải biết rằng ta một mực nghi ngờ người mà tìm cách chế ngự người thì người sợ bị ta chế ngự nên nghĩ cách chế ngự ta. Nếu đã xảy ra đề phòng chế ngự nhau thì phải xem thế lực ai mạnh ai yếu mà nghĩ đến thất bại một mất một còn, quyết không thể song song tồn tại thì chỉ có cách là chủ khách phân minh, khiến cho người biết rằng mỗi vật đều có chủ, khó vồ lấy được, họ mới dịu lời nguôi giận và không dám ỷ mạnh. Về việc thực hiện ra làm thì chỉ một bộ đại học thủy chung chuyên trách công việc như các nước trên thế giới thường làm, thực hành lâu mới biết rõ cái

lợi cái hại của mình và người. Đã thấy rõ sự lợi hại thì thân nhiên không sợ sệt, không làm chúng giận thì mới không gì xảy ra cho mình.

Đối với người Tây bất luận quan dân tôi chẳng thấy ai đáng sợ cả. Không phải tôi có sức mạnh gì hơn họ, nhưng mà đã biết rõ tính tình mưu kế của họ, chỉ có bình tĩnh hiểu rõ lý lẽ, hai điều ấy có thể đối ứng với họ không cùng, chẳng có gì phải sợ cả. Hàn Dũ nói: Sợ dĩ người ta sợ ma quỷ là vì không ai thấy nó. Nếu người người đều thấy thì quỷ cũng chẳng có gì đáng sợ. Cũng như thiên hạ ngày nay đều ở chung lộn với người Tây. Nếu

ai ai cũng thấy họ có cái gì đáng sợ và mỗi ngày một hoài nghi sợ sệt thì làm sao có thể giao tiếp lâu dài cùng nhau làm việc lợi được? Hơn nữa đối với vấn đề này có khi người kia áp dụng có lợi mà người này áp dụng lại sinh hại. Ví dụ thịt ngon thì rất tốt nhưng đối với người ăn không tiêu mà dùng vào sẽ có hại là vì sao? Bởi không tiêu hóa được. Có người ứng dụng thì bị bế tắc có người ứng dụng thì thông suốt cũng do khéo hay không khéo sử dụng mà thôi.

Sự lý trong thiên hạ có phải ai lúc nào cũng thẳng mãi được đâu. Cho nên binh thư nói: Thẳng có thể biết được nhưng không thể

làm được. Khổng Minh nói: Khôn lanh hay đần độn không phải do thấy không đúng mà cũng còn do ở thời thế và ý trời như thế nào nữa. Khắp mọi nơi người làm điều có lợi lớn mà đến ta thử ra làm có thể không được như ý muốn, chính đó là điều mà nhà hiền triết Mạnh Tử bảo thế nào là làm, thế nào là nên làm, thế nào là thôi không làm, thế nào khuyên không nên làm. Hơn nữa việc đời thường thường chưa có việc gì hoàn toàn lợi mà không có hại, chỉ do con người biết tùy cơ ứng biến mà thôi. Trí lự không bao giờ cùng, trong lợi có hại, biết tùy theo đó mà cải chính nó mới là người khéo vận dụng tài trí. Nếu chỉ biết tính toán (...bài chưa hết)

DI THẢO SỐ 56

Bài khai quyền tiền sửa cầu¹⁴

Tùng nghe:

Có phép đè sóng đó là cái cầu.
Xói đất thành sông, trời vốn lấy để
lưu thông nước đọng. Lấp sông làm
đường, người lấy đó để nối đoạn
đường cùng. Hóa đôi bờ thành phố
xá, thay đất trời chấp vá chỗ hư
hao. Suốt một đường Nam Bắc lưu
thông, cho người vật lại qua không

14 Bản chữ Hán: Hv 189/4 tờ 25 Không có ghi ngày tháng năm. Nhưng đây có lẽ là bài kêu gọi góp tiền làm cầu bắc qua kênh Gai, nối liền xã Nghi Diêm, huyện Nghi Lộc với xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An ngày nay. Nguyễn Trường Tộ có lẽ đã khởi xướng tu sửa chiếc cầu này trong khoảng thời gian từ 1868 đến 1871.

trở ngại. Muốn dân không lặn lội nước nôi, ắt phải có thời cơ thuận lợi.

Làng ta đây: Giáp thông hai huyện, đất chiếm trung khu. Tây xuống mấy từng non, trăm việc ngược xuôi, dẫu sương tiếng gà tiếp nối. Đông ôm ba mặt biển, tứ dân lên xuống, bụi xe chân ngựa liên miên. Cọc tre chụm lại, gầy dựng buổi đầu. Dây lạt buộc vào, sửa sang lúc tạm. Mấy độ gió mưa xiêu vẹo đội gánh đi qua, hằng lo nổi sẩy chân xuống vực. Bao phen ngập tràn lụt lội, vén xắn không khỏi, luống hao hơi cánh bến gọi đò. Đã không ô thước bắc cầu, lại thiếu rùa linh đỡ bước.

Thiết nghĩ: Góp của thế gian giúp người thiên hạ, sáng chói thay hiếu nghĩa đồng bào. Có nhà hăng sản, có kẻ hăng tâm, chẳng lẽ vô tình không giúp đỡ. Muốn bắc cầu vòng qua bên ấy, một cây làm chẳng nên công. Nên phải nhờ chung sức góp tay, nhiều người mới xong được việc.

Cúi mong những người tài chủ lạc thiện hảo tâm: Vén tay núi ngọc, cùng nhau hợp sức giúp đời. Mở nắp hang vàng, nhiều ít đáp lời kêu gọi. Ngõ hầu tích thiếu thành đa, khỏe lâu mệt tạm. Rồi đây: Cột cầu san sát dựng qua, sông trong trẻo ngàn thu vững chãi. Treo lên

vòng cầu bán nguyệt, đường ruổi
dong muôn dặm yên hàn. Người
người qua bến, kẻ kẻ nhớ ơn. Khách
khách sang sông, lời lời khen ngợi.
Có đâu chỉ đêm trăng thối sáo chơi
với khách tiên, hay bên cột đề thơ
gửi lòng tài tử, để làm tăng thẳng
cảnh làng ta phong quang bản xứ
mà thôi ư! Bộc bạch lời quê kính
mong nghe tỏ.

Nay khải

DI THẢO SỐ 57

Phong vũ biểu¹⁵

Ngày xưa người ta thường dùng phong vũ biểu để tiên đoán sự hạn hán lụt lội, phân biệt khí hậu, là những công việc cần yếu của nhà nông. Ngày nay các nhà khoa học còn dùng để khảo sát thiên văn địa lý, đo đạc hình thể cao sâu, có công cụ lớn trong khoa học mà nhà binh cũng cần dùng để xem thời tiết khí hậu. Binh pháp nói: “Biết trời thì thắng tất cả”. Trông khí hậu tức biết trời, cho nên đó là điều khẩn thiết đối với việc hành binh. Nguyên lý của phong vũ biểu rất phức tạp mà

¹⁵ Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/4 trang 36-41.

cách sử dụng cũng rất khó, biến đổi tùy theo độ số của mặt đất.

Nay xin phân biệt trình bày về nguyên do phát minh, cách chế tác và sử dụng như sau:

Vào thời nhà Chu có nhà văn nước Hy Lạp suy rằng khí trời có sức nặng. Nhà văn này chỉ suy ra biết thế thôi chứ chưa có gì làm chứng cứ xác thực. Đến cuối nhà Minh năm Vạn Lịch 19 người La Mã là Già Li Lược¹⁶ mới bắt đầu nói rõ rằng trên mặt đất có một lớp không khí xanh mờ bao bọc. Khí ấy có hình, có thể trông thấy và có chất có thể cân được nặng nhẹ. Tất cả những gì sinh ra trên quả đất bất

16 Galileo, người Ý.

luận sinh chất¹⁷ hay định chất¹⁸ đều nhờ khí trời để sinh ra và nuôi lớn. Nguyên lý này rất phiền toái không cho phép nói chi tiết tỉ mỉ được. Vậy xin chỉ nói một điểm về không khí có sức nặng mà thôi.

Người ta đã dùng nước trong, thủy ngân, so sánh với không khí mà biết được sức nặng ép xuống, nơi đường tiếp giáp của mặt biển với khí trời. Giả thiết lấy một cột nước trong, hình vuông mỗi bề một tấc cao 34m thì sức nặng của cột nước ấy được chừng 12 cân, lấy một cột thủy ngân hình vuông mỗi bề một tấc, cao 30 tấc thì sức nặng của cột thủy ngân này cũng nặng 12

¹⁷ Chất hữu cơ.

¹⁸ Chất vô cơ.

cân. Sức nặng của hai cột này cũng bằng sức nặng của một cột không khí vuông mỗi bề mặt một tắc, cao từ mặt đất đến chỗ tận cùng của lớp không khí bao bọc quả đất. Vì vậy người ta làm ra một khí cụ để đo lường sự nặng nhẹ của không khí. Khí cụ đó là phong vũ biểu.

Lúc mới đầu người ta làm một ống pha lê dài ba mươi hai tắc tây, một đầu kín một đầu trống, đựng đầy thủy ngân tinh chất, lại dùng một cái chậu làm đáy, đựng thủy ngân đến lưng chừng chậu, rồi đem ống thủy ngân kia úp đầu trống xuống chậu. Thủy ngân trong ống tụt xuống, để lại phần trên của ống một khoảng chân không.

Thủy ngân tụt xuống khi thấp nhất là hai mươi tám tấc và khi lên cao nhất là ba mươi một tấc. Ngoài ống người ta khắc chia độ để quan sát mức thủy ngân lên xuống. Khi trời u ám, khí trời ép xuống mặt chậu rất nặng, đẩy thủy ngân trong ống lên khoảng chân không nơi đầu ống. Khi trời có mưa, sức ép của khí trời xuống mặt chậu nhẹ, thủy ngân trong ống tụt xuống tràn ra ngoài chậu. Xem thủy ngân lên xuống thì biết trời sắp nắng hay mưa. Nếu nắng mưa thay đổi, không khí thác loạn không nhất định, thủy ngân cũng lên xuống không nhất định, nhưng mức lên xuống tương đối ngắn chứ không rất cao rất thấp như trường hợp nắng mưa. Nếu muốn biết không khí có sức ép nặng như thế nào, hãy thử

xem phong vũ biểu đặt vào một cái ống, có thể hút không khí ra hay bơm không khí vào, xong dùng máy rút không khí ra thì thấy mực thủy ngân trong ống pha lê xuống thấp dần, sau đó bơm không khí vào thì thấy mực thủy ngân lên cao dần. Căn cứ vào đó thì biết không khí có sức ép đè nặng.

Ngày xưa người ta dùng phong vũ biểu như thế, nhưng thường lo ngại thủy ngân trong chậu bị nghiêng đổ, khó an toàn mỗi khi di chuyển mang xách đi đâu. Ngày nay người chế ra phong vũ biểu bằng kim loại. Cách làm là dùng một miếng đồng mỏng loại thật tốt làm một cái hộp hình tròn dẹp trong

rỗng, mặt ngoài bằng phẳng, dùng máy rút hết không khí trong hộp ra rồi dùng thiếc hàn kín miệng hộp lại. Trên hộp đồng làm một kim chỉ độ dẫn ra ngoài mặt số có chia độ. Khi có sức ép nặng xuống mặt đồng thì hộp đồng xẹp vào liên động đến kim chỉ độ, kim sẽ theo đó xoay sang phía bên phải có những chữ nắng, hạn v.v... Nếu không khí nhẹ thì mặt hộp đồng phình ra lại, xoay kim sang phía bên trái có những chữ gió mạnh, mưa v.v... Xem kim chỉ bên trái bên phải cũng có thể đoán trước nắng mưa, hết như sự lên xuống của phong vũ biểu thủy ngân như vậy, nhưng cách sử dụng thì dễ dàng tiện lợi hơn.

Tuy nhiên không khí trên khắp địa cầu không phải chỗ nào cũng giống nhau, cho nên sự lên xuống có khác nhau. Người quan sát giỏi phải nhân đó mà suy lường, mới có thể chuẩn xác được. Bởi vì trên mặt đất gần xích đạo thì khí nhẹ, do sức ly tâm của quả đất lớn mà thành ra nhẹ, gần hai cực thì khí nặng vì sức ly tâm ít nên nặng.

Nay các nước phương Tây ở từ vùng ôn đới trở về phía Bắc, không khí ở đó nặng cho nên người ta chế phong vũ biểu cũng dựa vào điều kiện không khí ở đó. Nay đem dùng ở ta, địa phương gần xích đạo, thì mức độ lên xuống không bằng ở các nước phương Tây.

Cho nên hạn độ thay đổi lên xuống theo nắng mưa không được nhiều cần phải hết sức chú ý theo dõi ghi nhận mỗi ngày, để nghiệm sự thay đổi thời tiết, trong khoảng ba năm như vậy mới không sai. Còn như dùng để đoán định nắng hạn lâu, gió bão, mưa lụt thì đúng chắc chắn không sai. Nếu chỉ dùng có thể thì có thể đắc dụng lớn, nhưng sơ sót những công dụng nhỏ nhất khác.

Ở những địa phương gần xích đạo, sự loạn động của không khí có nhiều nguyên do, khó kể hết được. Nay chỉ nói đến nguyên do lớn. Căn bản của nguyên do lớn là cái không khí nóng nung đốt bởi mặt

trời trong mười hai tiếng đồng hồ đưa đến làm cảm động không khí ở mặt quả đất mỗi lúc một thay đổi, khiến tầng lớp không khí bị dồn đuổi, trong khi đó khí lạnh khí nóng trôi nổi không nhất định làm cho sức dẫn nở của không khí thoát lớn thoát nhỏ, mặt hộp đồng của phong vũ biểu bị sức ép tác động liên miên không kịp, cho nên kim chỉ một chỗ nhất định. Về nguyên nhân nhỏ thì vì mặt đất có cao thấp lồi lõm rừng đồng có sâm uất hoang trọc, bờ biển có vịnh đầm xiên lệch, núi non có chạy vòng hang hốc, cho nên không khí qua lại phần nhiều bị ngăn trở. Có khi cách nhau một dặm mà khí hậu hai nơi khác nhau rất xa. Cho nên xét nghiệm phong vũ biểu có khi cũng có chút ít sai khác. Người sử dụng

giỏi phải thuộc hết những sự lưu hành của không khí, nhân sự khác nhau của không khí trên trời dưới đất, suy từ cái này ra cái kia, sáng suốt nhận định thì có thể tận dụng cái kỳ diệu của nó.

Gần đây người các nước sử dụng phong vũ biểu rất nhiều. Ở phương Tây gần như mỗi gia đình đều có vì rất cần đến nó. Còn phong vũ biểu mà các nhà trắc lượng học dùng để đo đạc cao sâu thì phức tạp hơn và nguyên lý của nó rất sâu, lại không quan hệ đến công dụng hàng ngày nên không nói đến.

DI THẢO SỐ 58

Bài tựa sách ĐÀM THIÊN LUẬN¹⁹

(Đây cũng là bài tựa viết vào quyển đầu của Bộ sách Đàm Thiên dâng lên)

Phàm nhà khoa học thì phải bụng bao hết những việc xưa nay, mắt trông khắp trời đất, tinh thần chu du tận cõi xa xăm, tâm hồn thấu đến chỗ u huyền. Như vậy mới sáng suốt mà tâm đắc được những gì sách vở không thể truyền hết, ý hội được những gì người xưa không thể nói hết, mắt trông thấy hiện tượng mà tâm trí bao trùm sự hiểu

¹⁹ Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/4 trang 26-35.

biết ngoài hiện tượng đó nữa. Bởi vì trời tuy cao, đất tuy xa nhưng đều có sự thực chứ không chìm vào hư vô, không như khách văn chương chỉ dựa vào tưởng tượng. Tuy nói là sự thực nhưng nó cao dày thâm thúy vô cùng, thấy như gần nhưng thực là xa, thấy như nhỏ mà thực là lớn, thấy như tĩnh mà thực sự là động, thấy như nghịch mà thực sự là thuận, thấy như không có nguyên tắc mà thực sự là có nguyên tắc, thấy như là trừu tượng mà thực sự là cụ thể, không phải những chuyện tầm thường làm hằng ngày có thể đem so sánh được.

Bởi vì nếu đem sự vật trước mắt

ra mà cân đo, cứ cân từng lạng một thì đến thạch là sai rồi, cứ đo từng tấc một thì đến trượng là sai ngay. Huống chi to lớn như trời đất, bé nhỏ như muôn vật, nếu không phải là bậc thông minh khác thường trí tuệ sáng suốt chắc chắn không thể làm được.

Kẻ sĩ cao minh muốn nghiên cứu khoa học, trước hết phải hiểu rõ địa lý thiên văn để mở mối, thứ đến dùng quang học, cơ học, hóa học, thực vật học, đại số học, hình học cho được đầy đủ ứng dụng vào việc nghiên cứu. Rồi sau đem những sách của các nước xưa nghiên cứu về trời ra rỗng lòng khảo cứu, dẹp bỏ hết những thành

kiến tập quán cũ, không phân biệt giới vực, chỉ tập trung vào đó, vận dụng hết thần trí, ôm vũ trụ vào lòng, nhắm mắt lại mà như thấy rõ ràng trước mắt. Được đến như vậy mới có thể nói về trời. Nếu cứ giữ theo nề nếp cũ, không thông phương pháp mới, hiểu biết nông cạn làm sao nói đến việc này được. Đây là bài tựa. Mùa Xuân năm Tự Đức 16.

Bài tiếp bài tựa sách ĐÀM
THIÊN LUẬN

(Bài tựa này chép vào quyển đầu bộ sách Đàm Thiên dâng vua xem)

(Nguyễn Trường Tộ mới soạn)

Môn học thiên văn từ xưa Đông Tây đều đã có. Nhưng người xưa chuyên dùng số mà suy đoán ra đại thể, nên cái gần còn sai nhiều, nói gì đến những cái xa mắt chưa hề trông thấy? Gần đây người ta chuyên dùng các hiện tượng rồi lấy số tính toán cho nên có thể phù hợp chặt chẽ với những sự vận hành kỳ diệu của trời, có thể đưa con người lìa khỏi địa cầu mà ra tận ngoài không gian rất xa, có thể khiến thần trí con người bay bổng đến tận những chỗ không thể tưởng tượng được, có thể khiến con người phát minh được cái năng lực vô cùng cái kỳ diệu vô cùng của tạo vật.

Tất cả những gì trên thế gian thấy là thiếu sót, bất bình, khó hiểu người xưa đều đổ lỗi cho trời. Nhưng theo khoa học ngày nay mà quan sát thì đều có chỗ chí lý trong đó, có thể khiến người ta sực tỉnh những lầm lạc to lớn lưu truyền tự ngàn xưa, có thể khiến người ta biết rõ mọi vật trên quả đất, phương Bắc trời cho nhỏ bé chẳng khác một hạt bụi bay mà những thí dụ buồn cười trong thiên Thu thủy²⁰ chẳng có gì kỳ lạ. Những việc này đều do học về trời mà biết được, mà căn bản là hoàn toàn dựa vào sự quan sát hiện tượng. Bởi vì trời đất đều là vật thực, ở trên trời là tượng, ở dưới đất là hình, nhưng tất cả đều

20 Thiên Thu thủy trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử dùng nhiều hình ảnh thí dụ rất ngộ nghĩnh để nói về cái lẽ tương đối của vũ trụ xem trời đất nhỏ bé như hạt tấm hạt gạo, hạt bụi mây lông.

là vật thực có thể trông thấy. Nếu nói số tức chẳng qua dùng để thí dụ. Đó là đại khái chỗ được thua hơn kém của môn học về trời xưa và nay vậy.

Phương Đông nói về trời đều lấy Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập làm đầu, nhưng tất cả đều có chỗ sai lầm. Vì thế vua Khang Hy triều nhà Thanh đã đặc biệt dùng các giáo sĩ La Mã để sửa đổi phép làm lịch như Quang Lộc Đại Phu Thang Vọng²¹, Thái Thường Tự Khanh Nam Hoài Nhân²² v.v... khảo cứu sự sai lệch của năm tháng mà định lại thời tiết

21 Tức Joannes Adam Schall von Bell, giáo sĩ người Đức, được Khang Hy phong tước Quang Lộc Đại Phu.

22 Tức Ferdinandus Verbiest, giáo sĩ người Bỉ, được phong tước Thái Thường Tự Khanh.

và nhất luật ban hành trong tất cả các xứ thuộc quyền thống trị của nhà Thanh. Những sách biên khảo trong thời kỳ này có Hồn thiên thuyết, Cổ kim giao thực viễn kính thuyết, Tinh đồ đại trắc, Giao thực lịch chỉ, Hằng tinh lịch chỉ, Bát tuyền biểu học lược tiểu biện, Trắc thiên ước thuyết, Tân lịch bổ chú giải hoặc, Vĩnh niên lịch pháp, Bất đắc dĩ biện binh giản nghị tổng tinh đồ v.v... đến mấy trăm bộ không thể hết. Tuy nhiên lúc bấy giờ những phương pháp mới hãy còn ít không cần nói chuyện. Nay lược thuật một vài phương pháp mới để thấy cái lớn trước còn những cái nhỏ nhất xin miễn kể.

Ca Bạch Ni²³ sinh ở nước Phổ, đọc sách đạo, làm linh mục. Ông có nhiều kiến thức độc đáo. Có thể nói khoa học phương Tây đạt đến chỗ tinh vi là do ông mở đầu mà ra. Ông viết sách nói về sự xoay quay quanh của các thiên thể, hoàn thành vào năm Gia Tĩnh thứ 9, ông lý luận lập ra phương pháp mới cho rằng quả đất là một hành tinh xoay quanh mặt trời, giáp một vòng thành một năm, và mỗi ngày nó tự xoay quanh, giáp một vòng chung quanh nó thành một ngày đêm, quỹ đạo của nó ở khoảng giữa sao Kim và sao Hỏa. Phàm những chòm sao mà ta thấy như đi chậm lại, đứng yên, đi ngược lại, biến mất, nhấp nháy đó là sự chuyển động của bản thân sao ấy và sự chuyển động của

23 Ca Bạch Ni tức Copernic.

quả đất hai cái hợp lại mà sinh ra. Như trong một hình vẽ Thân là mặt trời, Giáp Ất Bính Đinh là quỹ đạo quả đất, Giáp Đinh Bính Ất là quỹ đạo các hành tinh ngoài, Dần Mẹo là bầu trời, quả đất tựa hồ như đi ngược lại theo chiều từ Mậu đến Kỷ. Những hành tinh khác cũng tương tự vậy. Quả đất và các hành tinh đều đi trong quỹ đạo của nó, cho nên thấy các ngôi sao như đứng yên rồi đi thuận, đi thuận rồi đi nghịch. Hiện tượng này cổ nhân đã nhiều đời suy nghĩ mà không giải thích được. Ca Bạch Ni bảo là do sự phối hội của hai chuyển động mà sinh ra. Chỉ nói một câu là đủ, không phải bàn luận phiền phức gì nữa. Nhưng lúc bấy giờ chưa chứng minh được. Sau độ Bạch Lạp Lý (?) đo được sự sai lệch

về ánh sáng của các ngôi sao, Luật Đức (?) đo được sức hút ở xích đạo nhỏ hơn ở hai cực, Nại Đoan²⁴ suy được nguyên lý vật rơi và chứng minh được sức hút, Khắc Bạch Nhĩ²⁵ thì suy ra được ba nguyên tắc. Nhiên hậu cái thuyết quả đất xoay mới được rõ ràng như ban ngày không còn nghi ngờ gì nữa.

Nay đem một vài chứng minh nói sơ lược như sau:

Bạch Lạp Lý bảo rằng quả đất và ánh sáng đều đi thì sinh ra thị sai (Sự trông thấy sai lệch). Ý cho rằng quỹ đạo quả đất hết sức lớn khi ở hai điểm đối nhau mà nhìn một ngôi sao thì chắc chắn có góc

²⁴ Nại Đoan tức Newton.

²⁵ Khắc Bạch Nhĩ tức Johanrn Kepler.

sai. Nhân đó ông cùng với người bạn là Ma Lợi Ngưu (?) lấy ngôi sao thứ hai của sao Thiên Bổng cùng đo. Khởi sự đo vào năm Ung Chính thứ ba thì thường thấy sao Bắc có cái khuynh hướng nghiêng về phía Nam. Như trong hình vẽ quả đất ở tại Giáp thấy sao Ất như ở tại Bính. Giả như có góc sai thì quả đất tại Đinh phải thấy sao tại Mậu mà trái lại thì thấy tại Kỷ, tương phản với lý luận về góc sai. Do đó các ông mới nghi ngờ những dụng cụ dùng để đo đạc là không được chính xác, bèn kiểm tra chỉnh lại các dụng cụ rồi tiếp tục đo đạc, kết quả vẫn như trước. Từ tháng 11 đến tháng 3 sao sai về Tây Nam, từ tháng 3 đến tháng 11 sao lại sai về phía Bắc. Nếu đi vòng quanh một Tiểu Tuy Phụ, như hình vẽ Giáp

là Bắc Cực, Ất là Thiên Tý tìm mãi không ra lý do. Một hôm tình cờ dạo thuyền đi chơi, cứ mỗi lần trở mái chèo gió nghiêng thì thấy lá cờ trên cột buồm lại hơi đổi phương hướng, đấy không phải là gió đổi phương hướng mà chính là thuyền đổi phương hướng, ông mới chợt hiểu rằng sự sai lệch Nam Bắc của ngôi sao là do sự biến đổi đường đi của quả đất hợp với sự chuyển động của ánh sáng mà sinh ra. Căn cứ lý lẽ này mà suy ra sự sai lệch của ngôi sao thì đều phù hợp với hình vẽ. Đường đi từ Giáp đến Ất trong khi đó ánh sáng đi từ Bính đến Ất. Hợp hai chuyển động lại cho nên ánh sáng từ Đinh đến Ất khi vào mắt ta thấy ngôi sao tại Bính như ở tại Đinh vậy. Cái phương hướng ánh sáng vào mắt ta tức là cái

phương hướng mắt ta trông thấy ngôi sao. Cho nên trông thấy sao đều có góc sai vậy. Điều này chứng minh rõ ràng quả đất xoay quanh mặt trời. Đó là một vấn đề hết sức trọng yếu trong thiên văn học.

Vả lại sự truyền đi của ánh sáng do Lặc Mặc Nhĩ (?) đo sự chuyển đi của sao Mộc về phía mặt trăng lâu lắm mới biết được. Bởi vì sao Mộc khi nguyệt thực mới khuyết rồi sáng trở lại, với khi thực hiện đo đạc, thường hai kết quả không phù hợp nhau, có khi chậm vài phút, có khi sớm vài phút. Tìm nguyên nhân thì thấy rằng đó là do khoảng cách giữa quả đất và sao Mộc xa hay gần mà ra. Khi khoảng cách xa

thấy chậm, khi khoảng cách gần thì sớm. Nhân đó hiểu ra lý truyền đi của ánh sáng. Như trong hình vẽ, Bính là quỹ đạo sao Mộc, Giáp Ất là quỹ đạo của quả đất. Khoảng cách hai bên ước chừng năm ức năm ngàn dặm. Khi quả đất đi đến điểm Giáp thì sẽ cách sao Mộc xa hơn khi nó ở điểm Ất. So sánh thì hơn ước chừng năm ức năm ngàn vạn dặm. Nếu giả thuyết ánh sáng không truyền đi thì quả đất dù ở Giáp hay ở Ất trông nguyệt thực đều như nhau không có thời sai (Sự sai lệch nhau về thời gian), thế mà thời sai đo được là 16 phút $\frac{1}{4}$. Theo đó thì biết ánh sáng truyền đi rất nhanh, một truyền đi ước chừng ba ngàn ba trăm tám mươi lăm vạn dặm, một giây truyền đi được hơn năm mươi sáu vạn bốn

ngàn dặm, $1/8$ giây có thể đi giáp một vòng quả đất. Xem thế thì biết rằng ánh sáng cũng là một vật chất trong vũ trụ (Các sách có nói rõ).

Năm Khang Hy thứ 5, Nại Đoan ngẫu nhiên ở trong vườn thấy một trái cây rơi xuống. Nhân đó ông suy nghĩ rằng mặt trăng chắc cũng vì sức hút của quả đất nên mới xoay quanh quả đất mà không đi thẳng vào không gian. Nếu quả mặt trăng như vậy thì các hành tinh xoay quanh mặt trời cũng theo lý lẽ như vậy. Từ đó về sau ông hằng suy nghĩ suốt mười sáu năm, trước hết ông tìm sức hút trên mặt quả đất, thứ đến ông tìm tỷ lệ xem cách mặt đất bao nhiêu thì sức hút nhỏ

đi bao nhiêu. Được tỷ lệ này rồi, ông đem ra ứng dụng đo lường sự chuyển động của mặt trăng. Nhân đó biết rằng sức hút của quả đất tại một điểm tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách từ điểm đó đến trung tâm quả đất. Vì vậy sức hút của quả đất đối với mặt trăng nhỏ hơn $1/3.600$ sức hút đối với mặt đất. Giả thiết mặt trăng đi từ Giáp đến Ất, có một vật rơi từ Giáp đến Mậu, cả hai ắt sẽ đến cùng một lúc. Đo đoạn thẳng cung Giáp Ất, nếu Mậu Giáp nhỏ hơn mặt đất sức hút của đoạn thẳng cung phải được $1/3.600$, như thế là chứng minh được sức hút. Theo đó thì biết rằng đoạn thẳng của một vật trên đường đi vòng cung của mặt trăng trong thời gian một phút, tương đương với khoảng cách của

một vật rơi đến mặt đất trong thời gian một giây. Do đó ông đã tìm được định luật về sức hút xa gần. Đây là định luật chung đối với các thiên thể vận hành, đem áp dụng với các hành tinh Sao Chổi đều phù hợp cả. Nguyên lý nói rằng: Nếu một vật gì từ quả đất ném ra không gian, không bị sức cản sẽ mãi mãi đi thẳng và giữ nguyên tốc độ. Nếu có một sức khác tác động vào thì sẽ đi lệch. Như hình vẽ giả thiết quả đất chỉ có một sức đẩy duy nhất làm cho nó chuyển động thì nó phải đi thẳng Giáp Ất. Nếu không có sức đẩy này mà chỉ có sức hút của mặt trời thì quả đất sẽ đi thẳng vào mặt trời.

Nhưng sức đẩy và sức hút của mặt trời cả hai đều tác động vào

mãi không thôi cho nên cứ luôn luôn đi theo hình vòng cung không thay đổi, do đó mà thành ra quỹ đạo của quả đất. Quỹ đạo của các hành tinh cũng đều như thế, thường vẫn có tỷ lệ với sức hút lớn hay nhỏ, thể tích lớn hay nhỏ và khoảng cách xa hay gần đối với mặt trời. Sức hút cũng giống như ánh sáng, hễ phân tán thì nhỏ, tụ hợp lại thì lớn. Cường lực của nó lớn hay nhỏ tỷ lệ nghịch với bình phương của khoảng cách xa hay gần. Giả thiết có một hành tinh cách mặt trời gấp đôi khoảng cách của quả đất đối với mặt trời thì sức hút của nó bằng bình phương $1/4$ sức hút của quả đất. Vậy sức hút có hai nguyên lý: Một là tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách xa hay gần, hai là tỷ lệ thuận với thể

tích lớn hay nhỏ. Nếu dùng sợi dây dài cột vào chân rồi múa, mặt trời là tay cho nên những hành tinh rất xa cũng đều thống thuộc vào mặt trời, mà các tinh cầu cũng đều có nguyên lý hút lẫn nhau. Sức hút ấy mạnh hay yếu do sự khác nhau bởi khoảng cách xa gần và thể tích lớn nhỏ. Nhưng khoảng cách giữa chúng với nhau không đồng đều nên sinh ra sự sai lệch không bằng nhau. Mặc dầu sự sai lệch ấy rất bé, tích lũy lâu cũng có thể suy ra con số được. Nhưng mà cái sai lệch sau lại bổ vào cái sai lệch trước, cái trước cái sau bổ đắp cho nhau thành ra có biến đổi mà vẫn không thấy biến đổi. Đó là chứng minh xác thực về sức hút. Thế nhưng nếu quả có một ngày nào đó các hành tinh tiêu diệt, điều đó chắc không

phải vì sự vận hành của chúng sai lệnh ra ngoài quỹ đạo mà gây nên sự tan vỡ mà chỉ có tạo vật là làm chủ cái vận mệnh ấy mà thôi.

Lại nữa phàm một vật gì rơi xuống thì lúc bấy giờ có hai chuyển động: Một là rơi sinh ra bởi chuyển động hướng về tâm quả đất, hai là rơi theo vòng quanh tâm quả đất mà chuyển động đó vốn đã có trước khi vật chưa rơi. Thí dụ như thuyền đang đi, từ đỉnh cột buồm thả xuống một hòn đá chắc đá sẽ rơi xuống chân cột buồm nhưng hòn đá không cùng đi với chiếc thuyền nên không rơi kịp đến chân cột buồm. Phàm khi một vật gì rơi xuống thì sự chuyển động theo vòng quanh tâm quả đất làm cho vật ấy khi đạt đến mặt đất thì tự

lăn vào. Như trong hình vẽ Tuất Ty là vòng xích đạo của mặt đất, Dậu là tháp đo, Bính là đường thẳng đứng của tháp với tâm quả đất, Dần là chót tháp, Thân tự xoay quanh một vòng theo quả đất do Mậu làm quỹ đạo. Giả thiết chân tháp là Ất đi đến Bính thì chót tháp phải đến Đinh. Vòng ở chót tháp lớn hơn vòng ở mặt đất cho nên đá đo chuyển động vòng quanh quả đất thành nhanh hơn. Vì quả đất xoay, mặt đất và tháp đều đi về phía Đông, đá từ chót tháp rơi xuống có tốc suất ở chót tháp nhanh hơn ở chân tháp, cho nên đá đến đất phải rơi tại phía Đông của Bính. Nại Đoan khi mới rõ nguyên lý này bèn đem thí nghiệm tại một hầm mỏ than sâu hai mươi sáu trượng, qua nhiều lần đều thấy lệch về phía

Đông năm phân. Đó là chứng minh rất xác đáng về sự chuyển động của quả đất.

Ban đầu người xưa cho rằng các ngôi sao đều đi theo đường vòng tròn, trong đó quỹ đạo của sao Hỏa có hai tâm sai nhau rất lớn. Khắc Bạch Nhĩ, trong lúc sao Hỏa tiến thẳng về phía mặt trời thấy độ số đi của sao khác lạ mới nghĩ rằng phải chăng sao Hỏa đi theo đường bầu dục mà mặt trời là một trong hai tâm của đường bầu dục đó. Bèn đo đạc kỹ lưỡng thì thấy rõ ràng là các hành tinh đều đi theo hình bầu dục. Như hình vẽ, Giáp Bính Canh là quỹ đạo bầu dục của hành tinh Thân là tâm của mặt trời, vẽ

hai đường Giáp Thân Ất Thân thì Ất Thân là một phần của diện tích hình bầu dục. Hành tinh đi từ Giáp đến Ất, thời gian và diện tích có tỉ lệ với nhau. Giả thiết thời gian đi qua là một tháng, rồi từ các điểm Bính Đinh Mậu Kỷ Canh của quỹ đạo hành tinh làm tâm vạch các đường thì thấy các diện tích giữa hai đường đều bằng nhau và hành tinh đi qua đều mất một tháng như nhau. Đó là một cách khám phá mới thứ nhất của Khắc Bạch Nhĩ. Quan sát từ đó mà biết được giao điểm về ngày giờ của Xuân phân, Thu phân, Hạ chí, Đông chí không đồng đều nhau là do quả đất đi theo hình bầu dục vậy. Nếu diện tích bằng nhau mà tốc độ của hành tinh chậm nhanh không bằng nhau thì một đoạn từ Giáp đến Ất

là nhanh, các đoạn sau chậm dần. Cho nên hành tinh không phải luôn luôn đi với tốc độ bình thường. Đó là khám phá mới thứ hai của Khắc Bạch Nhĩ.

Người xưa đo thiên văn cũng biết rằng hành tinh không đi theo tốc độ bình thường nhưng không giải thích được. Đến Khắc Bạch Nhĩ mới có thể khảo cứu xác định dùng cách nào để phù hợp với tốc suất này. Có thể nói ông là người đã sửa đổi cách làm không nguyên tắc thành ra có nguyên tắc. Ông còn suy ra được các hành tinh cách mặt trời xa gần vì biết các hành tinh đều thống thuộc vào mặt trời. Bởi vì khi có hai hành tinh cùng vận

hành thì tỷ lệ bình phương vận tốc của chúng có tỷ lệ với lập phương khoảng cách giữa chúng với mặt trời. Đây thực là một nguyên lý trọng yếu mở ra cho ngành thiên văn học. Lấy bốn suất tỷ lệ mà suy, đã biết khoảng cách của hai ngôi sao với mặt trời và thời gian một ngôi sao đi giáp một vòng thì sẽ biết được thời gian ngôi sao kia đi giáp một vòng là bao nhiêu. Xem thế thì biết rằng một hành tinh không phải thốt nhiên hiện ra, đi một cách vu vơ mà tất cả đều theo một nguyên lý hết sức chính xác. Lấy thí dụ như sao Hỏa cách mặt trời gấp bốn lần khoảng cách sao Thủy với mặt trời. Lập phương của bốn thành ra sáu mươi bốn, lấy khai phương của số này thì được tám, như thế vận tốc của sao Thủy gấp

tám lần vận tốc sao Hỏa. Đường đi của ánh sáng ở quả đất cũng theo một nguyên lý này. Đây là nguyên lý thứ ba của Khắc Bạch Nhĩ.

Những điều dẫn ra trên đây là để chứng minh cái thuyết quả đất chuyển động. Bộ sách Đàm Thiên này đều chủ trương nói về thuyết quả đất chuyển động và chuyển động theo hình bầu dục. Những điều trong bài tựa và trong sách này nói đến đều là những trưng dẫn chứ không phải do sáng kiến phát ra. Vì vậy trước tiên đưa các chứng minh ra để làm sáng tỏ. Nhưng nếu chỉ đọc lướt qua một cách sơ sài những chứng minh này, chắc chắn khó thông hiểu được. Trước hết

phải đọc hết các bộ sách thiên văn từ trước đến nay, phân biệt chỗ hay dở đúng sai, rỗng lòng lý hội, như có đủ một thế giới mới riêng ở trong lòng, mài miệt nghiên cứu rõ ràng khúc chiết những thứ tự thuận nghịch của kinh vĩ thì mới có thể thấu triệt một cách minh bạch được. Những chứng minh này tuy chưa có chỗ sáng tỏ nhưng cần gì phải đợi có người vạch ra chỉ cho mới trông thấy. Nếu không thì xem mấy lời này nhiều người sẽ cho là viễn vông bịa đặt.

Những ai có chí với dân tộc hãy nên tìm tòi nghiên cứu trong môn học này, do đó cũng có thể hiểu được đại cương những bí mật của

trời đất. Nay nối thêm mấy điều để
cống hiến những ai hâm mộ.

Mùa xuân năm Tự Đức 16.

